

c) Về rà soát, tổng hợp giá trị các dự án mới ký kết và có khả năng sẽ ký kết trong giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa có trong danh mục đầu tư công trung hạn để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm nợ công trong giới hạn quy định:

Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, tổng hợp các hiệp định vay nước ngoài đã ký và chuẩn bị ký kết cho các chương trình, dự án đầu tư công để bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 71/2018/QH14 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 784/NQ-UBTVQH14 ngày 11/10/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài giai đoạn 2016-2020.

## **II. Lĩnh vực ngân hàng.**

### **1. Điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối.**

a) Điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ CSTT; phối hợp với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế:

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT, góp phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát và neo giữ lạm phát ổn định ở mức thấp (khoảng dưới 4%/năm), nâng cao giá trị đồng bản tệ, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường, chia sẻ và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh... tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Công tác phối hợp trong điều hành CSTT và CSTK giữa NHNN và Bộ Tài chính đã được triển khai đồng bộ, chặt chẽ từ cấp lãnh đạo đến các cấp tham mưu; qua đó giúp ổn định giá trị đồng tiền, hỗ trợ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời, góp phần hỗ trợ công tác phát hành trái phiếu Chính phủ, nâng cao hiệu quả quản lý ngân quỹ nhà nước.

b) Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ, duy trì ổn định lãi suất và giảm lãi suất cho vay:

Từ năm 2016 đến nay, việc điều hành lãi suất phải đối mặt với nhiều thách thức như: tình hình cân đối vốn, đặc biệt là vốn trung dài hạn, cho nền kinh tế Việt Nam còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn từ hệ thống ngân hàng; trong khi đó nhu cầu phát hành TPCP của ngân sách nhà nước liên tục tăng qua các năm; tâm lý thị trường trong nước phản ứng với các biến động của thị trường thế giới; hệ thống TCTD tiếp tục quá trình tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, nâng cấp về chuẩn mực quản trị điều hành NHTM theo thông lệ quốc tế; năng lực tài chính, quản trị, điều hành giữa các TCTD có sự khác biệt lớn; thị trường và kinh tế thế giới diễn biến bất thường và đảo chiều nhanh chóng,... Trong bối cảnh đó, NHNN đã điều hành đồng bộ các giải pháp để nỗ lực duy trì ổn định lãi suất và giảm lãi suất cho vay. Từ năm 2016 đến nay, NHNN điều chỉnh giảm khoảng 1-1,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,5-0,75%/năm trần lãi suất huy động các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; đồng thời kết hợp với điều tiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh khoản cho các TCTD, duy trì lãi suất trên thị trường liên ngân hàng ở mức phù hợp để tạo điều kiện hỗ trợ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho các TCTD; chỉ

đạo các TCTD tiếp tục rà soát và cân đối khả năng tài chính để áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động.

Trong những tháng đầu năm 2020, để kịp thời hỗ trợ nền kinh tế trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, NHNN đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về TCTD, chi nhánh NHNNg cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và giảm đồng bộ các loại lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh trong nhiều năm qua: (i) Giảm 0,5-1%/năm lãi suất điều hành để phát tín hiệu mạnh mẽ định hướng điều hành giảm lãi suất, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho TCTD; (ii) Giảm 0,25-0,3%/năm trần lãi suất huy động và giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay nhằm tiếp tục hỗ trợ giảm chi phí vốn vay của khách hàng.

Kết quả, từ năm 2016 đến nay, mặt bằng lãi suất duy trì ổn định, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm, hiện ở mức 5,5%/năm, qua góp phần tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Đến nay, lãi suất cho vay của Việt Nam ở mức trung bình so với mặt bằng của các nước có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực”.

c) Điều hành tỷ giá phù hợp với cân đối kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về ngoại tệ hợp pháp, mua được lượng ngoại tệ lớn bổ sung quỹ DTNHNN khi điều kiện thuận lợi:

Từ đầu năm 2016 đến nay, NHNN điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, NHNN thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước. Trong một số giai đoạn, NHNN thực hiện mua ngoại tệ từ các TCTD, bổ sung DTNHNN khi điều kiện thị trường thuận lợi. Ngược lại, trong một số giai đoạn (như cuối năm 2016, nửa cuối 2018), khi tỷ giá tăng, cầu ngoại tệ có dấu hiệu căng thẳng, NHNN đã thực hiện bán ngoại tệ can thiệp (bao gồm cả bán ngoại tệ kỳ hạn) để cân đối cung cầu ngoại tệ và ổn định thị trường ngoại tệ.

Những tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh kinh tế, tài chính thế giới biến động nhanh, phức tạp do tác động của dịch bệnh Covid-19, tâm lý trên thị trường có thời điểm bị tác động tiêu cực, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, điều chỉnh giảm tỷ giá bán can thiệp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp để bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô (tuy nhiên, đến ngày 07/5/2020, NHNN vẫn chưa phải bán ngoại tệ can thiệp thị trường). Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu vẫn khá thuận lợi, thanh khoản thông suốt.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng phù hợp nhằm chuyển hóa các nguồn vốn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thời gian qua, NHNN tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng đô la hóa, tăng niềm tin của người dân vào đồng Việt Nam, hạn chế những tác

động tiêu cực đến cung cầu ngoại tệ và chính sách tỷ giá, tiền tệ trong nước; tiếp tục thực hiện, triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng, góp phần ổn định thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, thông qua các chính sách quản lý hoạt động đối ngoại tệ, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân. Trong giai đoạn 2016-2020, với việc NHNN triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/ND-CP và các Thông tư hướng dẫn, thị trường vàng trong nước tiếp tục diễn biến ổn định và tự điều tiết tốt. Nhiều thời điểm giá vàng thế giới biến động mạnh, khó lường, giá vàng trong nước mặc dù điều chỉnh theo giá vàng thế giới nhưng tốc độ chậm hơn, thị trường không xuất hiện các cơn “sốt vàng”, giao dịch trầm lắng, doanh số mua, bán vàng miếng ở mức thấp.

2. Điều hành tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro trong tầm kiểm soát.

Bám sát các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát bình quân được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm NHNN đã xây dựng chỉ tiêu định hướng tín dụng cả năm, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; đã điều hành tín dụng nhằm kiểm soát quy mô phù hợp chỉ tiêu định hướng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng và kiểm soát lạm phát, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cụ thể:

- Thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm đối với từng TCTD trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động, khả năng tài chính và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh. Trong quá trình điều hành, NHNN xem xét điều chỉnh chỉ tiêu của một số TCTD nhằm đảm bảo hỗ trợ TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả cho doanh nghiệp và người dân.

- Chỉ đạo TCTD nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và cho vay ngoại tệ,...; tăng cường quản lý rủi ro đối với các dự án BOT, BT giao thông, tiêu dùng.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tăng cường triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn.

- Quyết liệt triển khai nhiều giải pháp căn cơ, cụ thể nhằm mở rộng tín dụng, tăng khả năng tiếp cận vốn, góp phần đẩy lùi tín dụng đen như: *(i)* Khảo sát tại một số địa phương để nắm bắt nhu cầu vốn tiêu dùng chính đáng của người dân, trên cơ sở đó, tổ chức các Hội nghị triển khai các giải pháp mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất và tiêu dùng nhằm hạn chế tín dụng đen; *(ii)* Ban hành kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai Chỉ thị 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm hạn chế tín dụng đen; *(iii)* Rà soát sửa đổi các quy định về cho vay tiêu dùng, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để tạo điều kiện cho các TCTD mở rộng các sản phẩm, kênh cho vay phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người dân; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với

các tổ chức TCVM và hệ thống QTDND, phát huy vai trò quan trọng trong việc gia tăng mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính; (iv) Chỉ đạo các TCTD phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng; đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi tiếp tay cho các đối tượng cho vay nặng lãi...

Nhờ triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu trên, từ năm 2016 đến nay, tín dụng đều có mức tăng trưởng dương ngay từ những tháng đầu năm và có mức tăng trưởng bình quân năm trên 16%. Cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế như lĩnh vực SXKD, lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro trong tầm kiểm soát. Những năm gần đây, tín dụng tăng trưởng phù hợp, được kiểm soát theo mục tiêu nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức cao, vừa đảm bảo mở rộng tín dụng hiệu quả, an toàn, cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, vừa phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát.

3. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng.

Từ năm 2016 đến nay, tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý mới về chuẩn mực an toàn để bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, xử lý các ngân hàng yếu kém trong trật tự, từng bước áp dụng chuẩn mực tiền tệ quốc tế vào hoạt động ngân hàng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, củng cố lòng tin của người dân vào hệ thống ngân hàng (Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành 15 Nghị định, 04 Quyết định; NHNN đã ban hành 161 Thông tư).

a) Về các cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại TCTD, xử lý nợ xấu, bảo đảm an ninh, an toàn, ổn định trong hoạt động ngân hàng:

- Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, góp phần giải quyết khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của TCTD, VAMC, đảm bảo quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, VAMC cũng như thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, trong đó đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

- Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Luật số 17/2017/QH14). Sau khi Luật được thông qua, NHNN đã ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết Luật (bao gồm 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 Thông tư), đồng thời tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung 12 Thông tư để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật.

- Ban hành các chính sách nâng cao năng lực quản trị, năng lực điều hành, chú trọng quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng: NHNN cũng đã tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về tổ chức, hoạt động của các TCTD, quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo hướng nâng cao năng lực quản trị, điều hành của TCTD và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế, điển hình như quy định về: hệ thống kiểm



soát nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNNg; tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh NHNNg; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNNg; xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg và QTDND...

- Tăng cường năng lực thể chế trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng: NHNN đã hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (CQTTSNH) theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra, giám sát ngân hàng, trong đó có quy định về áp dụng can thiệp sớm trong giám sát ngân hàng, bảo đảm theo dõi, đôn đốc, đánh giá kịp thời phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng. Đồng thời, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 thay thế Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014.

- Rà soát, sửa đổi quy định về hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND): Trong giai đoạn 2016 đến nay, hệ thống văn bản về ngân hàng Hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND được rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của QTDND, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn mới hiện nay ở Việt Nam.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật khác:

NHNN đã hoàn thiện hệ thống pháp lý về thanh toán với việc ban hành gần 20 Thông tư như quy định về: dịch vụ trung gian thanh toán, mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, hoạt động cung ứng và sử dụng phương tiện thanh toán, giám sát các hệ thống thanh toán, tiêu chuẩn kỹ thuật trong thanh toán, phí dịch vụ thanh toán,...

4. Tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng.

a) *Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “ Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020” theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ:*

Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo cơ cấu lại hệ thống các TCTD; NHNN đã ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án. Đến nay, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD và xử lý nợ xấu đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện ở những mặt sau:

- Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng: Đến cuối tháng 3/2020, tổng tài sản đạt 12,48 triệu tỷ đồng, tăng 46,8% so với cuối năm 2016.

- Năng lực tài chính của các TCTD được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm; chất lượng quản trị điều hành của các TCTD từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế: Đến cuối tháng 3/2020, vốn điều lệ của toàn hệ thống đạt 617,5 nghìn tỷ đồng, tăng 26,4% so với cuối năm 2016; vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống đạt 937,9 nghìn tỷ đồng, tăng 57,67% so với cuối năm 2016.

- Các NHTM do nhà nước nắm giữ từ trên 50% vốn điều lệ (NHTMNN) (không bao gồm 03 NHTM mua bắt buộc) tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các TCTD, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các TCTD yếu kém. NHNN giám sát chặt chẽ việc triển khai giải pháp cơ cấu lại của các NHTMNN, kịp thời yêu cầu rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động để khắc

phục các tồn tại, yếu kém. Đến cuối tháng 3/2020, vốn điều lệ của 04 NHTMNN (Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV) đạt 145,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,5% toàn hệ thống; tổng tài sản đạt 5.213,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,76% toàn hệ thống, tăng 37,01% so với cuối năm 2016.

Để tăng cường năng lực tài chính cho các NHTMNN bảo đảm thực hiện đúng các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đáp ứng mức đủ vốn theo chuẩn mực vốn Basel II (phương pháp tiêu chuẩn), NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng này thực hiện đồng bộ các giải pháp để bù đắp vốn thiếu hụt. Đồng thời, tích cực phối hợp với các Bộ liên quan (Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp) trình, báo cáo các cấp có thẩm quyền để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về quy định pháp lý để có cơ sở tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN, bảo đảm các ngân hàng này có đủ năng lực tài chính, hoạt động an toàn, lành mạnh. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, hiện NHNN đang hoàn thiện hồ sơ báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.

- Đối với các NHTMCP: NHNN tiếp tục giám sát các NHTMCP thực hiện Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, đồng thời yêu cầu một số ngân hàng rà soát tình hình triển khai, đề xuất sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế trong hoạt động.

Các NHTMCP đều tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Đến tháng 3/2020, vốn điều lệ của NHTMCP đạt 286,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,6% toàn hệ thống, tăng 42,51% so với cuối năm 2016; tổng tài sản đạt 5.252,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 42% toàn hệ thống, tăng 53,15% so với cuối năm 2016.

- Đối với 03 NHTM mua bắt buộc và Ngân hàng Đông Á (DAB): Trên cơ sở chủ trương, định hướng của các cấp có thẩm quyền và căn cứ quy định pháp luật, NHNN đã tập trung chỉ đạo 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB xây dựng, hoàn thiện phương án cơ cấu lại/phương án phục hồi, chủ động, tích cực tìm kiếm đối tác, đàm phán với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có nguyện vọng tham gia cơ cấu lại. Đồng thời, NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng mua bắt buộc sắp xếp lại mạng lưới hoạt động, tiết giảm chi phí, triển khai các hoạt động kinh doanh an toàn... trên nguyên tắc quyết liệt, thận trọng, chặt chẽ. Trên cơ sở đó, NHNN đã báo cáo các cấp có thẩm quyền về phương án xử lý 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB.

- Đối với các TCTD phi ngân hàng: Đến nay, các TCTD phi ngân hàng đang tích cực triển khai phương án cơ cấu lại đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hầu hết các TCTD phi ngân hàng đã được phê duyệt phương án cơ cấu lại đang có kết quả hoạt động kinh doanh ổn định. Một số TCTD phi ngân hàng thuộc sở hữu của các Tập đoàn, Tổng công ty đang tiếp tục thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ. Theo đó, NHNN đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án và tiến độ triển khai đối với một số TCTD phi ngân hàng yếu kém xử lý theo phương án đặc thù, TCTD phi ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

- Đối với hệ thống QTDND: NHNN đã tập trung chỉ đạo các đơn vị trong Ngành triển khai các giải pháp nhằm tăng cường củng cố hệ thống QTDND, tập

trung xử lý QTDND yếu kém; chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 của các QTDND trên địa bàn. NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 02/10/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trong hệ thống QTDND; đồng thời, trong năm 2019, đã ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND. Hiện NHNN đang tích cực chỉ đạo xử lý các QTDND yếu kém theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sự ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

- *Đối với tài chính vi mô (TCVM)*: Hoạt động của tổ chức TCVM trong thời gian qua đã có những hiệu quả nhất định trong việc hỗ trợ, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và hạn chế tín dụng đen. NHNN tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức tài chính vi mô để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động lành mạnh, hiệu quả.

b) Kết quả xử lý nợ xấu:

- *Về xử lý nợ xấu nội bảng*:

Nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD tiếp tục được xử lý, kiểm soát và duy trì ở mức dưới 3% (tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 3/2020 là 1,77%). Tính từ năm 2012 đến cuối tháng 3/2020, toàn hệ thống các TCTD ước tính đã xử lý được **1.076,95** nghìn tỷ đồng nợ xấu (riêng năm 2019 xử lý được 159,7 nghìn tỷ đồng và 03 tháng đầu năm 2020 xử lý được 26,94 nghìn tỷ đồng). Trong đó, khách hàng trả nợ là 261,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,3% tổng nợ xấu xử lý; sử dụng dự phòng rủi ro là 362,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,66%; nợ xấu bán cho VAMC là 329,48 nghìn tỷ đồng, chiếm 30,59% tổng nợ xấu xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD đến tháng 3/2020 ở mức **4,46%**, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016, mức 7,36% cuối năm 2017 và mức 5,85% vào cuối năm 2018.

- *Về xử lý nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42*:

Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 3/2020, cả hệ thống TCTD đã xử lý được **299,8 nghìn tỷ đồng** nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42; trong đó:

+ Xử lý nợ xấu nội bảng (không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC thông qua phát hành TPĐB) là 169,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 56,5% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết 42 là 65,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 21,79% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 65,08 nghìn tỷ đồng (chiếm 21,7%). Bên cạnh đó, đến thời điểm cuối tháng 3/2020, các TCTD đã sử dụng 154,58 nghìn tỷ đồng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu nội bảng.

*c) Về hiệu quả hoạt động của VAMC:*

Sau gần 07 năm đi vào hoạt động, VAMC một mặt vừa hỗ trợ các TCTD trong việc tái cơ cấu, lành mạnh hóa tài chính, vừa gián tiếp giúp khơi thông và thúc đẩy mở rộng tín dụng cho nền kinh tế một cách an toàn, hiệu quả, cụ thể:

- Hoạt động mua nợ của VAMC góp phần quan trọng trong việc duy trì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD ở mức dưới 3% trong suốt giai đoạn từ 2015 đến nay. Từ năm 2013 đến 31/3/2020, VAMC đã thực hiện mua nợ của TCTD số tiền lũy kế là 335.620 tỷ đồng, tương ứng với dư nợ gốc nội bảng là 367.406 tỷ đồng, trong đó: (i) Mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt (TPĐB) là 327.413 tỷ đồng (số dư nợ xấu nội bảng 359.393 tỷ đồng); (ii) Mua nợ xấu theo giá trị thị trường (GTTT) là 8.207 tỷ đồng.

- Việc xử lý nợ xấu tại VAMC đạt được kết quả tích cực, đặc biệt từ năm 2017 với sự ra đời của Nghị quyết 42. Từ khi thành lập đến cuối tháng 3/2020, VAMC xử lý được số tiền lũy kế là 272.246 tỷ đồng dư nợ gốc của TCTD (số tiền mua nợ của VAMC là 225.236 tỷ đồng), dư nợ gốc của TCTD còn lại phải xử lý 95.160 tỷ đồng. Trong tổng dư nợ gốc của TCTD đã được xử lý, VAMC phối hợp với các TCTD thu hồi được số tiền là 152.685 tỷ đồng. Đặc biệt, từ khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, kết quả thu hồi nợ của VAMC đạt 91.381 tỷ đồng, bằng 60% tổng giá trị thu hồi nợ lũy kế từ năm 2013 đến cuối tháng 3/2020 (152.685 tỷ đồng).

Hiện nay, VAMC đang triển khai Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực VAMC giai đoạn 2017-2020 (ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-NHNN ngày 05/01/2018 của NHNN) theo hướng tiếp tục duy trì vai trò của VAMC là công cụ đặc biệt của Nhà nước trong xử lý nợ xấu và là trung tâm thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ.

4.3. Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; sử dụng hiệu quả thông tin đánh giá tín nhiệm các TCTD; Rà soát để xử lý dứt điểm tình trạng sở hữu chéo; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hệ thống; Quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, hoạt động cho vay tiêu dùng:

\* *Công tác thanh tra* tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm các rủi ro có khả năng phát sinh thay vì xử lý sai phạm đã xảy ra. Từ năm 2016 đến hết Quý I/2020, NHNN đã thực hiện khoảng 5.500 cuộc thanh tra, kiểm tra; ban hành kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với trên 5.000 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra khoảng 41.000 kiến nghị, yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm; ban hành trên 600 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân.

\* *Công tác giám sát ngân hàng* thường xuyên được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngân hàng của các TCTD. Trên cơ sở những sai phạm, rủi ro phát hiện qua công tác giám sát,

NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, cảnh báo rủi ro, yêu cầu TCTD chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật.

\* *Về sử dụng thông tin xếp hạng các TCTD*: Để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh tiền tệ trong hoạt động ngân hàng, định kỳ hàng năm, NHNN tiến hành đánh giá, xếp hạng các TCTD dựa trên 06 tiêu chí theo mô hình CAMELS. Trên cơ sở kết quả xếp hạng, NHNN có các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình hoạt động và sự lành mạnh của từng TCTD như: (i) Xem xét, đánh giá về mức độ an toàn, lành mạnh của các TCTD; (ii) Kịp thời xác định các TCTD tiềm ẩn nguy cơ rủi ro; qua đó có các biện pháp ngăn chặn như: cảnh báo sớm tới các TCTD; yêu cầu TCTD xây dựng và thực hiện các phương án khắc phục; đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt...

\* *Về xử lý tình trạng sở hữu chéo*: Vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD đã được xử lý có hiệu quả, tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn, thao túng, chi phối ngân hàng được kiểm soát. Kết quả đến 31/12/2019: (i) Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đến nay đã khắc phục hết (năm 2012: 7 cặp); (ii) Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến nay còn tại 1 NHTMCP với 1 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp).

\* *Về quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, cho vay tiêu dùng*:

- *Đối với hoạt động của các công ty tài chính*: Trên toàn hệ thống hiện có 16 công ty tài chính đang hoạt động, trong đó có 12 công ty tài chính tín dụng tiêu dùng. NHNN thực hiện giám sát thường xuyên về tình hình tài chính và những vấn đề cần lưu ý đối với các công ty tài chính theo 02 nhóm (công ty tài chính hoạt động bình thường và công ty tài chính hoạt động yếu kém) đối với các nội dung: huy động vốn, cho vay, chất lượng tài sản, kết quả kinh doanh, tình hình thanh khoản, việc thực hiện các tỷ lệ an toàn hoạt động,... NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 18/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính theo hướng chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát và giảm rủi ro phát sinh từ hoạt động của các công ty tài chính, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo hoạt động cho vay tiêu dùng phát triển an toàn, bền vững, lành mạnh.

- *Đối với hoạt động cho vay tiêu dùng*: NHNN thường xuyên có các văn chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố kiểm soát tốt việc cấp tín dụng tiêu dùng, phục vụ đời sống của các công ty tài chính tiêu dùng, chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty tài chính tiêu dùng; đồng thời yêu cầu TCTD, công ty tài chính tiêu dùng chấn chỉnh lại hoạt động cho vay tiêu dùng, có chính sách lãi suất phù hợp, thu nợ đảm bảo minh bạch, đúng quy định. Bên cạnh đó, NHNN đã tăng cường làm việc trực tiếp với một số TCTD có tỷ trọng cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó có cấp tín dụng tiêu dùng ở mức cao hoặc có xu hướng tăng nhanh. NHNN cũng đã từng bước hoàn thiện các cơ chế, chính sách quy định về cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ nhu cầu đời sống liên quan đến bất động sản để bảo đảm quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng này.

\* *Về công tác đấu tranh phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố*:

Giai đoạn từ năm 2016 đến nay tiếp tục đánh dấu những bước tiến quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. NHNN đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: (i) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; (ii) Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 474/QĐ-TTg ngày 30/4/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động giải quyết những rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố giai đoạn 2019-2020.

Từ tháng 10/2017 đến nay, với vai trò là Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá đa phương của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam. Hiện nay, NHNN đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các hành động cần thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn APG để sẵn sàng phản hồi, bảo vệ kết quả đánh giá khi APG chính thức làm việc với Việt Nam.

5. Triển khai tích cực Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh ứng dụng và bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; triển khai thí điểm các mô hình thanh toán mới, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động thanh toán.

Giai đoạn 2016-2020 tiếp tục đánh dấu bước tiến vượt bậc trong sự phát triển của hoạt động thanh toán cả về chất và lượng với nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, tiện ích và hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; các chỉ số thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng ấn tượng; công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống TTKDTM được coi trọng và tăng cường; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được nhìn nhận, kiểm soát và xử lý kịp thời. Kết quả này được thể hiện ở những mặt sau: (i) Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phục vụ TTKDTM, nhất là thanh toán điện tử được đầu tư, nâng cấp, trong đó Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc; (ii) Hoạt động TTKDTM có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là thanh toán qua điện thoại di động và Internet; (iii) Xu hướng thanh toán trong nền kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng sử dụng các phương tiện TTKDTM nhiều hơn; (iv) Thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ công đã được chú trọng, tăng cường.

Để đạt được những kết quả như trên, NHNN đã chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm đẩy mạnh TTKDTM và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân theo chủ trương của Chính phủ như: (i) Triển khai hiệu quả Đề án phát triển TTKDTM (Quyết định 2545/QĐ-TTg ngày 31/12/2016) và Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công như thu thuế, điện, nước sinh hoạt, học phí, viện phí, chi trả các chương trình an sinh xã hội (Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018); (ii) Ban hành Bộ Tiêu chuẩn cơ sở thẻ chip nội địa, Bộ đặc tả kỹ thuật QR-code nhằm đảm bảo an toàn, tiện ích với chi phí hợp lý; (iii) Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, hiện đại vào các sản phẩm, dịch vụ thanh toán; (iv) Nâng cấp Hệ thống TTĐTLNH, chỉ đạo xây dựng Hệ thống thanh toán phục vụ các giao dịch bán lẻ (ACH) cho phép xử lý giao dịch thanh toán 24/7/365 nhằm đáp

ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nền kinh tế số; (v) Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính, có các biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

Cùng với công tác chỉ đạo phát triển TTKDTM, NHNN cũng đặc biệt chú trọng chỉ đạo, điều hành công tác đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán nói riêng và hoạt động ngân hàng nói chung; tích cực triển khai các giải pháp thí điểm các mô hình, công nghệ mới.

### **III. Lĩnh vực thông tin và truyền thông.**

1. Về Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử trên cả 03 nhóm chỉ số về hạ tầng viễn thông, nguồn nhân lực và dịch vụ công trực tuyến.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 để đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số, trong đó nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong đẩy nhanh ứng dụng CNTT gắn với cải cách bộ máy hành chính nhà nước. Khai trương và đưa vào hoạt động Trục liên thông văn bản quốc gia, tạo chuyển biến cơ bản trong việc sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước (100% bộ, ngành, địa phương đã kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia; tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi qua mạng tăng từ 72% năm 2018 lên 86,5% năm 2019, rất gần so với mục tiêu 2020 là 90%), là tiền đề hình thành một Chính phủ không giấy tờ, nâng cao hiệu suất công việc và tiết kiệm chi phí cho xã hội; tích cực xây dựng, hoàn thiện, ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thuê dịch vụ CNTT và quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT, rút ngắn khoảng 30% số bước thực hiện; ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số. Xây dựng và hoàn thiện Nghị định về định danh và xác thực điện tử; tuyên bố các doanh nghiệp an toàn, an ninh mạng Việt Nam làm chủ hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng là bước tiến rất quan trọng trong việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Chính phủ điện tử (CPĐT). Bộ TTTT đã thực hiện nhiều cách làm mới để thúc đẩy triển khai CPĐT.

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế về an toàn, an ninh mạng trong xây dựng CPĐT, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Trong năm 2019, Bộ TTTT đã ban hành 04 văn bản hướng dẫn nhằm đẩy mạnh triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Để thúc đẩy triển khai chữ ký số trong cơ quan nhà nước, Bộ TTTT đã ban hành Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05/7/2019 quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ ...

2. Việc thực hiện Luật Báo chí; Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.

Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Báo chí như: xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển báo chí (xây dựng Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030; triển khai Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025); ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Luật Báo chí (Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 08/02/2017 quy định về lưu chiều điện tử đối với loại hình báo nói, báo hình và báo điện tử độc lập với cơ quan báo chí; Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước và một số Thông tư hướng dẫn việc cấp phép, cấp thẻ nhà báo...); tổ chức thông tin cho báo chí, quản lý thông tin của báo chí; cấp phép, thu hồi các loại giấy phép; cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo; kiểm tra báo chí lưu chiều; đào tạo, bồi dưỡng trình độ chính trị, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người làm báo và cán bộ quản lý báo chí; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về báo chí.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Bộ TTTT đã ban hành Kế hoạch số 1738/KH-BTTTT, ngày 04/6/2019, về việc triển khai sắp xếp các cơ quan báo chí theo Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Thống kê đến trước khi Thủ tướng Chính phủ ký Quy hoạch báo chí, có 868 cơ quan báo chí in và điện tử; 67 Đài Phát thanh - Truyền hình; có 06/18 bộ, 04/04 cơ quan ngang bộ, 06/07 cơ quan thuộc Chính phủ và 33/63 địa phương đã thực hiện việc sắp xếp theo đúng quy hoạch. Theo phương án sắp xếp của Quy hoạch báo chí, dự kiến có 94 cơ quan chủ quản phải thực hiện việc sắp xếp đối với cơ quan báo chí trực thuộc (sáp nhập, giảm hoặc chuyển cơ quan báo chí sang chủ quản khác); đến năm 2025, sẽ giảm khoảng 180 cơ quan báo chí (còn 688 cơ quan). Năm 2019, có 24 hội ở trung ương có cơ quan báo thực hiện chuyển đổi mô hình, sắp xếp cơ quan báo, tạp chí để không còn cơ quan báo trực thuộc. Năm 2020, sẽ tiếp tục triển khai sắp xếp đối với cơ quan báo chí thuộc các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương, đảm bảo theo đúng phương án sắp xếp và lộ trình Quy hoạch báo chí, Bộ TTTT đã cấp giấy phép cho 18 các tạp chí thực hiện chuyển đổi, sắp xếp lại theo Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, cơ quan báo chí và cơ quan chủ quản.

- Từ đầu năm 2018 đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực báo chí. Cụ thể:

+ Đã ban hành 56 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 1 tỉ 256,6 triệu đồng, trong đó tước quyền sử dụng có thời hạn đối với 03 cơ quan báo chí; Thu hồi 10 thẻ nhà báo do có sai phạm. Các trường hợp bị xử phạt đa phần là báo, tạp chí điện tử; sai phạm chủ yếu là thông tin sai sự thật và thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.



Những sai phạm trong hoạt động báo chí được Bộ xử lý quyết liệt, kịp thời, đúng pháp luật. Việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm đã góp phần duy trì trật tự, kỷ cương trong hoạt động báo chí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

+ Tiến hành thanh tra đối với 11 cơ quan báo chí. Qua công tác thanh tra, có thể theo dõi, nắm bắt tình hình chấp hành quy định của pháp luật về báo chí của các cơ quan báo chí, từ đó, kịp thời tuyên truyền, nhắc nhở, hướng dẫn cơ quan báo chí tuân thủ quy định của pháp luật về báo chí; chỉ ra những thiếu sót để cơ quan báo chí sửa chữa, khắc phục, chấn chỉnh hoạt động; xử lý nghiêm minh khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về báo chí.

- Trong năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020, các cơ quan chức năng đã phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định (có một số trường hợp đã xử lý hình sự) đối với một số nhà báo, phóng viên lợi dụng danh nghĩa nghề nghiệp để trục lợi, sách nhiễu, tống tiền doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

+ Đã chủ trì 03 đoàn và phối hợp, tham gia 02 đoàn kiểm tra văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí tại 05 địa bàn: thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Tây Nguyên, thành phố Cần Thơ và 02 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, là các địa bàn “nóng”, có nhiều vấn đề nổi cộm, gây bức xúc cho địa phương; nhằm rà soát, chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động của các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú, bảo đảm hoạt động đúng quy định của pháp luật về báo chí.

#### 4. Về quản lý chương trình, nội dung phát thanh, truyền hình.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện; đang chỉ đạo hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản theo hướng sửa đổi, bổ sung hành vi, mức xử phạt, hình thức xử lý để phù hợp với tình hình hiện tại; hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường công tác quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình.

Bộ TTTT tổ chức vận hành đường dây nóng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình (hiện nay trung bình mỗi tháng tiếp nhận khoảng hơn 100 lượt cuộc gọi, tin nhắn, email) và tổ chức rà soát các thông tin phản ánh trên báo chí, trên mạng xã hội để kịp thời yêu cầu các Đài PTTH chấn chỉnh, khắc phục. Thường xuyên thực hiện nhắc nhở, cảnh báo (bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Giao ban báo chí hằng tuần) đối với các Đài PTTH có sai sót về nội dung thông tin. Yêu cầu các Đài PTTH tăng cường trách nhiệm biên tập, kiểm duyệt và chấn chỉnh lại toàn bộ hoạt động liên kết sản xuất chương trình để loại bỏ những nội dung phản cảm, thô tục, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam, những nội dung thiếu tính chính xác; đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động của đối tác liên kết, tránh tình trạng đối tác liên kết lợi dụng đưa lên nền tảng mạng xã hội các chương trình chưa được biên tập, kiểm duyệt nhằm câu "view", tạo "xi căng đan". Đã bổ sung tiêu chí về "kiểm soát chặt các chương trình, kênh chương trình liên kết, bảo đảm kênh chương trình thực hiện

đúng tôn chỉ, mục đích, tránh việc khoán trắng hoặc để đối tác chi phối về nội dung; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về liên kết sản xuất chương trình" thành 01 tiêu chí thi đua chủ yếu trong quy chế tổ chức phong trào thi đua Đài PTTH trên toàn quốc. Yêu cầu các Đài PTTH thực hiện nghiêm quy định về chế độ báo cáo định kỳ về hoạt động liên kết sản xuất chương trình, qua đó kịp thời nắm bắt thông tin và giám sát chặt chẽ hơn hoạt động liên kết của Đài.

5. Hệ thống chính sách, pháp luật về dịch vụ truyền thông; hoàn thiện quy định, quản lý hoạt động thông tin trên mạng xã hội. Triển khai chính sách quản lý nhà nước về thông tin trên Internet phù hợp; biện pháp xử lý thông tin không phù hợp với pháp luật Việt Nam đăng tải bởi các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài; quản lý thuê bao di động trả trước, khắc phục tình trạng sim rác, tin nhắn rác; phát triển hệ sinh thái nội dung số trong nước; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước xây dựng các dịch vụ nền tảng như mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, thương mại điện tử.

Các nội dung này sẽ được báo cáo cụ thể tại mục IV phần G (kết quả thực hiện Nghị quyết số 100/2019/QH14 của lĩnh vực thông tin và truyền thông)

#### **IV. Lĩnh vực điều tra tội phạm, thi hành án hành chính.**

##### **1. Nâng cao chất lượng điều tra, khám phá tội phạm.**

Chất lượng công tác điều tra tội phạm tiếp tục được nâng lên. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự, nhất là các vụ rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng luôn vượt các chỉ tiêu Quốc hội đề ra, điều tra, khám phá nhanh các vụ trọng án, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội. Triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo chuyên đề; thực hiện nhiều giải pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ, tấn công trấn áp tội phạm, góp phần kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, giải quyết tốt những vấn đề phức tạp nổi lên trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, nhất là trong thời điểm phòng, chống dịch Covid-19. Toàn lực lượng Công an đã điều tra, khám phá 9.790 vụ phạm pháp hình sự (đạt tỷ lệ **85,11%**), bắt 23.052 đối tượng; triệt phá 455 băng, ổ nhóm tội phạm; bắt, vận động đầu thú 1.607 đối tượng truy nã; bắt, 2.484 vụ, 13.093 đối tượng cờ bạc. Tiếp tục chỉ đạo triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ tăng cường nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh với tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm. Tập trung đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuy nhiên, tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng và chức vụ diễn ra nghiêm trọng trên lĩnh vực đầu tư, xây dựng, quản lý tài sản công, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quản lý đất đai... với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái để trục lợi; thiếu trách nhiệm gây thiệt hại tài sản nhà nước. Tội phạm và vi phạm pháp luật về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém, xâm phạm sở hữu trí tuệ diễn ra phức tạp. Đáng chú ý, lợi dụng dịch COVID-19, hoạt động buôn lậu, đầu cơ, làm giả các mặt hàng phòng chống dịch bệnh (khẩu trang, dung dịch sát khuẩn) tăng mạnh, gây bức xúc dư luận. Đã phát hiện 2.867 vụ, 3.052 đối tượng phạm tội về trật tự quản lý kinh tế, giảm 50,76% so với

cùng kỳ năm 2019; 64 vụ, 141 đối tượng về tham nhũng, chức vụ (giảm 12,33% về số vụ).

Tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm, về xả thải gây ô nhiễm môi trường, về khai thác phép lâm sản, khoáng sản. Tuy nhiên, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường còn diễn biến phức tạp nổi lên là hành vi vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm; xả chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại; khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép tài nguyên khoáng sản nhất là cát, sỏi. Tình trạng vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng, quản lý rừng tại địa bàn Tây Nguyên chưa được ngăn chặn hiệu quả.... Đã phát hiện, xử lý 7.628 vụ, 7.916 đối tượng phạm tội và vi phạm pháp luật về môi trường và an toàn thực phẩm (nhiều hơn 19,99% số vụ so với cùng kỳ năm 2019)...

2. Tăng cường biện pháp phòng, chống oan, sai, bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Nghị định số 68/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thí điểm lắp đặt ghi âm, ghi hình có âm thanh các cuộc hỏi cung; triển khai Đề án cơ sở vật chất và tổ chức bộ máy thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuy nhiên, vẫn còn một số vụ việc kéo dài, nguyên nhân chủ yếu là do chưa thống nhất được số tiền thiệt hại phải bồi thường.

3. Việc chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có liên quan thực hiện quy định tại Điều 60 của Luật Tố tụng hành chính (Luật TTHC) về cử người đại diện tham gia tố tụng.

Thực hiện Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (Luật TTHC năm 2015), Chính phủ đã chỉ đạo UBND, Chủ tịch UBND các cấp phải thực hiện nghiêm quy định về cử người đại diện tham gia tố tụng hành chính. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo trực tiếp tại Hội nghị về công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài được tổ chức ngày 19/5/2018. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã có nhiều văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều địa phương (như: Đồng Nai, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Yên Bái...) đã ban hành các Chỉ thị, công văn chỉ đạo các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính trong đó có nội dung chỉ đạo thực hiện nghiêm Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Ngày 28/5/2019, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị trực tuyến với 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính nhằm đánh giá thực trạng, nguyên nhân tồn tại,

hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính.

Thực hiện kiến nghị của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội tại Báo cáo số 1516/BC-UBTP14 ngày 26/9/2018 về kết quả giám sát “*Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân*”, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1152/QĐ-BTP ngày 21/5/2019 thành lập Đoàn kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính và công tác thi hành án hành chính của UBND và Chủ tịch các cấp tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 22/5/2019, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 1848/KH-BTP về việc kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính và công tác thi hành án hành chính của UBND và Chủ tịch UBND. Trên cơ sở Kế hoạch kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra và ban hành các Kết luận kiểm tra tại các địa phương nêu trên. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang đôn đốc việc thực hiện các Kết luận kiểm tra.

4. Về kết quả thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành.

- Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp rà soát và báo cáo kết quả rà soát các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính chưa thi hành xong; yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (i) Thi hành đúng, đầy đủ, kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật; (ii) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan trực thuộc thực hiện các bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến lĩnh vực, địa bàn quản lý, nhất là các vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài, dư luận xã hội quan tâm; xử lý trách nhiệm của người phải thi hành án theo quy định của pháp luật; (iii) Tập trung thi hành dứt điểm trong năm 2018 các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật còn tồn đọng.

Trước đó, ngay từ đầu năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó yêu cầu các bộ, ngành, địa phương “*Tập trung thi hành dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án dân sự, bảo đảm thi hành dứt điểm các bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính còn tồn đọng*”. Sang năm 2019, tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ cũng xác định việc *thực hiện nghiêm pháp luật về tổ tụng hành chính* là một trong những nhiệm vụ, giải pháp mà các bộ, ngành, địa phương phải thực hiện.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 1051/NQ-UBTP14 và Kế hoạch số 1052/KH-UBTP14 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Chính phủ đã có Báo cáo số 164/BC-CP ngày 10/5/2018 về việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND, Chủ tịch UBND. Ngoài 10 địa phương thuộc đối tượng chịu sự giám sát nêu trên, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức kiểm tra liên ngành trong tháng 07/2018 đối với 03 địa phương có án hành chính chưa thi hành là: Đắc Lắc, Cà Mau, Kiên Giang.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 về việc tăng cường chấp hành pháp luật TTHC và thi hành án hành chính, thể hiện sự chỉ đạo quyết liệt đối với công tác chấp hành pháp luật TTHC và THAHC nhằm bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong bộ máy hành chính nhà nước và đặt ra yêu cầu công tác thi hành án hành chính phải đạt được hiệu quả. Hiện nay, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự triển khai, đôn đốc thực hiện trong toàn Hệ thống.

- Về kết quả theo dõi thi hành án hành chính từ năm 2017 đến nay:

Trong 03 năm 2017, 2018, 2019, Tòa án nhân dân các cấp đã chuyển giao cho cơ quan THADS 6.881 bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính, trong đó có 5.829 bản án, quyết định không có nội dung phải theo dõi và 1.052 bản án, quyết định có nội dung theo dõi. Kết quả, đã có 713 bản án được UBND, Chủ tịch UBND các cấp thi hành, chỉ đạo thi hành xong, đạt tỷ lệ 68%; số chưa thi hành xong: 339 bản án, chiếm tỷ lệ 32%. Chưa có trường hợp nào người phải thi hành án hành chính bị xem xét, xử lý trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ thi hành án hành chính, trong khi Tòa án có thẩm quyền đã ban hành 240 quyết định buộc thi hành án hành chính.

Trong 06 tháng đầu năm 2020 (từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/3/2020): Tòa án nhân dân các cấp đã chuyển giao cho cơ quan THADS 1.368 bản án, quyết định về vụ án hành chính, trong đó có 1.113 bản án, quyết định không có nội dung phải theo dõi và 255 bản án, quyết định có nội dung theo dõi. Bên cạnh đó, còn có 324 bản án, quyết định từ kỳ trước chuyển sang có nội dung tiếp tục theo dõi. Các cơ quan THADS đã ra văn bản thông báo tự nguyện thi hành án đối với 358 việc; đăng tải công khai 114 Quyết định buộc thi hành án; tổ chức làm việc với người phải thi hành án 119 vụ việc; có 32 văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với vụ việc do vi phạm nghĩa vụ thi hành án. Kết quả: thi hành xong 138 việc và đang tiếp tục thi hành 441 việc.

## **Đ. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2018/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 5, QUỐC HỘI KHÓA XIV.**

### **I. Lĩnh vực giao thông vận tải.**

#### **1. Về kết cấu hạ tầng giao thông.**

a) Rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, quy hoạch giao thông:

Thực hiện Luật quy hoạch và Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) đang triển khai lập quy hoạch các quy hoạch ngành quốc gia trong các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không và đường thủy nội địa (Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập các quy hoạch ngành quốc gia, dự kiến Bộ GTVT sẽ trình phê duyệt các quy hoạch này trong tháng 12/2020). Trong quá trình lập các quy hoạch ngành quốc gia sẽ rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, tình hình đầu tư theo quy hoạch của các chuyên ngành giao thông làm cơ sở để xây dựng các quan điểm, mục tiêu, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bảo đảm các yếu tố: tính liên kết và hệ thống giữa các ngành, các vùng trong cả nước; tính khả thi trong việc triển khai, phù hợp với nguồn lực đất nước giai đoạn

2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Hoạt động vận tải đường sắt, phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt; trình Quốc hội phương án đầu tư hệ thống đường sắt tốc độ cao tuyến Bắc - Nam vào năm 2019:

- Về chấn chỉnh hoạt động vận tải đường sắt:

Bộ GTVT đã chỉ đạo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt để cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết (đã cắt giảm từ 45 điều kiện kinh doanh đường sắt xuống còn 08 điều kiện - giảm 82%); cắt giảm thủ tục hành chính (đã cắt giảm từ 20 thủ tục hành chính xuống còn 11 thủ tục hành chính - giảm 45%); chỉ đạo xây dựng, phân bổ, công bố biểu đồ chạy tàu; thực hiện việc tổ chức kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác quản lý phương tiện và người lái tàu, chỉ đạo lực lượng thanh tra đường sắt tăng cường công tác kiểm soát tải trọng trong đó lồng ghép các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo kế hoạch với công tác kiểm soát tải trọng. Tổ chức tốt công tác vận tải phục vụ hành khách và vận chuyển hàng hóa trong các dịp cao điểm Lễ, Tết; thực hiện chính sách giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật; tăng cường công tác phòng chống khủng bố, phòng chống buôn lậu gian lận thương mại và hàng giả; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác vận chuyển hành khách, hành lý và hàng hóa bằng đường sắt.

- Phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt bảo đảm an toàn, hiệu quả:

Giai đoạn đến 2021, tập trung nâng cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có; tiếp tục rà soát, kêu gọi đầu tư các dự án đã nghiên cứu; tập trung nghiên cứu dự án tiền khả thi đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam làm cơ sở chuẩn bị về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ... Giai đoạn 2021 - 2032, cân đối và bố trí vốn để hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án theo quy hoạch, nhất là các tuyến kết nối đường sắt đến cảng Hải Phòng, cụm cảng Cảng Cái Mép - Thị Vải; hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam để có thể thực hiện đầu tư giai đoạn 1. Giai đoạn 2032 - 2050, tiếp tục đầu tư và hoàn thành toàn tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

Hiện nay, trên cơ sở nguồn vốn được bố trí (7.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020), Bộ GTVT đã phê duyệt 04/04 dự án đường sắt quan trọng nhằm cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh và đang triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công. Theo kế hoạch dự kiến sẽ khởi công gói thầu đầu tiên vào tháng 5/2020, phấn đấu hoàn thành các dự án trong năm 2021. Đồng thời, để chuẩn bị cho kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, từ tháng 10/2019, Bộ GTVT đã chỉ đạo lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập chủ trương đầu tư các dự án nhằm tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có, nghiên cứu đầu tư các tuyến mới theo quy hoạch.

- Về trình Quốc hội cho ý kiến về phương án đầu tư hệ thống đường sắt tốc độ cao tuyến Bắc - Nam vào năm 2019:

Hiện nay, Hội đồng thẩm định nhà nước đang triển khai các thủ tục để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án theo Quyết định số

859/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở đó Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

c) Về thu hút mạnh nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông:

Bộ GTVT đang đẩy mạnh kêu gọi xã hội hoá đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó có các dự án đường cao tốc trọng điểm như: dự án đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; 08/11 dự án trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông và một số dự án đường cao tốc khác. Tuy nhiên, việc triển khai các dự án này theo hình thức PPP đang gặp nhiều khó khăn, Bộ GTVT đã báo cáo, đề xuất và được Chính phủ thống nhất:

- Về dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông: Chuyển đổi 8 dự án đầu tư PPP sang hình thức đầu tư công sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước. Giao Bộ GTVT chuẩn bị các thủ tục cần thiết để có thể triển khai ngay sau khi Quốc hội chấp thuận chuyển đổi hình thức đầu tư các dự án từ đầu tư PPP sang đầu tư công.

- Về dự án đường bộ cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ: Chấp thuận chuyển đổi hình thức đầu tư Dự án từ phương thức đối tác công tư sang đầu tư công, khởi công dự án vào cuối năm 2020, mục tiêu thông xe kỹ thuật vào năm 2021, khánh thành năm 2022.

## 2. Công trình giao thông.

a) Biện pháp, giải pháp, hoạt động chỉ đạo điều hành nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; thực hiện tốt công tác đấu thầu, ưu tiên các nhà đầu tư, nhà thầu trong nước đủ điều kiện, năng lực:

Nhằm nâng cao công tác quản lý tiến độ, chất lượng các dự án, đặc biệt các dự án trọng điểm, Bộ GTVT đã có nhiều biện pháp, giải pháp hành động thiết thực như: Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, trực tiếp cử cán bộ tại hiện trường để phối hợp cùng các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án đôn đốc tiến độ, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng công trình; tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường...; đồng thời, thường xuyên phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành rà soát tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Từ đó đề xuất các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án xây dựng công trình giao thông như ban hành văn bản nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý trong công tác đấu thầu, ký kết, quản lý hợp đồng và chế tài xử lý vi phạm hợp đồng của nhà thầu xây lắp; Chỉ thị tăng cường công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ, công vụ liên quan đến hoạt động quản lý, thực hiện dự án, phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực; Chỉ thị tăng cường kiểm soát công tác lựa chọn nhà thầu và quản lý thực hiện hợp đồng xây lắp các dự án xây dựng công trình giao thông...

Rút kinh nghiệm trực tiếp từ quá trình thực hiện các dự án lớn trước đây, để tiến tới triển khai các dự án trọng điểm có quy mô lớn, Bộ GTVT đã ban hành Quy định kiểm tra, kiểm soát tiến độ, chất lượng công trình; sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán và nghiệm thu hoàn thành công trình; Quy định về quản lý những ảnh hưởng đến dân sinh trong quá trình xây dựng các dự án giao thông.

Liên quan đến công tác quản lý trong đấu thầu, thời gian qua, Bộ GTVT đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị yêu cầu các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chấn chỉnh hoạt động, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng.

b) Kết quả triển khai các công trình, dự án trọng điểm:

Danh mục các công trình, dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải gồm 48 công trình, trong đó đến nay đã đưa vào khai thác, sử dụng 24 công trình. Các công trình đưa vào khai thác đều cơ bản đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế, an toàn công trình. Việc đưa các công trình quy mô lớn, đạt chất lượng cao vào khai thác sử dụng một mặt đã đáp ứng được nhu cầu của người dân quanh khu vực dự án đi qua, mặt khác góp phần rút ngắn khoảng cách và thời gian đi lại giữa các vùng miền, các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực, bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án. Hiện nay, còn lại 24 dự án chưa hoàn thành, trong đó đang triển khai thi công 12 dự án và đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai 12 dự án (08 dự án thành phần thuộc dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; đường sắt Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo; Cảng hàng không quốc tế Long Thành; nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; cải tạo đường cất hạ cánh và đường lăn 02 sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất).

c) Về các dự án chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư:

- Các công trình chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư gồm:

Nhóm dự án đường bộ chậm tiến độ gồm có 02 dự án là cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và cao tốc Bến Lức - Long Thành.

Nhóm dự án đường sắt đô thị chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư gồm có 05 dự án, trong đó: 03 dự án do thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư (Dự án đường sắt đô thị tuyến số 1 Bến Thành - Suối Tiên và tuyến số 2 Bến Thành - Tham Lương do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư, Dự án đường sắt đô thị tuyến số 3 Nhôn - Ga Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư); 02 dự án do Bộ GTVT làm chủ đầu tư (Dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông, Dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến số 1 Yên Viên - Ngọc Hồi).

- Nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan:

Hầu hết các dự án trọng điểm đều là dự án quy mô lớn, đòi hỏi quy trình quản lý, công nghệ thi công phức tạp; có những dự án lần đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam (các dự án đường sắt đô thị), trong khi chủ đầu tư chưa có kinh nghiệm quản lý thực hiện; năng lực nhà đầu tư, ban quản lý dự án, tổng thầu, nhà thầu, tư vấn còn hạn chế, chưa thực sự chuyên nghiệp... dẫn đến các khó khăn, vướng mắc không được xử lý triệt để, nhiều nội dung phải điều chỉnh, dẫn đến việc thời gian thực hiện bị kéo dài, điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư... Bên cạnh đó, còn có các nguyên nhân khách quan như: biến động lớn về giá đầu vào cho các công trình xây dựng, tỷ giá hối đoái thay đổi làm tăng tổng mức đầu tư của dự án; công tác xử lý kỹ thuật, xử lý lún kéo dài, điều kiện địa chất phức tạp, thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án... Về cơ bản, việc trễ chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư các dự án thuộc về trách



nhệm của chủ đầu tư, tuy nhiên các yếu tố chủ quan khác, cũng là nguyên nhân chính gây ra việc chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư, cụ thể như sau: vấn đề chậm giải phóng mặt bằng, công tác tái định cư kéo dài, thiếu mặt bằng sạch bàn giao cho nhà thầu thi công là nguyên nhân chính dẫn đến chậm tiến độ tại nhiều dự án, đặc biệt là các dự án đường sắt đô thị (trách nhiệm thuộc địa phương, chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng); công tác quy hoạch tại một số địa phương chưa tốt, mất nhiều thời gian tham vấn, xin ý kiến cơ quan chuyên môn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án (trách nhiệm thuộc địa phương).

Về vấn đề tăng tổng mức đầu tư dự án: nguyên nhân chính của việc tăng tổng mức đầu tư là do chất lượng công tác lập, thẩm định dự án đầu tư. Đặc biệt đối với các dự án đường sắt đô thị, do chưa có kinh nghiệm với loại hình mới này nên tư vấn lập dự án tính toán tổng mức đầu tư chưa xác thực với tình hình thực tế, phải điều chỉnh nhiều nội dung thiếu sót và chưa phù hợp trong thiết kế cơ bản ban đầu (như điều chỉnh mặt bằng và kết cấu nhà ga ngầm; kết cấu nhịp cầu cạn của đoạn tuyến đi trên cao; bổ sung kết cấu nhà ga ngầm...), ngoài ra là yêu cầu điều chỉnh quy mô đầu tư dẫn đến tình trạng tăng tổng mức đầu tư. Trách nhiệm thuộc về chủ đầu tư, tư vấn thực hiện dự án...

d) Các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý chặt chẽ đầu tư công:

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành của các địa phương nơi dự án đi qua để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

- Nâng cao kỷ cương, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động đối với các chủ thể tham gia dự án, đặc biệt là đối với ban quản lý dự án và tư vấn giám sát. Bắt buộc các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng phải triệt để tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; đẩy mạnh công tác quản lý đấu thầu; tăng cường kiểm tra hiện trường, thực hiện công tác kiểm định độc lập để kiểm soát tốt tiến độ, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường; nghiêm túc xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân vi phạm.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và quyết liệt chỉ đạo các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các nhà thầu thi công tăng cường máy móc thiết bị, nhân lực, chuẩn bị tập kết vật tư vật liệu, đảm bảo tiến độ thi công theo đúng kế hoạch.

- Tăng cường áp dụng các giải pháp hiệu quả về kỹ thuật - công nghệ, vật liệu xây dựng để giảm giá thành xây dựng và khắc phục triệt để những tồn tại về chất lượng.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý đầu tư xây dựng để đảm bảo nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong quản lý đầu tư xây dựng theo hướng quy định trách nhiệm cụ thể; điều chỉnh lại những lĩnh vực phân công, ủy quyền kém hiệu quả.

- Tích cực phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành có liên quan trong việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đầu tư xây dựng, đầu tư công, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

đ) Về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Năm 2019, các Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án đã lập và trình được 64 dự án (60 dự án vốn ngân sách nhà nước, 04 dự án BOT) với giá trị trình quyết toán là 31.422 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch. Đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 67 dự

án, hạng mục (51 dự án vốn ngân sách nhà nước, 16 dự án, hạng mục BOT) với giá trị phê duyệt là 24.196 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm.

Quý I/2020, đã lập, trình quyết toán 01 dự án đầu tư công; đã hoàn thành thẩm tra, phê duyệt quyết toán 02 dự án vốn đầu tư công. Đối với các dự án BOT, đã thực hiện thẩm tra, thỏa thuận quyết toán một số hạng mục của 01 dự án, đang tiếp tục thẩm tra các dự án BOT Quốc lộ 6 Hòa Lạc - Hòa Bình, BOT Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - Uông Bí, BOT Hàm đường bộ Đèo Cả, BOT cầu Việt Trì - Ba Vì...

### 3. Trật tự an toàn giao thông.

a) Thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tiếp tục giảm tai nạn giao thông ở 03 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) qua từng năm, đặc biệt là các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng:

Nội dung này đã báo cáo tại mục 17 phần A (kết quả thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13 của lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông.

b) Tập trung xử lý các điểm đen về an toàn giao thông, các điểm giao cắt đường sắt với đường bộ, an toàn vận tải đường sắt, không để phát sinh các lỗi đi tự mở qua đường sắt; tăng cường kỷ cương trong bảo đảm an toàn vận tải đường sắt:

- Về lĩnh vực đường bộ: trong năm 2019, đã xử lý 252 điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; sơn kẻ 1.228 km vạch sơn đường; thay thế, điều chỉnh 2.014 cụm biển báo; sửa chữa bổ sung 164 km hộ lan tôn sóng; xây dựng 12 đường cứu nạn, hốc cứu nạn góp phần kéo giảm tai nạn giao thông trên cả nước, được người dân đánh giá cao. Riêng Quốc lộ 5, đã xây dựng 04 giải pháp nâng cao an toàn giao thông năm 2020-2021.

- Về lĩnh vực đường sắt: tính đến nay, các đơn vị chức năng đã thực hiện sửa chữa, cải tạo 19 đường ngang cảnh báo tự động có cản chắn tự động, 08 đường ngang biển báo lên có gác, 261 đường ngang biển báo lên cảnh báo tự động; thực hiện sửa chữa định kỳ 01 hầm, 12 cầu đường sắt; xóa bỏ 67 lỗi đi tự mở, cấm biển “Chú ý tàu hỏa” tại 107 vị trí; xây gờ, gờ giảm tốc tại 154 vị trí; cấm bổ sung và sơn sửa 1.354 cọc tiêu; sơn 978m vạch dừng; phát quang đảm bảo tầm nhìn tại 389 giao cắt, giải tỏa 39 vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt; tháo dỡ 110 biển quảng cáo. Để bảo đảm an toàn trong hoạt động chạy tàu, các đơn vị chức năng tiếp tục duy trì tốt chế độ kiểm tra, bảo dưỡng bộ thiết bị đuôi tàu, thiết bị ghi tốc độ lắp trên đầu máy và điện thoại trang bị trên đầu máy (1 máy/1 điện thoại); chỉ đạo các Ban liên quan thực hiện nghiêm việc phân tích giữ liệu băng tốc độ đầu máy để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp không thực hiện đúng biểu đồ chạy tàu; tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống camera tại 263/263 phòng trực ban chạy tàu, 266/266 camera hành trình và camera trong cabin.

c) Trật tự giao thông đô thị, giải pháp xử lý tình trạng ùn tắc tại các thành phố lớn, tuyến đường trọng điểm, huyết mạch:

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021, Bộ GTVT đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện để tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được Chính phủ đề ra nhằm thực hiện mục tiêu tiếp tục kéo giảm tai nạn

giao thông; khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đô thị lớn và trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn, không để xảy ra các vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút. Hiện nay, các đơn vị đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

d) Công tác kiểm tra, kiểm soát phương tiện giao thông, chấp hành pháp luật về giao thông, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, công tác đăng kiểm, đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện:

Trong năm 2019, Bộ GTVT đã chỉ đạo Thanh tra Bộ chủ trì triển khai 20 đoàn thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực liên quan đến bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trong đó: thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác bảo trì công trình đường bộ tại 06 địa phương; thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ tại 13 địa phương; thanh tra công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại 34 đơn vị đăng kiểm ở 18 địa phương; kiểm tra hoạt động nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải tại 08 Sở Giao thông vận tải; thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, hoạt động của bến xe ô tô khách tại 06 địa phương; thanh tra việc thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa; thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động cảng biển tại các địa bàn do Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Mỹ Tho... Qua thanh tra, kiểm tra đã chấn chỉnh, xử lý nghiêm các bất cập liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Năm 2019, Tổng cục, các Cục chuyên ngành và Thanh tra các Sở Giao thông vận tải đã thực hiện 76.223 cuộc thanh tra, kiểm tra; xử phạt vi phạm hành chính 63.050 vụ với số tiền 588.001,24 triệu đồng; tạm giữ 427 ô tô; đình chỉ hoạt động 250 bến thủy nội địa, 329 phương tiện thủy nội địa; giám sát 968 kỳ sát hạch lái xe ô tô, 599 kỳ sát hạch lái xe mô tô.

đ) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp chấp hành pháp luật giao thông; xây dựng đề án cụ thể về văn hóa giao thông:

Với chủ đề của Năm an toàn giao thông 2019 là *An toàn giao thông cho hành khách và người đi mô tô, xe gắn máy*, Bộ GTVT triển khai tổ chức 12 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, cụ thể: đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức 03 đợt tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông cho người nước ngoài tham gia giao thông tại Việt Nam; 03 đợt tập huấn nâng cao kỹ năng lái xe an toàn cho các doanh nghiệp vận tải hành khách tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam; 02 đợt tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đảm bảo an toàn hàng hải cho thuyền viên tàu vận tải nhỏ, SB, tàu du lịch và một số đối tượng liên quan khác tại một số vùng ven biển, hải đảo; 02 hội nghị tập huấn công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên hệ thống đường bộ cao tốc; 02 Hội thi tuyên truyền măng non thiếu nhi bảo vệ đường sắt; mỗi Hội nghị nêu trên có sự tham dự từ 150 - 300 học viên. Ngoài ra, Bộ GTVT đã phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức chương trình Roadshow có chủ đề “Cơ sở hạ tầng an toàn và chất lượng cao” với sự tham gia của các doanh nghiệp hàng đầu Hoa Kỳ và đại diện các cơ quan, doanh nghiệp của Việt Nam; phối hợp với

Ngân hàng thế giới tại Việt Nam tổ chức Hội thảo tham vấn về dự thảo tiêu chuẩn và sổ tay hướng dẫn thiết kế làn đường dành riêng cho xe máy; triển khai hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho trẻ em tại tỉnh Cà Mau; đồng thời đã cho phát trên 10.000 cuốn sổ tay an toàn giao thông về các chủ đề: kỹ năng và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông, sổ tay phòng, chống tai nạn giao thông do sử dụng rượu, bia, ma túy và các chất kích thích khác, sổ tay quy định của pháp luật liên quan tới trật tự an toàn giao thông cho người nước ngoài tới du lịch tại Việt Nam.

Về việc xây dựng Đề án văn hóa giao thông: Tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021, Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng văn hóa giao thông an toàn thông qua các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật dân tộc”.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông:

Để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông, Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam xây dựng Đề án “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông vận tải, tập trung đối với lĩnh vực đường bộ*”. Hiện nay, Đề án đang được hoàn thiện để triển khai các bước tiếp theo.

4. Đầu tư và khai thác công trình giao thông.

Thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ GTVT đã tập trung, quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp theo đúng chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ, kết quả cụ thể:

a) Báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện các mô hình đầu tư theo hình thức PPP ngành giao thông vận tải:

Bộ GTVT đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổng kết tình hình triển khai thực hiện các mô hình đầu tư theo hình thức PPP ngành giao thông vận tải, trong đó đã đánh giá tổng thể về: hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; kết quả và hiệu quả huy động nguồn lực xã hội; tình hình thực hiện các Kết luận của các đoàn kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; xử lý những tồn tại, yếu kém và kiểm điểm trách nhiệm tổ chức, cá nhân có thiếu sót, khuyết điểm; hạn chế, bất cập và giải pháp triển khai trong thời gian tới.

b) Hoàn thiện thể chế đầu tư theo hình thức PPP:

Chính phủ đã báo cáo dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) tại phiên họp thứ 43 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đang chỉ đạo tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự án Luật PPP.

Bộ GTVT đã ban hành nhiều Thông tư, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh đầu tư theo hình thức PPP như: Quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ; quản lý, vận hành khai thác bảo trì, phương pháp điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông, quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí...

c) Rà soát, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hạ tầng giao thông và danh mục các dự án giao thông theo thứ tự ưu tiên đầu tư:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giao các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ GTVT đã ban hành quyết định chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh để hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hạ tầng giao thông. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, nguồn lực được phân bổ, khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Bộ GTVT sẽ lựa chọn danh mục các dự án cần ưu tiên phù hợp với từng hình thức đầu tư dựa trên lợi thế, đặc điểm của từng vùng cũng như tính cấp thiết, liên thông trong cả quy hoạch hệ thống.

d) Về chủ trương không đầu tư dự án BOT trên đường hiện hữu:

Bộ GTVT đã nghiêm túc thực hiện chủ trương không đầu tư dự án BOT trên đường hiện hữu, chỉ đầu tư dự án áp dụng hình thức BOT đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân. Đến nay, Bộ Giao thông vận tải đã chuyển hình thức đầu tư của 10 dự án đã phê duyệt đề xuất dự án hoặc đang lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi sang hình thức đầu tư công; đã đàm phán với các nhà đầu tư để dừng 04 dự án đã ký Hợp đồng, mới triển khai. Đối với dự án mới, Bộ GTVT chỉ thực hiện theo hình thức BOT đối với các dự án xây dựng mới và tập trung chủ yếu đường bộ cao tốc.

đ) Công tác quyết toán các dự án đã hoàn thành:

Bộ GTVT đã có nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, kiểm điểm đôn đốc việc quyết toán dự án BOT, BT, BOO hoàn thành để làm cơ sở xác định thời gian hoàn vốn, mức giá, công khai minh bạch theo quy định Hợp đồng đã ký; đã chủ động mời Kiểm toán Nhà nước kiểm toán các dự án, đến nay toàn bộ 100% các dự án đã được kiểm toán, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán đối với các dự án về xử lý chi phí, xử lý trách nhiệm và quyết toán chi phí đầu tư. Bộ GTVT và các cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận quyết toán cơ bản được 63/67 dự án, còn 04 Dự án đang xây dựng (La Sơn - Túy Loan; cầu Bình Lợi; Dự án thu phí không dừng BOO1 và BOO2).

e) Rà soát tổng thể vị trí đặt trạm thu phí, chính sách miễn, giảm giá dịch vụ sử dụng đường bộ:

- Về việc rà soát vị trí đặt trạm thu phí:

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 83/NQ-CP của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian vừa qua Bộ GTVT đã nỗ lực phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức đánh giá, đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục bất cập tại các trạm BOT trên các tuyến quốc lộ. Đến nay, 15/19 trạm đã được khắc phục, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông đến nay đã ổn định.

Đối với 04/19 trạm bất cập còn lại (*Trạm Bim Sơn (thu phí hoàn vốn cho tuyến tránh phía Tây thành phố Thanh Hóa đoạn Km0 - Km6); Trạm thu phí trên Quốc lộ 3 (thu phí hoàn vốn cho Dự án BOT xây dựng đường Thái Nguyên - Chợ Mới và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn Km75 - Km100); Trạm thu phí T2 (hoàn vốn cho Dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 và Quốc lộ 91B); Trạm thu phí La Sơn - Túy Loan*), do tính chất đặc thù nên việc triển khai các

giải pháp xử lý gặp nhiều vướng mắc và sẽ được xem xét, xử lý một cách thận trọng trong thời gian tới.

- Về chính sách miễn, giảm giá dịch vụ sử dụng đường bộ:

Đến nay, 100% các dự án BOT do Bộ GTVT quản lý đã được rà soát, đề xuất phương án miễn, giảm giá.

Đối với chủ trương giảm giá chung, chưa tăng giá: Đến nay, có 49 dự án BOT đã đến kỳ tăng giá theo hợp đồng, tuy nhiên do Chính phủ chỉ đạo chưa tăng giá, do đó theo tính toán sẽ có khoảng 09 dự án bị phá vỡ phương án tài chính nếu phải lùi thời điểm tăng giá đến năm 2022. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của dự án, không đảm bảo kế hoạch trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nợ xấu... Bộ GTVT đã rà soát, tính toán cụ thể đề đề xuất các phương án và hiện nay đang lấy ý kiến các Bộ, ngành để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

f) Về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án:

Tính đến tháng 3/2020, đã tổ chức 118 lần thanh tra, kiểm toán đối với 63 dự án đang vận hành khai thác và đang triển khai đầu tư. Bộ GTVT đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, các đơn vị đã tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, sai sót bằng nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức họp trao đổi rút kinh nghiệm giữa các phòng, ban, đơn vị; có văn bản chỉ đạo các đơn vị tư vấn, nhà thầu tổ chức rút kinh nghiệm; tổ chức kiểm tra, rà soát và có biện pháp khắc phục kịp thời các sai sót, tồn tại tại các kết luận đã nêu. Đồng thời, Bộ GTVT thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong việc thực hiện kết luận của thanh tra, kiểm toán.

g) Tiến độ triển khai đồng bộ thu giá dịch vụ không dừng đối với các tuyến quốc lộ được đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua Bộ GTVT và một số địa phương đã nỗ lực triển khai dự án hệ thống ETC, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia giao thông và minh bạch trong hoạt động thu phí. Đến thời điểm này cơ bản các trạm trên Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên và một số trạm thu phí trên các tuyến quốc lộ và cao tốc có lưu lượng lớn đã triển khai vận hành hệ thống ETC (40 trạm). Đối với các trạm còn lại, Bộ GTVT đã đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thứ 2 là Tập đoàn viễn thông quân đội và một số đơn vị có kinh nghiệm về công nghệ triển khai thực hiện, phần đấu cơ bản hoàn thành trong năm 2020.

h) Về quy định và thực hiện đầy đủ việc công khai, minh bạch các thông tin về dự án để thuận tiện cho người dân giám sát:

Để tăng cường tính công khai, minh bạch, thuận tiện cho nhân dân và các tổ chức, cơ quan có thể giám sát, Bộ GTVT đã đưa vào hoạt động chính thức trang thông tin điện tử công bố thông tin chi tiết về tất cả dự án tại địa chỉ [ppp.mt.gov.vn](http://ppp.mt.gov.vn) đăng tải đầy đủ thông tin về dự án, nhà đầu tư, tổng vốn đầu tư, đơn vị thực hiện, thời gian thực hiện, chi phí đầu tư, chi phí quyết toán, mức phí, thời gian thu phí..., công khai các thông số, chính sách về miễn giảm cho xe qua trạm và miễn giảm cho người dân sống quanh trạm thu phí BOT.

i) Công tác phối hợp với các địa phương liên quan và nhà đầu tư trong quá trình giải phóng mặt bằng, thống nhất vị trí đặt trạm thu phí, bảo đảm an ninh trật tự...

Về cơ bản các địa phương đã triển khai các giải pháp hỗ trợ, bảo đảm an ninh trật tự tại các trạm thu phí. Tuy nhiên, một số địa phương chưa thực sự thực hiện một cách quyết liệt khi phát sinh những hiện tượng mất an ninh trật tự tại trạm thu phí. Bộ GTVT đã yêu cầu các doanh nghiệp dự án phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông phụ trách để ký Quy chế bảo đảm an ninh trật tự; Ủy ban nhân dân các xã khu vực đặt Trạm, lập phương án chống ùn tắc giao thông; Cục Quản lý đường bộ thường xuyên tổ chức, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo trì của doanh nghiệp dự án và nhà đầu tư.

k) Công tác truyền thông:

Bộ GTVT đã ban hành kế hoạch truyền thông triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 26/6/2018 và có văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị hỗ trợ, đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về các dự án đầu tư theo hình thức BOT; phối hợp với các địa phương, cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương để tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người dân.

## **II. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (bao gồm cả các nội dung nêu tại Nghị quyết số 33/2016/QH14).**

1. Lĩnh vực đất đai.

a) *Về hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai:*

Tổ chức thi hành Luật Đất đai, đến nay, Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) và các bộ, ngành có liên quan đã ban hành 68 văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật đất đai năm 2013. Trong năm 2019 và đầu năm 2020, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị; tổ chức rà soát, đánh giá những vướng mắc, bất cập trong thực thi chính sách, pháp luật về đất đai, chuẩn bị nội dung Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có ý kiến rút Dự án Luật này ra khỏi Chương trình và đề nghị Chính phủ tổng kết, đánh giá, đề xuất sửa đổi để thể chế Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng); ban hành 03 Nghị định và 02 đang hoàn thiện để ban hành Nghị định.

b) *Về cải cách thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Hiện nay, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã được đơn giản hóa nhất là trong đăng ký cấp giấy chứng nhận trong đó đơn giản thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian thực hiện,...góp phần tháo gỡ nhiều vướng mắc, khó khăn, bất cập trong thời gian qua.

Về cơ sở dữ liệu đất đai, hiện nay, đã đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của 165 đơn vị hành chính cấp huyện, đang triển khai thực hiện đối với 100 huyện và dự kiến hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu ở các đô thị trước năm 2025 và trên toàn quốc trước năm 2030; đã hoàn thiện Nghị định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai để tạo hành lang cho thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai. Bộ TNMT đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ tại Quyết định số 15/QĐ-BTNMT ngày 03/01/2019 và ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá, xếp hạng Chỉ số Đăng ký tài sản (A7) và Chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai và Kế hoạch thực hiện cụ thể tại văn bản số 1436/BTNMT ngày 28/3/2019.

Tính đến ngày 31/12/2019, tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận lần đầu của cả nước đạt 97,36% diện tích các loại đất đang sử dụng cần cấp Giấy chứng nhận. Như vậy, so với thời điểm báo cáo tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV (năm 2018), thì tỷ lệ diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu tăng lên 0,16% (tăng khoảng 20.900 Giấy chứng nhận).

*c) Về thanh tra, kiểm tra, giám sát, quản lý, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai:*

Trong năm 2019, Bộ TNMT đã thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn 05 tỉnh, gồm: Hải Dương, Hà Nam, Nghệ An, Bình Dương và Tây Ninh; thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai đối với các dự án FDI sử dụng nhiều diện tích đất, mặt nước ven biển nhưng chậm triển khai, hoạt động kém hiệu quả tại 02 tỉnh, gồm: Bình Thuận, Khánh Hoà, các địa phương còn lại đã được điều chỉnh trong năm 2020 và đang tiếp tục triển khai.

Đối với tiếp nhận xử lý thông tin phản ánh thông qua đường dây nóng, hiện nay, Bộ TNMT đã và đang duy trì tốt công tác tiếp nhận xử lý thông tin phản ánh của người dân và doanh nghiệp về những hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất thông qua đường dây nóng. Đến nay, Bộ đã tiếp nhận 4.291 ý kiến qua đường dây nóng phản ánh tình hình sai phạm về quản lý, sử dụng đất đai. Trong đó, đã ban hành 1.552 văn bản chuyên địa phương xem xét, xử lý, đồng thời hàng năm thành lập các đoàn công tác để kiểm tra, xác minh đơn tại các tỉnh có nhiều vụ việc và ban hành 307 văn bản hướng dẫn công dân gửi đơn thư đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

*d) Về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất dùng cho mục đích công cộng, đất tại các nông, lâm trường, dự án BT, BOT:*

Tính đến nay, cả nước đã chuyển mục đích 76 nghìn ha đất nông nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng hệ thống cơ cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phát triển đô thị. Hiện nay, Bộ TNMT đang triển khai thực hiện Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng - Xây dựng - Chuyển giao có liên quan đến các dự án BT.

Về vướng mắc liên quan đến giao đất, cho thuê đất đối với các dự án có sử dụng đất lựa chọn chủ đầu tư theo hình thức đấu thầu dự án có sử dụng đất, thực



hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thay thế Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, trong đó đã quy định thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất.

## 2. Về lĩnh vực môi trường.

### a) Về hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường:

Từ năm 2017 đến nay, các cấp có thẩm quyền đã ban hành 26 văn bản về bảo vệ môi trường (bao gồm 01 Luật, 04 Nghị định, 10 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 12 Thông tư). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 về Quy chế ứng phó sự cố môi trường do chất thải.

Hiện nay, Bộ TTMT đã tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành và rà soát các vướng mắc, bất cập của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và đã trình Chính phủ đề trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9, thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

### b) Về kiểm soát, giám sát tình trạng ô nhiễm môi trường, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường:

Hiện nay, Bộ TBNMT vẫn tiếp tục chủ động tổ chức kiểm soát chặt chẽ về môi trường đối với các dự án, cơ sở có nguồn thải lớn, thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên phạm vi cả nước; đồng thời, tiếp tục duy trì hoạt động của 05 Tổ giám sát môi trường; giám sát hoạt động của một số dự án, cơ sở lớn trên toàn quốc.

Đối với công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường: Thời gian qua, Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Tính đến hết tháng 02 năm 2020, Bộ đã tiến hành thanh tra với tổng số 6.794 cơ sở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn các tỉnh, thành phố, qua đó phát hiện và xử lý 3.053 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính lên tới 484,864 tỷ đồng. Kết quả, các đoàn thanh tra đã phát hiện nhiều cơ sở xả hàng ngàn m<sup>3</sup> nước thải ra môi trường không qua xử lý ra ngoài môi trường. Bộ cũng đã kiểm tra và xử lý nhiều vụ việc, điểm nóng về môi trường. Trong năm 2020, Bộ dự kiến tiếp tục thanh tra 227 cơ sở, hiện đang tiến hành khảo sát, xây dựng kế hoạch trước khi thành lập các đoàn thanh tra.

### c) Về rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải:

Bộ TNMT đã chủ trì xây dựng 44 TCVN về môi trường, ban hành 48 QCVN. Trong năm 2019, Bộ đã ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường giai đoạn 2019-2020 với mục tiêu xây dựng hệ thống QCVN thống nhất và toàn diện theo định hướng hội nhập quốc tế dựa trên kinh nghiệm của các nước tiên tiến làm công cụ quản lý môi trường đáp ứng phát triển bền vững đất nước. Theo kế hoạch, Bộ đang hoàn thiện 08 dự thảo QCVN về môi trường trên cơ sở tham khảo các Tiêu chuẩn về môi trường của Hàn Quốc cũng như kế thừa các QCVN về môi trường đang áp dụng.

Đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải: Thực hiện Quyết định số 140/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT đang triển khai thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải”.

*d) Thực hiện xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và bảo vệ môi trường làng nghề:*

Bộ TNMT đã chủ động đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai nhiều hoạt động đẩy nhanh tiến độ xử lý triệt để của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong khu dân cư, vùng đô thị vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Đến tháng 4/2020, đã có 407/439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, đạt tỷ lệ 92,71%, 312/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, chiếm tỷ lệ 72,7%. Một số địa phương có nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để; bên cạnh đó, vẫn còn nhiều địa phương còn nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để, không bảo đảm tiến độ đề ra.

Đối với vấn đề bảo vệ môi trường làng nghề: Về 47 làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại “Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”, đến nay, có 08/47 làng nghề đã hoàn thành việc thực hiện các dự án khắc phục ô nhiễm; 13/39 làng nghề còn lại đã xây dựng các dự án khắc phục ô nhiễm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đang triển khai thực hiện; 05/39 làng nghề đã xây dựng các dự án khắc phục ô nhiễm nhưng chưa triển khai thực hiện do thiếu kinh phí hoặc do quy mô sản xuất nhỏ. Hiện nay, đang tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ danh mục 160 làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

*đ) Hoạt động kiểm soát, giám sát tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp:*

Đến nay, đã có 250/280 KCN, khu chế xuất (ngoài khu kinh tế) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đạt 89%, trong đó các địa phương có số lượng KCN lớn tỷ lệ này đều đạt 100%. Đối với các KCN còn lại, các doanh nghiệp, cơ sở nằm trong KCN đã tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN quốc gia về môi trường trước khi xả ra môi trường theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Đã có 219/250 KCN lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đạt tỷ lệ 87,6%. Cả nước hiện có 276 CCN có báo cáo ĐTM; 160 CCN có hệ thống tách nước mưa và nước thải; 115 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tỷ lệ 16,5%; 25 CCN có hệ thống quan trắc tự động nước thải.

*e) Giám sát ô nhiễm môi trường:*

Để giám sát tình trạng ô nhiễm môi trường, Bộ TNMT đang xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy mạnh triển khai Đề án quan trắc môi trường quốc gia đối với không khí và nước giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến 2030; tiếp tục theo dõi và đánh giá hoạt động quan trắc của các Trung tâm, trạm quan trắc môi trường trên phạm vi cả nước; tiếp tục duy trì 09 chương

trình quan trắc môi trường tại các lưu vực sông, nước mặt; 03 chương trình quan trắc môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm; 02 chương trình quan trắc tác động; yêu cầu các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nằm ngoài khu công nghiệp lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở TNMT địa phương theo quy định của pháp luật.

*g) Về giám sát môi trường dự án Formosa Hà Tĩnh và chương trình quan trắc, cảnh báo môi trường:*

Về giám sát môi trường của dự án Formosa Hà Tĩnh, thực hiện cam kết với Chính phủ Việt Nam nhằm kiểm soát chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế, từ năm 2016 đến nay, Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS) đã phối hợp với các cơ quan khoa học trong và ngoài nước triển khai kế hoạch thực hiện các hạng mục cải thiện, bổ sung công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch giám sát môi trường. Tổng hợp kết quả giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam và tỉnh Hà Tĩnh thực hiện từ tháng 7/2016 đến nay cho thấy: nước thải, khí thải của FHS trước khi xả ra ngoài môi trường đều phù hợp với QCVN quy định (riêng nước thải của FHS xả ra biển đã đạt yêu cầu cột A của QCVN 40:2011/BTNMT, đảm bảo mục đích cấp nước sinh hoạt); chất lượng môi trường biển đã an toàn, ổn định; môi trường nước ngầm và không khí xung quanh đáp ứng QCVN quy định; FHS đã quản lý các loại chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định. Trong thời gian tới, Bộ TNMT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hà Tĩnh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan liên quan định kỳ, thường xuyên, liên tục giám sát FHS trong quá trình hoạt động, đảm bảo các nguồn chất thải được quản lý, xử lý đạt QCVN trước khi xả ra ngoài môi trường.

Đối với chương trình quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung: Hiện nay, Bộ TNMT và các địa phương 04 tỉnh miền Trung đang triển khai dự án “Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung” với 05 hợp phần, trong đó Bộ thực hiện 01 hợp phần và các địa phương thực hiện 04 hợp phần. Đối với hợp phần do địa phương thực hiện, ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1062/QĐ-TTg phân bổ vốn thực hiện các hợp phần Dự án, trên cơ sở đó, các tỉnh đã có văn bản báo cáo và đề xuất kéo dài thời gian thực hiện Dự án tới hết năm 2021. Căn cứ báo cáo tiến độ thực hiện và các kiến nghị đề xuất của địa phương, Bộ TNMT tổng hợp báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2021 để có đủ thời gian triển khai thực hiện dự án và các Hợp phần tại địa phương sau khi được giao vốn.

### 3. Lĩnh vực khoáng sản.

*a) Về hoàn thiện chính sách, pháp luật khoáng sản:*

Đến nay, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định, 06 Quyết định và 02 Chỉ thị. Bộ TNMT và các Bộ đã ban hành 62 Thông tư, Thông tư liên tịch. Năm 2020, để tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản, đặc biệt là quản lý khai thác cát, sỏi trên sông, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản thay thế Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017.

Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo rà soát, đánh giá việc thi hành pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản để xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (dự kiến ban hành vào tháng 10/2020).

*b) Quy hoạch khoáng sản, hoạt động cấp phép, chấm dứt cấp phép khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ và ngăn chặn triệt để hoạt động khai thác khoáng sản trái phép:*

+ *Về quy hoạch khoáng sản, khu vực khoáng sản:* Thực hiện Luật khoáng sản, thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thực hiện Luật quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 31/7/2019, Bộ TNMT đã xây dựng, thẩm định Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là các quy hoạch quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ TNMT, các Bộ, ngành có liên quan và địa phương.

+ *Về hoạt động cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản:* Thời gian qua, Bộ TNMT đã thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015, riêng trong năm 2018: Bộ đã cấp 48 giấy phép, trong đó có 12 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 36 Giấy phép khai thác khoáng sản; Năm 2019: Bộ đã cấp 68 Giấy phép, trong đó có 21 Giấy phép thăm dò và 47 Giấy phép khai thác.

*c) Về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản; quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông:*

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về khoáng sản. Trong năm 2019, Bộ đã tiến hành thanh tra, kiểm tra và lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 65 doanh nghiệp với tổng số tiền là 9,645 tỷ đồng. Đồng thời, năm 2019, Bộ đã chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kiểm tra, xử lý vi phạm khai thác vượt quá phạm vi ranh giới độ sâu được phép khai thác tại mỏ than Ưng Thượng, thành phố Ưng Bí, tỉnh Quảng Ninh của Công ty PT.Vietmindoennergitama.

4. Lĩnh vực khí tượng thủy văn.

*a) Về hoàn thiện chính sách, pháp luật khí tượng thủy văn:*

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT, các Bộ ngành đã ban hành 32 văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn. Hiện nay, Bộ TNMT tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về công tác khí tượng thủy văn và các văn bản quy phạm pháp luật khác để thực thi hiệu quả Luật khí tượng thủy văn.

*b) Công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về khí tượng thủy văn:*

Để nâng cao công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về khí tượng thủy văn, Bộ TNMT đã triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm và các biện pháp chủ động phòng tránh thông qua các hội nghị, hội thảo, các phương tiện thông tin báo chí truyền thông trên phạm vi cả nước. Các thông tin dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn và bản tin về các loại hình thiên tai được quy định chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc công tác truyền tin thiên tai theo quy định tại Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

*c) Về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phòng chống thiên tai:*

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, như: tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn, các Nghị quyết của Chính phủ, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; tiếp tục đầu tư, nâng cao hiệu quả công tác quan trắc; thu thập, xử lý, lưu trữ, chia sẻ và khai thác thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ sản xuất - đời sống và phòng chống thiên tai; tăng cường theo dõi, bám sát kịch bản biến đổi khí hậu, diễn biến của các hiện tượng thời tiết cực đoan để định hướng cho hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai.

## **5. Về lĩnh vực biến đổi khí hậu.**

*a) Về xây dựng chính sách, pháp luật ứng phó biến đổi khí hậu:*

Chính phủ sẽ xem xét, ban hành Nghị định quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và cam kết tại điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên. Hiện nay, Bộ TNMT đã hoàn thiện nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu trong dự thảo Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) để trình Chính phủ trình Quốc hội; đồng thời, trong năm 2020 tiếp tục cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tiếp tục triển khai Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 04/9/2019 của Chính phủ phê duyệt Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn nhằm kiểm soát và loại trừ các chất HFC, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Quyết định 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hiện nay, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (NAP); tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan, các chuyên gia rà soát, cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam, dự kiến hoàn thành trình Chính phủ trong tháng 5/2020; tập trung hoàn thiện Quyết định

của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, dự kiến trình trong tháng 10/2020; đang triển khai xây dựng các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia và Hệ thống báo cáo, giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu cấp quốc gia và cấp tỉnh; xây dựng tiêu chí xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu và đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng Quy chế phối hợp, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

*b) Về công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu:*

Bộ TNMT đã triển khai nhiều chương trình, dự án, nhiệm vụ về truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; ký kết Chương trình phối hợp về truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam...

*c) Về triển khai Nghị quyết 853/NQ-UBTVQH14 về kết quả giám sát và đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long và Kế hoạch châu thổ đồng bằng sông Cửu Long:*

Hiện nay, Bộ TNMT đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; phối hợp tham gia các đợt giám sát về tình hình thực hiện các điều ước quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long do Đoàn giám sát Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội tổ chức; tham gia các Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức; tham gia các đoàn kiểm tra, thị sát của Lãnh đạo Chính phủ về tình hình sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

*d) Về bố trí nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu:*

Trong thời gian qua, Việt Nam huy động được gần 2 tỷ USD cho ứng phó với biến đổi khí hậu, riêng Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu khoảng 1,5 tỷ USD vay lãi suất thấp. Các nguồn vốn huy động chủ yếu được huy động từ các đối tác phát triển như Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) 786 triệu USD, Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) 305 triệu USD, Ngân hàng Thế giới (WB) 300 triệu USD, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (Exim Bank Korea) 72 triệu USD. Bộ Ngoại giao Chính phủ Úc (DFAT) 16 triệu USD vốn không hoàn lại, Tổ chức Phát triển quốc tế Canada (CIDA) 4,52 triệu USD vốn không hoàn lại. Hiện nay, Chính phủ đang đàm phán với Ngân hàng Thế giới huy động thêm khoảng 2.000 tỷ đồng (86,48 triệu USD) từ nguồn vốn IDA để triển khai Chương trình Hỗ trợ xây dựng chính sách về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh lần thứ 2 (DPF2) với mục tiêu hỗ trợ xây dựng và thực

hiện các chiến lược, chính sách, chương trình, dự án ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả trước tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam, tập trung tại đồng bằng sông Cửu Long nhằm góp phần triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu đến năm 2030 và Nghị quyết số 120/NQ-CP. Dự kiến khoản kinh phí này sẽ được triển khai thực hiện trong năm 2020.

Thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, hiện nay, ngân sách nhà nước đã bố trí 15.000 tỷ đồng cho 74 dự án (47 dự án thuộc hợp phần biến đổi khí hậu, 27 dự án hợp phần tăng trưởng xanh) và 71 dự án chuyên tiếp thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (Chương trình SP-RCC). Đối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Chính phủ đã ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các dự án cấp bách từ các khoản ODA (560 triệu USD từ Ngân hàng Thế giới).

Cùng với các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương theo các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự phòng ngân sách trung ương, Chính phủ cũng đã bố trí nguồn lực cho riêng vùng đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện phòng chống thiên tai, xây dựng và củng cố công trình kiểm soát lũ, mặn, công trình phòng chống sạt lở từ nguồn vốn ODA và vốn trái phiếu Chính phủ với tổng kinh phí 8.707 tỷ đồng trong giai đoạn 2010-2020; hỗ trợ để xử lý các điểm sạt lở bờ sông, bờ biển 2.500 tỷ đồng từ nguồn dự phòng năm 2018 và nguồn dự phòng trung hạn 2016-2020.

### **III. Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.**

#### **1. Về lao động, việc làm.**

a) Chính sách, pháp luật về lao động, giáo dục nghề nghiệp, việc làm trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Thời gian qua, cấp có thẩm quyền đã ban hành Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản trên thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và tạo thành hành lang pháp lý điều chỉnh các vấn đề về việc làm theo quy luật của nền kinh tế thị trường, thúc đẩy và bảo đảm việc làm tốt hơn cho người lao động. Đồng thời, ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo việc làm và tự tạo việc làm cho người lao động, nhất là lao động yếu thế như chính sách việc làm công; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi tạo việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm; chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, sinh viên, phụ nữ nghèo nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; chính sách khuyến khích thanh niên, sinh viên khởi nghiệp sáng tạo; chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người mãn hạn tù; cơ chế chính sách về bảo hiểm thất nghiệp, thị trường lao động, tăng cường quản lý lao động nói chung và công tác quản lý lao động nước ngoài nói riêng, góp phần ổn định xã hội, an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Thị trường lao động gắn với cung, cầu lao động và bối cảnh nền công nghiệp 4.0. Công tác dự báo thị trường lao động, giải quyết việc làm cho sinh viên, thanh niên nông thôn; chính sách khuyến khích thanh niên, sinh viên khởi nghiệp sáng tạo:

Nhằm đẩy mạnh hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động nói chung, sinh viên, thanh niên nông thôn nói riêng, hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp, từ năm 2016 đến nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ:

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động, việc làm; xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án hỗ trợ phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, nhất là cho thanh niên, lao động nông thôn;

- Nâng cao hiệu quả cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm; bổ sung nguồn vốn cho vay theo cơ chế Quỹ quốc gia về việc làm (nguồn ủy thác của địa phương và nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội) tạo cơ hội cho thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để tự tạo việc làm, thành lập và phát triển doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tập trung vào các thị trường có thu nhập cao, ổn định như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...;

- Chỉ đạo hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm từ sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm, phiên giao dịch việc làm lưu động, tăng cường tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên và lao động thanh niên nông thôn;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động: tổ chức điều tra nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp; thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) định kỳ hàng quý công bố Bản tin cập nhật Thị trường lao động;

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội, thanh niên về học nghề, lập nghiệp qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm truyền thông, các trang mạng; phối hợp Bộ Lao động và Việc làm Hàn Quốc xây dựng Mạng thông tin dịch vụ việc làm Việt Nam (thí điểm vận hành tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2019).

Cả nước hiện có 98 Trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước, trong đó có 63 Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. Chất lượng, hiệu quả tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động ngày càng nâng cao; các hoạt động giao dịch việc làm ngày càng đa dạng từ sàn giao dịch việc làm đến phiên giao dịch việc làm lưu động, ngày hội việc làm... hướng tới lao động thanh niên, học sinh, sinh viên, lao động nông thôn. Giai đoạn 2016 - 2019, hệ thống các Trung tâm đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho trên 9 triệu lượt lao động, trong đó chủ yếu là thanh niên.

#### c) Giải pháp về xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp:

Trong thời gian qua, nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động về quan hệ lao động trong các doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động có sự chuyển đổi về phương thức quản lý, từ chỗ tập trung nhiều cho các hoạt động can thiệp trực tiếp để xử lý các vấn đề vướng mắc, tranh chấp lao động, đình công phát sinh trong doanh nghiệp thay cho các thiết chế quan hệ lao động (như hòa giải, trọng tài...) chuyển sang tập trung thực hiện các giải pháp phòng ngừa, thúc đẩy phát



triển quan hệ lao động theo đúng nguyên tắc quan hệ lao động trong cơ chế thị trường, lấy hoàn thiện hệ thống pháp luật quan hệ lao động làm nhiệm vụ trọng tâm để tạo lập, dẫn dắt hai bên tự xây dựng quan hệ lao động.

Các tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động các cấp đã chủ động hơn trong việc tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp; hoạt động của các tổ chức đại diện giảm dần tính hình thức để tập trung vào các hoạt động đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên thông qua sự tham gia vào các cơ chế, thiết chế ba bên để tư vấn cho Đảng, Chính phủ hoạch định các chính sách liên quan đến quan hệ lao động. Tổ chức công đoàn đã có sự chuyển hướng mạnh về cơ sở, lấy người lao động trong doanh nghiệp làm đối tượng vận động, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng thông qua các hoạt động đối thoại, thương lượng đối với người sử dụng lao động, nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động được triển khai, tạo hiệu ứng lan tỏa tốt về vị trí của tổ chức công đoàn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện tình hình quan hệ lao động trong các doanh nghiệp thời gian qua.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đặc biệt quan tâm tới lĩnh vực này, đã tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, đối thoại tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh, thành phố trong cả nước nhằm lắng nghe nguyện vọng, đề xuất của đội ngũ công nhân, lao động kỹ thuật cao để chỉ đạo các bộ, ngành chức năng nghiên cứu, sửa đổi chính sách kịp thời.

Một số chính sách hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, như chính sách xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, chăm lo, cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động cũng đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai, hỗ trợ giảm bớt khó khăn cho người lao động, nhất là lao động ở các khu công nghiệp tập trung, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực cho việc xây dựng quan hệ lao động cả trong phạm vi doanh nghiệp và khu vực.

## 2. Giáo dục nghề nghiệp.

a) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân bổ giữa các vùng, miền, ngành nghề, trình độ đào tạo:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục 11 phần A (kết quả thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13 của lĩnh vực đào tạo nghề).

### b) Cơ sở GDNN công lập:

Vấn đề đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các cơ sở GDNN công lập được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu tinh thần của Nghị quyết 19-NQ/TW để hoàn thiện Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở GDNN công lập. Theo đó, các cơ sở GDNN công lập được trao quyền tự chủ đồng bộ về các nội dung: thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tổ chức, nhân sự và tài chính. Bên cạnh đó là thay đổi phương thức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho GDNN, dần tiến tới việc ngân sách nhà nước không cấp chi thường xuyên cho GDNN theo biên chế, tổ chức và đầu vào học sinh mà từng bước thực hiện phương thức đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo tiêu chuẩn đầu ra trên cơ sở giá dịch vụ theo định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá

dịch vụ và tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng của từng loại hình dịch vụ mà không phân biệt cơ sở công lập, ngoài công lập.

c) Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu đào tạo chung:

Theo số liệu Bản tin cập nhật Thị trường lao động Việt Nam Quý IV/2019, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng/chứng chỉ đạt 23,68% trong tổng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên, trong đó tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên là 11,39%; cao đẳng là 3,88%; trung cấp là 4,7% và sơ cấp nghề là 3,71%. Như vậy có thể thấy lực lượng lao động có trình độ đại học và trên đại học đang cao hơn lực lượng lao động ở trình độ trung cấp và cao đẳng, ngược lại với mô hình nhân lực của các nước đang phát triển và là bất cập về cơ cấu nguồn nhân lực đối với Việt Nam hiện nay.

Để tránh tình trạng mất cân đối trong cơ cấu đào tạo, Bộ LĐTBXH đã chỉ đạo việc xác định kế hoạch tuyển sinh trung cấp, cao đẳng hàng năm phải dựa trên cơ sở số lượng người học tốt nghiệp trình độ văn hóa THPT và THCS sẵn sàng tham gia vào GDNN, tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên phải bao gồm cả việc đào tạo lại, truyền nghề, bồi dưỡng, kèm cặp nâng bậc thợ, đào tạo cho lao động nông thôn... Đối với cơ cấu đào tạo theo ngành, nghề đào tạo sẽ phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng lao động của xã hội và do điều tiết tự nhiên của thị trường lao động. Theo quy định của Luật GDNN, các trường được chủ động trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo nên dễ dàng thích ứng với các biến động và nhu cầu của thị trường lao động, điều này tạo điều kiện cho việc đào tạo hoàn toàn đáp ứng nhu cầu xã hội, của doanh nghiệp. Ngoài ra, Bộ LĐTBXH cũng chỉ đạo các cơ sở GDNN tăng cường đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động, đào tạo theo đặt hàng và hướng tới cam kết giải quyết việc làm cho người học sau khi ra trường nên đã hạn chế được sự mất cân đối về cơ cấu đào tạo nhân lực theo ngành, nghề.

d) Công tác gắn kết cơ sở GDNN với doanh nghiệp, thị trường lao động; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động GDNN:

Bộ LĐTBXH đã ban hành Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, trong đó khuyến khích các cơ sở GDNN và doanh nghiệp liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và “doanh nghiệp có thể đảm nhận giảng dạy đến 40% thời lượng của chương trình đào tạo”. Mặt khác, Bộ LĐTBXH đã có văn bản gửi các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở GDNN thực hiện gắn kết với các doanh nghiệp. Bộ cũng đã phối hợp với VCCI có Thư gửi các doanh nghiệp (bao gồm cả các doanh nghiệp FDI) đề nghị tham gia hoạt động GDNN, trong đó chỉ rõ những lợi ích của doanh nghiệp, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế khi doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN. Bộ LĐTBXH cũng đang xây dựng Website kết nối doanh nghiệp; thực hiện chức năng trực tuyến về báo cáo, thông tin nhu cầu, kết nối...

Các cơ chế, chính sách nêu trên bước đầu đã có tác động đến việc khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động GDNN, cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp bắt đầu hình thành và vận hành khá tốt trong thực tiễn.

đ) Hình thức dạy nghề theo hợp đồng đặt hàng:

Đối với việc hướng dẫn đặt hàng nói chung và đặt hàng GDNN nói riêng từ ngân sách nhà nước (đối với các khoản chi thường xuyên), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

e) Chất lượng, kỹ năng thực hành, chương trình, giáo trình đào tạo:

Thời gian qua, chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo các cấp trình độ trong GDNN có nhiều chuyển biến tích cực; kỹ năng thực hành nghề nghiệp của học sinh, sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở GDNN từng bước được nâng lên; lao động qua đào tạo nghề đã tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Theo báo cáo của Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trên cả nước, trong những năm qua, học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường thuộc hệ thống GDNN (trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp) đều đạt trên 70% có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, có nhiều ngành/ngành ở nhiều trường tỷ lệ này là 100%. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, 80% - 85% số lao động qua đào tạo nghề được sử dụng đúng trình độ đào tạo, trên 30% có kỹ năng nghề từ khá trở lên. Học sinh, sinh viên Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thế giới.

Theo quy định của Luật GDNN, các cơ sở GDNN được chủ động xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo để áp dụng cho cơ sở dựa trên quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Để đảm bảo sự đồng bộ về chất lượng cũng như thời lượng của chương trình đào tạo và căn cứ Luật GDNN, Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Bộ LĐTBXH đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017, Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm căn cứ cho các trường xây dựng, ban hành chương trình đào tạo.

g) Điều kiện giáo dục nghề nghiệp:

Bộ LĐTBXH đang tập trung chuẩn hóa các điều kiện GDNN, cụ thể:

- Chương trình đào tạo được phát triển dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề; bằng sự phân tích nghề, phân tích công việc theo vị trí việc làm tương ứng với các nhiệm vụ và công việc của ngành, nghề, với sự tham gia của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để lựa chọn những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản, cần thiết đưa vào chương trình cho phù hợp. Cấu trúc chương trình được xây dựng theo mô đun tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và thái độ nghề nghiệp..., đảm bảo sự liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo.

- Thời gian qua, Bộ LĐTBXH đã tổ chức tiếp nhận, chuyển giao 12 bộ chương trình từ Úc, hiện đang tổ chức đào tạo thí điểm tại 25 trường cao đẳng và kết thúc đào tạo thí điểm vào cuối năm 2019; thí điểm đào tạo tiếp cận năng

lực theo tiêu chuẩn của Pháp, Hàn Quốc, Bỉ,...; thí điểm đào tạo theo mô hình “đào tạo nghề kép” của Đức. Tổ chức tiếp nhận, chuyển giao 22 bộ chương trình đào tạo từ Đức, hiện đang chuẩn bị các điều kiện để tổ chức đào tạo thí điểm bắt đầu từ năm 2019 tại 45 trường cao đẳng.

- Bộ LĐTBXH đã xây dựng 160 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (chuẩn đầu ra) cho 160 ngành, nghề. Trên cơ sở chuẩn đầu ra, các trường xây dựng chương trình đào tạo cho trường mình.

h) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN:

Bộ LĐTBXH đã ban hành các quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao đối với nhà giáo; quy định chế độ làm việc của nhà giáo; quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN. Ngoài ra, Bộ cũng chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo chuẩn ở các cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế.

Đến nay, cả nước có khoảng 74.000 nhà giáo giảng dạy, trong đó: khoảng 42.000 nhà giáo dạy trong trường cao đẳng, khoảng 18.000 nhà giáo dạy trong trường trung cấp, 14.000 nhà giáo dạy trong trung tâm GDNN. Trong đó: 100% nhà giáo đạt chuẩn về trình độ đào tạo; khoảng 60% giáo viên dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp đạt chuẩn về kỹ năng nghề, trong đó khoảng 40% giáo viên giảng dạy được tích hợp. Hiện cả nước đã hình thành 44 khoa sư phạm kỹ thuật, khoa sư phạm GDNN để đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo GDNN, trong đó có 35 khoa sư phạm thuộc các trường cao đẳng, 09 khoa sư phạm thuộc các trường đại học sư phạm, đại học sư phạm kỹ thuật, trường đại học kỹ thuật chuyên ngành.

i) Hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG đã được ban hành: Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ KNNQG, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ KNNQG; số 56/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2015 hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn KNNQG; số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

Từ năm 2015 đến nay, Bộ LĐTBXH đã xây dựng, công bố tiêu chuẩn KNNQG của 02 nghề mới và chỉnh sửa tiêu chuẩn KNNQG của 11 nghề đã ban hành theo quy định của Luật Dạy nghề; biên soạn ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi thực hành làm công cụ tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG cho 02 nghề mới và chỉnh sửa đề thi cho 05 nghề; cấp giấy chứng nhận đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG cho 42 tổ chức; tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho 43.284 người ở cấp trình độ 1, 2 và 3, trong đó có 39.423 người đạt yêu cầu được cấp chứng chỉ KNNQG; đào tạo nghiệp vụ đánh giá KNNQG cho 1.340 người, trong đó có 1.043 người được cấp thẻ đánh giá viên.

3. Lao động Việt Nam ở nước ngoài.

a) Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển thị trường bền vững đối với doanh nghiệp đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp duy trì và phát triển các thị trường ngoài nước (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Đông, Châu Âu...), các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Hoạt động đưa người lao động Việt Nam sang làm việc tại các thị trường trọng điểm (Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và Malaysia) tiếp tục được tăng cường quản lý, chấn chỉnh để ổn định và phát triển bền vững. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động, doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động thụ hưởng các chính sách để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chỉ đạo các địa phương, doanh nghiệp làm tốt công tác tạo nguồn, đào tạo tay nghề, kỷ luật lao động, ngoại ngữ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ; quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động ở nước ngoài; tuyên truyền, vận động người lao động về nước đúng hạn hợp đồng.

b) Cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch việc cấp giấy phép đối với doanh nghiệp đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài:

Bộ LĐTBXH đã tiến hành rà soát tất cả các TTHC liên quan đến lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Toàn bộ các TTHC thực hiện ở cấp Trung ương được niêm yết đầy đủ tại trụ sở Cục Quản lý lao động ngoài nước, trang thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH và Cục Quản lý lao động ngoài nước. Sau khi rà soát, Bộ LĐTBXH đã đưa ra khỏi danh mục 03 TTHC; bãi bỏ 05 TTHC, đơn giản hóa 11 TTHC. Tỷ lệ danh mục TTHC bãi bỏ và đơn giản hóa 16/28 TTHC trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (57%). Hiện nay, việc đăng ký hợp đồng cung ứng lao động đã được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia từ tháng 3/2020.

Về minh bạch việc cấp giấy phép đối với doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2020/NĐ-CP ngày 03/4/2020 thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP, trong đó đã quy định cụ thể các đầu mục hồ sơ đối với từng điều kiện về vốn, người lãnh đạo điều hành, cơ sở vật chất, cán bộ của bộ máy; quy định cụ thể số lượng hồ sơ, hình thức tiếp nhận.

c) Kiểm định chất lượng, việc đánh giá chất lượng đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài:

Theo quy định của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, các doanh nghiệp có trách nhiệm đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động theo yêu cầu của phía đối tác nước ngoài. Bộ LĐTBXH đã ban hành các quy định và giáo trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết phù hợp với từng thị trường cụ thể và đã cung cấp miễn phí đến từng người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Hiện một số giáo trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết đã được điều chỉnh theo hướng cập nhật, phù hợp hơn với thực tiễn và dễ sử dụng với học viên. Đồng thời, đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ việc các doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đảm bảo tất cả người lao động trước khi ra nước ngoài làm việc đều hiểu rõ, đầy đủ các thông tin về các điều kiện, chế độ, quyền lợi, trách nhiệm cũng

như các chính sách của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động, giúp người lao động có khả năng tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bản thân.

d) Quản lý và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài:

Thời gian qua, Bộ LĐTBXH đã thực hiện các biện pháp tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật và các quy định liên quan của từng thị trường đưa lao động. Đối với các thị trường có nhiều biến động phức tạp, các thị trường trọng điểm có số lượng lớn lao động được đưa đi như Đài Loan, Nhật Bản, Trung Đông, Liên bang Nga, Bộ đã ban hành các quy định cụ thể về các điều kiện thị trường để các doanh nghiệp thực hiện và làm căn cứ để kiểm tra, xử lý.

Bộ LĐTBXH đã xây dựng được một cơ chế quản lý lao động ở những nước có lao động Việt Nam làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động làm việc ở nước ngoài, bao gồm Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ban Quản lý lao động hoặc cán bộ chuyên trách quản lý lao động thuộc Cơ quan đại diện Việt Nam tại các nước có nhiều lao động và đại diện của các doanh nghiệp dịch vụ cung ứng lao động. Hiện có 06 Ban Quản lý lao động ở nước ngoài, bao gồm: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất và Ả-rập Xê-út. Ở các thị trường có nhiều lao động như: Đài Loan, Malaysia, Nhật Bản, phần lớn các doanh nghiệp đưa lao động đi đều có văn phòng đại diện để quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh đối với người lao động.

đ) Tình hình và giải pháp quản lý người dân vùng biên giới đi làm việc tự do không có hợp đồng lao động:

Để hạn chế tình trạng lao động xuất cảnh trái phép qua biên giới làm việc bất hợp pháp, Bộ LĐTBXH đã đàm phán, ký kết các hiệp định, thỏa thuận với các nước, giữa các địa phương có chung đường biên giới để tạo điều kiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với một số doanh nghiệp do vi phạm các quy định của pháp luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; phát hiện và xử lý kịp thời hầu hết các vấn đề phát sinh đối với người lao động, bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

e) Công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Hàng năm, Bộ LĐTBXH lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra hoạt động của các doanh nghiệp, đồng thời tổ chức kiểm tra, thanh tra đột xuất khi phát hiện các vấn đề phát sinh; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao để cảnh báo các hiện tượng lừa đảo trong lĩnh vực xuất khẩu lao động; ngăn ngừa và phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật; kịp thời giải quyết tất cả các đơn thư của người lao động và của công dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động.

Từ năm 2017 đến năm 2019, Bộ LĐTBXH đã tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc tuyển chọn, đào tạo lao động trước khi xuất cảnh với hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, thu hồi giấy phép của 06 doanh nghiệp và đình chỉ hoạt động của 06

doanh nghiệp, xử phạt 59 doanh nghiệp. Tổng số tiền phạt từ năm 2017 đến hết năm 2019 là trên 5 tỷ đồng. Qua công tác kiểm tra, thanh tra, hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã đi vào nề nếp hơn, chấp hành việc tuyển chọn, đào tạo và thu tiền của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

#### 4. Quyền về trẻ em.

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về trẻ em:

Nhằm thúc đẩy việc thực hiện quyền trẻ em, trong đó có nhóm quyền được bảo vệ, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em, đồng thời thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, từ năm 2015 đến ngày 30/6/2019, Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội thông qua 11 bộ luật, luật; ban hành 10 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 chỉ thị và 15 quyết định. Trong đó đã thể chế hóa kịp thời và đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phòng, chống xâm hại trẻ em, tạo khuôn khổ pháp lý cho lĩnh vực bảo vệ trẻ em, thúc đẩy thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em, đặc biệt là nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em.

Nội dung các văn bản xây dựng chặt chẽ, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ. Các chính sách trước khi ban hành đều được đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật, do đó, các quy định được ban hành phù hợp với thực tế cuộc sống và yêu cầu phòng, chống xâm hại trẻ em trong tình hình mới.

b) Công tác tuyên truyền, giáo dục gia đình, cộng đồng, trẻ em về kiến thức kỹ năng phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em:

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em được Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú. Nhận thức của cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, cha, mẹ, trẻ em nói riêng và xã hội nói chung về phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em có sự chuyển biến tích cực. Số học sinh được hướng dẫn kỹ năng ứng phó để tự bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị xâm hại tăng nhanh. Số lượng thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác về bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em đến Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, các kênh thông tin, truyền thông và các cơ quan chức năng bảo vệ trẻ em tăng lên rõ rệt.

Bộ LĐTBXH chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch truyền thông về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em bằng nhiều hình thức; quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); trực tiếp truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm hỗ trợ, can thiệp, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em .... Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thường xuyên chỉ đạo việc lồng ghép nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em vào Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương và kế hoạch triển khai các đề án về

phổ biến, giáo dục pháp luật ... Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản trong cả nước đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ trẻ em, nhất là về phòng, chống xâm hại trẻ em...

c) Trách nhiệm của cơ quan hữu quan trong việc ngăn ngừa, phát hiện, xử lý tin báo, tố giác, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm hại trẻ em; quy trình nghiệp vụ đặc thù trong điều tra, truy tố, xét xử các hành vi xâm hại trẻ em:

- Về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến xâm hại trẻ em:

Kể từ khi Luật xử lý vi phạm hành chính được ban hành, các vụ việc vi phạm nói chung, xâm hại trẻ em nói riêng xảy ra cơ bản đã được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh trật tự các địa bàn trên cả nước, tăng cường bảo vệ trẻ em. Tỷ lệ số vụ việc đã bị xử phạt so với tổng số vụ việc đã bị phát hiện ngày càng tăng, góp phần tích cực trong việc đấu tranh, phòng, chống vi phạm hành chính nói chung, vi phạm xâm hại trẻ em nói riêng. Qua số liệu tổng hợp từ Bộ, ngành, trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2015 – 2019, các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý 275 vụ/năm, chuyển xử lý hình sự trong cả giai đoạn này là 1158 vụ.

- Về phát hiện, khởi tố, điều tra tội phạm xâm hại trẻ em:

+ Kết quả xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố: Từ năm 2015 đến tháng 9/2019, Cơ quan điều tra các cấp đã tiếp nhận, xử lý 8.961 tố giác, tin báo về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, trong đó giải quyết 7.596 vụ (khởi tố 5.215 vụ, không khởi tố: 2.072 vụ; tạm đình chỉ: 309 vụ) đang giải quyết 1.365 vụ.

+ Kết quả khởi tố, điều tra tội phạm xâm hại trẻ em (theo số liệu của Bộ Công an): Năm 2015 phát hiện 1.717 vụ/1.869 đối tượng, khởi tố điều tra 1.272 vụ/1.381 bị can; năm 2016, phát hiện 1.641 vụ/1.807 đối tượng, khởi tố điều tra 1.320 vụ/1.412 bị can; năm 2017, phát hiện 1.592 vụ/1.757 đối tượng, khởi tố điều tra 1.362 vụ/1.644 bị can; năm 2018, phát hiện 1.547 vụ/1.696 đối tượng, khởi tố điều tra 1.261 vụ/1.373 bị can; 06 tháng đầu năm 2019 phát hiện 1.327 vụ/1.486 đối tượng, khởi tố điều tra 1.016 vụ/1.045 bị can.

d) Xây dựng Đề án “Vận động xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025”:

Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 về phê duyệt Đề án “Vận động xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 – 2025” với mục tiêu chung: vận động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và bảo đảm các quyền của trẻ em; ưu tiên trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Công tác phối hợp liên ngành về thực hiện quyền trẻ em, vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Quốc gia về trẻ em:

- Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ủy ban quốc gia về trẻ em để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều phối giữa các bộ, ngành; phối hợp giữa các địa phương trong việc thực hiện quyền của trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em.



- Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em lần đầu tiên với 675 điểm cầu và khoảng 18.000 đại biểu tham dự từ Trung ương đến cấp xã. Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, quán triệt việc tăng cường quản lý nhà nước về công tác bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Trước tình hình vụ việc xâm hại tình dục trẻ em diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong dư luận xã hội, Ủy ban quốc gia về trẻ em và Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành nhiều văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương về việc chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Các bộ, ngành đã phối hợp và cơ nhiều hoạt động để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em từ phòng ngừa, phát hiện, giải quyết vụ việc đến hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em và xử lý nghiêm khắc hành vi xâm hại trẻ em.

#### **IV. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo.**

1. Chính sách, pháp luật về giáo dục đào tạo (GDĐT).

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về GDĐT:

Triển khai Luật Giáo dục năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

b) Rà soát, hoàn thiện chính sách đối với các đối tượng ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi:

Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành một số văn bản về chế độ, chính sách cho trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt đối với học sinh nghèo ở vùng sâu, vùng xa gồm: chính sách học bổng; chính sách hỗ trợ học tập; chính sách miễn, giảm học phí; chính sách phát triển giáo dục đối với các dân tộc thiểu số rất ít người. Đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các phụ cấp, trợ cấp chung đối với công chức, viên chức và người lao động, ngoài ra còn được hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ. Các chính sách đối với cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên công tác ở các trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản trên bao gồm nhiều loại phụ cấp, trợ cấp.

Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng Nghị định tích hợp các chính sách về học bổng và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên; trong đó sẽ điều chỉnh chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên đặc biệt đối với học sinh nghèo ở vùng sâu, vùng xa vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Kịp thời sửa đổi, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết Luật Giáo dục đại học:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Để triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Bộ GDĐT đã và đang tích cực chuẩn bị các điều kiện theo quy định của pháp luật, chú trọng các nội dung như: rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới chiến lược phát triển, quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định nội bộ khác của cơ sở giáo dục đại học để thực hiện ngay khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học có hiệu lực; công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong thời gian 12 tháng và thông tin khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

## 2. Giáo dục đại học.

a) Hoàn thành đề án cụ thể về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

b) Phát triển chương trình đào tạo đại học theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế:

Theo quy định của Luật Giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục đại học được chủ động phát triển chương trình đào tạo đại học theo các quy định của pháp luật. Bộ GDĐT đã và đang thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phát triển chương trình đào tạo gồm: Tăng cường công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng và tỷ lệ người tốt nghiệp sau đại học có việc làm của cơ sở đào tạo; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học (trong đó có kiểm định quốc tế); chỉ đạo các trường đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng chương trình đào tạo và công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Tăng cường kết hợp với các cơ sở sử dụng lao động, các công ty, các viện nghiên cứu trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

c) Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học:

Công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) tiếp tục được chỉ đạo đẩy mạnh theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế. Kết quả thực hiện KĐCLGD đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm như sau (tính đến ngày 31/8/2019): Có 251 cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn và tổ chức KĐCLGD trong nước (trong đó có 222 cơ sở giáo dục đại học và 28 trường cao đẳng sư phạm và 01 trường trung cấp sư phạm); 133 cơ sở giáo dục đại học và 07 trường cao đẳng sư phạm được đánh giá ngoài, trong đó có 123 cơ sở giáo dục đại học và 05 trường cao đẳng sư phạm được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; có 72 chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá, trong đó có 64 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài và 19 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Có 07 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng Cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp (HCERES) và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN

(AUN-QA); có 139 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài và công nhận bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài.

d) Giải thể các cơ sở đào tạo đại học chất lượng yếu, kém:

Thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng 02 Đề án: (01) Đề án sắp xếp lại các trường sư phạm và thành lập một số trường sư phạm trọng điểm nhằm hình thành mạng lưới đào tạo giáo viên bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nhu cầu về số lượng, cơ cấu và tăng cường năng lực giáo viên của các địa phương và (2) Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các cơ sở GDĐH công lập để hình thành được hệ thống cơ sở GDĐH công lập với số lượng, cơ cấu hợp lý, qua đó tăng hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng GDĐH, đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

đ) Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học:

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường hoạt động truyền thông và liên kết các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; quán triệt nội dung Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trên cơ sở Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025, Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 của ngành Giáo dục nhằm tạo môi trường và cơ chế hoạt động khởi nghiệp, tạo chuyên biến mang tính đột phá về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại các đại học, học viện, các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm trong cả nước; giao nhiệm vụ cho một số cơ sở đào tạo triển khai thí điểm Quyết định số 1665/QĐ-TTg và Quyết định số 844/QĐ-TTg về hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo; tổ chức tọa đàm Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong ngành Giáo dục.

Hoạt động khoa học và công nghệ trong giáo dục đại học đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, các nhà khoa học, các chuyên gia đang làm việc trong các ngành và lĩnh vực khác nhau. Hiện có 142/271 trường đại học đã hình thành 945 nhóm nghiên cứu (trung bình có 7 nhóm nghiên cứu/trường đại học). Nhiều cơ sở đào tạo đã thành lập các nhóm giảng dạy - nghiên cứu vừa thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, vừa hỗ trợ công tác giảng dạy, nâng cao năng lực của giảng viên.

Một số cơ sở giáo dục đại học tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp trong hợp tác đào tạo nhằm tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có thể bắt tay ngay vào công việc, không phải đào tạo lại. Các chương trình hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học mang lại cơ hội cho giảng viên và sinh viên giao lưu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu... Các cơ sở ngày càng tiệm cận với tiêu chuẩn đào tạo của thế giới.

e) Thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong GDĐT chất lượng cao:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 nhằm tạo bước đột phá đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với nhiều nội dung cởi mở, thông thoáng hơn; trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó có quy định tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học có uy tín của nước ngoài thành lập phân hiệu tại Việt Nam; hoàn thiện xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cử và tuyển lưu học sinh đi học ở nước ngoài.

Trong năm 2019, Bộ GDĐT đã ký kết 20 văn bản hợp tác với nước ngoài, trong đó có 06 Điều ước quốc tế cấp Chính phủ, 04 Thỏa thuận nhân danh Chính phủ không phải là Điều ước quốc tế và 10 Thỏa thuận quốc tế cấp Bộ. Tính đến 31/12/2019, cả nước có tổng số 525 dự án FDI thuộc lĩnh vực GDĐT còn hiệu lực trên tổng số 30.827 dự án FDI của 19 ngành kinh tế.

g) Thúc đẩy phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo ngang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao:

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Đề án sắp xếp lại các trường sư phạm và thành lập một số trường sư phạm trọng điểm và Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các cơ sở GDĐH công lập để hình thành được hệ thống cơ sở GDĐH công lập với số lượng, cơ cấu hợp lý, qua đó tăng hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng GDĐH. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT cũng có các văn bản khuyến khích sự phối hợp, hợp tác của các trường đại học với các doanh nghiệp, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu...

Ngày 30/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 436/QĐ-TTg), trên cơ sở đó Bộ GDĐT sẽ chủ trì và phối hợp các bộ ngành khác để ban hành các chuẩn chương trình đào tạo cho các nhóm ngành, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng của GDĐH nói chung, nâng chuẩn đào tạo của các cơ sở GDĐH đạt tầm khu vực và thế giới.

h) Khẩn trương ban hành quy định cụ thể về tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, đổi mới cơ chế học phí:

Năm học 2018 - 2019 đánh dấu những bước chuyển biến trong quyết tâm nâng cao chất lượng đào tạo. Quyền tự chủ cho các trường trong đào tạo, nhân sự và tài chính... được đẩy mạnh thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH. Sau thành công của 23 trường ĐH được tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, đã thí điểm mở rộng quyền tự chủ của 03 Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế quốc dân và Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Đồng thời, tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH đã có quy định về thực thi quyền tự chủ của các trường. Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo được chú trọng, năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình với xã hội của các trường đã được nâng lên.

i) Tiếp tục hoàn thiện và ổn định kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng, khắc phục tình trạng chạy theo thành tích trong giáo dục, giảm áp lực cho học sinh, gia đình và xã hội:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

k) Về chính sách thu hút học sinh giỏi vào học ngành sư phạm:

Do chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ giáo viên có nhiều bất cập nên ngành sư phạm không còn sức hấp dẫn với nhiều học sinh có năng lực, học giỏi, khá. Cùng với đó, công tác dự báo nhu cầu nhân lực và kiểm soát việc tuyển dụng giáo viên chưa được chú trọng nên đã để xảy ra hiện tượng thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Nhằm từng bước khắc phục tình trạng trên, Bộ GDĐT đã tập trung triển khai một số giải pháp: Sửa đổi các quy định về tuyển sinh sư phạm; phối hợp với các địa phương rà soát nhu cầu giáo viên các cấp, thực hiện giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm nhằm hạn chế tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, đảm bảo tăng tỷ lệ sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp có việc làm; đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng đối với các trường sư phạm, công bố công khai kết quả đánh giá, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cùng với những thông tin liên quan đến quá trình đào tạo để người học và xã hội giám sát; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp sư phạm, có cơ chế hỗ trợ khả năng có việc làm đúng hoặc phù hợp sau khi tốt nghiệp cho sinh viên; tăng cường sự phối hợp với các bên liên quan trong việc quan tâm đến nâng cao vị thế nhà giáo, tăng tính hấp dẫn của nghề giáo, môi trường làm việc của giáo viên gắn với chế độ đãi ngộ lương, phụ cấp, thu nhập, điều kiện, điều kiện thăng tiến; tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhân lực sư phạm, khảo sát nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn để xây dựng phương án phân bổ chỉ tiêu các ngành sư phạm, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học làm căn cứ xây dựng chính sách đào tạo sư phạm phù hợp với yêu cầu triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới...

l) Rà soát, hoàn thiện quy trình, thủ tục và công khai việc công nhận văn bằng, học vị, chức danh giảng viên đại học:

- Hoàn thiện quy trình, thủ tục công nhận văn bằng:

Bộ GDĐT đang hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở nước ngoài cấp theo hướng: Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, cải cách hành chính, giảm thủ tục, giảm thời gian trả kết quả; giảm bớt thủ tục không cần thiết; mở rộng thẩm quyền công nhận văn bằng: quy định các cơ sở giáo dục đại học có thể tự đánh giá và chấp nhận văn bằng do nước ngoài cấp trong nội bộ đơn vị mình; Giấy công nhận văn bằng đầy đủ thông tin hơn để cung cấp cho đơn vị sử dụng.

- Công khai thông tin về công nhận văn bằng học vị, chức danh giảng viên đại học:

+ Để giúp cho người dân tham khảo khi chọn các chương trình học được công nhận, Bộ GDĐT đã công khai các thông tin trên website của Trung tâm công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng (<http://naric.edu.vn>).

+ Thực hiện Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, Bộ GDĐT đã ban hành các Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 và số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở.

Xây dựng phần mềm giới thiệu ứng viên tham gia Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành nhiệm kỳ 2018-2023; phần mềm đăng ký trực tuyến và xét đạt tiêu chuẩn giáo sư, phó giáo sư tạo điều kiện cho các ứng viên có thể đăng ký trực tuyến, giúp cho việc kê khai hồ sơ nhanh, hiệu quả và giảm thiểu số lượng hồ sơ giấy và tạo cơ sở dữ liệu để các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành có thể xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư trực tuyến; kết quả chấm tường minh, rõ ràng.

### 3. Chương trình và sách giáo khoa và mô hình đào tạo.

a) Tích cực chuẩn bị và triển khai thực hiện chương trình và SGK giáo dục phổ thông theo Nghị quyết của Quốc hội:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần B (kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

b) Rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phổ thông gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu, chất lượng giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông:

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ GDĐT đã đề nghị các địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nhằm khắc phục những hạn chế, tạo sự đồng bộ, đảm bảo hiệu quả; tiếp tục rà soát quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đối với khu vực thành phố, quy hoạch trường, lớp cần theo hướng mở rộng ra khu vực ngoại ô để khắc phục tình trạng sĩ số lớp quá đông do thiếu quỹ đất. Tăng cường xã hội hóa để thành lập mới các trường tư thực chất lượng cao; phát triển trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Đối với các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cần có lộ trình sắp xếp điểm trường, lớp hợp lý. Công tác quy hoạch trường, lớp phải gắn với chuẩn bị cơ sở vật chất, đào tạo lại đội ngũ giáo viên, đặc biệt là gắn với chương trình giáo dục phổ thông mới; việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục phải được thực hiện trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh; phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Khắc phục tình trạng trường lớp có quy mô nhỏ và chất lượng giáo dục chưa cao, từ đó có điều kiện tập trung đầu tư nguồn lực kể cả về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục...

Thời gian tới, Bộ GDĐT tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh các quy định, quy chuẩn và tổng kết đánh giá việc thực hiện của các địa phương để xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phù hợp với điều kiện của từng địa phương, tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai có hiệu quả việc sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, dồn dịch các điểm trường đạt hiệu quả.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện cho việc hình thành các trường tư thực chất lượng cao:

- Để đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, Chính phủ đã ban hành:

+ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Trong đó, quy định khuyến khích thực hiện đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực GD đang được nhiều cơ sở GDĐT rất quan tâm, triển khai và đã có một số mô hình đầu tư PPP đi vào hoạt động với nhiều lợi thế của việc nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng trường lớp, còn nhà trường cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, góp phần giải tỏa bớt khó khăn cho bài toán kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

+ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018, quy định về đầu tư, hợp tác nước ngoài trong lĩnh vực GD, trong đó quy định các đối tượng, hình thức liên kết, hợp tác đầu tư nước ngoài;

+ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

- Để tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục, Chính phủ đã đề nghị bổ sung các quy định khuyến khích đầu tư cho giáo dục vào Luật Giáo dục năm 2019, trong đó quy định: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp trí tuệ, công sức, tài sản cho giáo dục; các nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục bao gồm các nguồn thu từ dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; các khoản đóng góp, tài trợ của cá nhân cho giáo dục được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nộp thuế; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định khung học phí hoặc mức học phí và các khoản thu dịch vụ khác ngoài học phí (nếu có) đối với các cơ sở giáo dục công lập. Đồng thời, Chính phủ cũng đã chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về khuyến khích XHH đối với các hoạt động trong lĩnh vực GD, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần B (kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

đ) Triển khai có hiệu quả Đề án ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học:

Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai chính phủ điện tử của Bộ. Năm 2018, chỉ số hiện đại hóa cải cách hành chính của Bộ GDĐT tăng 8 bậc (từ vị trí thứ 10 năm 2017, lên vị trí thứ 2 năm 2018). Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ đã cung cấp 22 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. 100% lãnh đạo, chuyên viên Bộ được cấp và sử dụng chữ ký số để tiếp nhận và xử lý văn bản điện tử và công việc hàng ngày; 63 sở GDĐT và hơn 300 trường ĐH, CĐ trên cả nước đã triển khai e-office kết nối với Bộ GDĐT; Hội nghị truyền hình kết nối giữa Bộ và 63 Sở được triển khai hiệu quả.

Cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông được triển khai tại 63 sở GDĐT, 710 phòng GDĐT và 52.900 cơ sở giáo dục trên toàn quốc; hệ thống cơ sở dữ liệu về GDĐT bước đầu triển khai đối với công tác tuyển sinh và thống kê ngành. Bộ GDĐT đã ban hành quy định về hoạt động ứng dụng công

nghệ thông tin của Bộ làm cơ sở triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, không chồng chéo và hiệu quả; ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông làm cơ sở để kết nối, liên thông, trao đổi dữ liệu giữa phần mềm quản lý giáo dục ở địa phương với cơ sở dữ liệu của ngành. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Cổng thông tin tuyển sinh và các hệ thống nghiệp vụ phục vụ các hoạt động của kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh vào ĐH.

e) Triển khai có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần B (kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

#### 4. Giáo dục mầm non:

a) Đẩy mạnh việc hướng dẫn nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục:

Bộ GDĐT phối hợp với Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo các địa phương thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 về hỗ trợ các nhóm lớp độc lập tư thục; phối hợp với UNICEF tổ chức hội thảo Thực trạng và giải pháp hỗ trợ cha mẹ chăm sóc giáo dục trẻ có chất lượng và vấn đề đảm bảo các quyền trẻ em; xây dựng kế hoạch hợp tác với tổ chức Half the Sky Foundation nhân rộng mô hình hỗ trợ các nhóm lớp độc lập tư thục và cha mẹ trẻ ở các khu công nghiệp (đang thực hiện ở Đà Nẵng); chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhà trường và tại gia đình. Hiện nay, Bộ GDĐT đang xây dựng tài liệu hướng dẫn nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục; tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán ở các cơ sở giáo dục mầm non việc tổ chức hướng dẫn và phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhà trường và tại gia đình.

b) Làm tốt công tác dự báo, quy hoạch, phát triển trường mầm non, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu vực đông dân cư; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non:

- Bộ GDĐT đã chỉ đạo các địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất; thực hiện các chính sách xã hội hóa giáo dục, phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước;

- Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó có quy định một số chính sách đặc thù đối với GDMN ở địa bàn có khu công nghiệp.

c) Quản lý chặt chẽ việc cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động và hoạt động đối với giáo dục mầm non:

Bộ GDĐT đã tổ chức đoàn kiểm tra công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non và đoàn khảo sát liên ngành về tình hình trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất tại một số tỉnh, thành phố đại diện cho 3 miền là các địa phương có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất; chỉ đạo các địa phương



tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là việc cấp phép thành lập, hoạt động các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục; kiên quyết đình chỉ các nhóm lớp độc lập tư thục không đảm bảo các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm; phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể trong việc quản lý giáo dục mầm non, đặc biệt là giáo dục mầm non ngoài công lập; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư giám sát việc tổ chức, hoạt động các nhóm lớp độc lập tư thục.

#### 5. Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục:

a) Rà soát, hoàn thiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên cho đội ngũ giáo viên theo bậc học, cấp học; tăng cường quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp:

Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông làm căn cứ để: (i) giáo viên tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, (ii) các cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên; xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường, địa phương và của ngành Giáo dục; (iii) cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách phát triển đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; lựa chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán; (iv) các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Bộ cũng đã ban hành các văn bản quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, làm căn cứ để hiệu trưởng tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hiện tại Bộ GDĐT đang tiến hành xây dựng các Chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý theo các chuẩn đã ban hành để tiến hành bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

b) Rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên:

Bộ GDĐT đã ban hành quy định về khung mục danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; gửi các văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đề nghị rà soát việc tuyển dụng, bố trí và sử dụng viên chức ngành Giáo dục, đơn đốc thực hiện tinh giản biên chế nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhân viên hoặc bố trí, sử dụng không đúng cơ cấu giáo viên và không phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Đầu năm học 2018 - 2019, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát vấn đề biên chế, hợp đồng giáo viên, báo cáo Chính phủ xem xét, bổ sung 26.726 biên chế giáo viên mầm non cho 17 tỉnh tăng trưởng dân số cơ học và 5 tỉnh Tây Nguyên để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên mầm non ở một số địa phương.

Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành các văn bản quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp, làm căn cứ để các cơ quan quản lý thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên, là cơ sở để đội ngũ giáo viên phấn đấu, bồi dưỡng đạt các hạng nghề nghiệp cao hơn

theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, theo đó thực hiện chính sách đãi ngộ tốt hơn đối với giáo viên. Hiện nay, Bộ GDĐT đã và đang tổ chức rà soát, nghiên cứu hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục theo quy định mới, làm cơ sở để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và các chính sách mới được ban hành đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục:

Bộ GDĐT đã ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp học với các tiêu chuẩn/tiêu chí, trong đó có tiêu chí về đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; yêu cầu Sở GDĐT xử lý nghiêm những giáo viên, cán bộ quản lý vi phạm đạo đức nhà giáo. Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành chỉ thị tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo, theo đó đã yêu cầu các cơ sở giáo dục quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế làm việc và quy tắc ứng xử của đơn vị; đồng thời, ban hành văn bản yêu cầu các địa phương, các cơ sở giáo dục chấn chỉnh, tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

Bộ GDĐT đã tổ chức và chỉ đạo các địa phương thực hiện bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo; bồi dưỡng việc áp dụng phương pháp giáo dục tích cực trong nhà trường; nâng cao nhận thức để mỗi nhà giáo ý thức được vai trò, vị trí của mình, luôn giữ gìn danh dự, uy tín, đạo đức nhà giáo; chú trọng việc biểu dương, tôn vinh những tấm gương nhà giáo điển hình, mẫu mực và sự cống hiến, hy sinh của nhà giáo; đẩy mạnh truyền thông để nâng cao hình ảnh, uy tín của nhà giáo đối với toàn xã hội; chủ động nắm bắt thông tin, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo. Phối hợp với Công đoàn Giáo dục Việt Nam đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” để mỗi giáo viên thường xuyên nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, giáo dục học sinh.

d) Phát huy dân chủ, thực hiện nề nếp, kỷ cương trường học, làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất cho học sinh:

Bộ GDĐT triển khai nhiều giải pháp tăng cường nề nếp, kỷ luật và công tác Đoàn, Hội, Đội trong trường học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên; đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định và ban hành theo thẩm quyền 08 văn bản chỉ đạo (02 Quyết định, 02 Thông tư và 04 công văn) hướng dẫn việc thực hiện nề nếp, kỷ luật trong trường học.

Chú trọng chỉ đạo xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn được duy trì thông qua phong trào Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Rà soát, lựa chọn sử dụng các khẩu hiệu phù hợp với lứa tuổi, cấp học, môi trường giáo dục. Ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa chi tiết, dễ nhớ, dễ thực hiện phù hợp với điều kiện, văn hóa của địa phương và nhà trường; tổ chức hát Quốc ca khi chào cờ Tổ quốc đã trở thành nề nếp, góp phần giáo dục tình yêu quê

hương đất nước, tự hào dân tộc cho HSSV. Thực hiện có nền nếp tập thể dục giữa giờ và hô các khẩu ngữ ở các trường phổ thông.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020” đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05/CT-TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được cụ thể hóa thành nhiều chương trình, kế hoạch thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương, vùng miền, lứa tuổi, cấp học, ngành nghề đào tạo.

Chỉ đạo xây dựng chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới, trong đó chú trọng nội dung môn Đạo đức, Giáo dục công dân và dạy đạo đức lối sống thông qua việc giáo dục chuyển đổi hành vi và trải nghiệm cho học sinh; học tập Lý luận chính trị đối với các cơ sở giáo dục đại học, trường CĐSP, TCSP; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân nhằm phát triển phẩm chất năng lực người học.

đ) Tăng cường an ninh, an toàn trong trường học:

Tại Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định nhiệm vụ và quyền của người học, trách nhiệm của nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục; quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục; quy định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp trong việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Bộ GDĐT phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”; quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025....

e) Ban hành đề án về văn hoá ứng xử trong trường học:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 phê duyệt Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 quy định Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

6. Thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục.

a) Công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng, thực hiện theo kế hoạch thanh tra hằng năm và thanh tra đột xuất các vụ việc có dấu hiệu vi phạm hoặc những vấn đề nổi cộm được dư luận xã hội quan tâm. Một số nội dung thanh tra trọng tâm của Bộ GDĐT như sau:

- Thanh tra, chấn chỉnh hoạt động liên kết đào tạo: Bộ GDĐT đã tổ chức rà soát hoạt động liên kết đào tạo và đào tạo ngoài trụ sở chính của tất cả các cơ sở giáo dục đại học, qua rà soát đã làm việc với 37 cơ sở giáo dục đại học để nghe báo cáo trực tiếp và có văn bản chấn chỉnh thiếu sót, sai phạm đối với 34 cơ sở giáo dục đại học, xử phạt vi phạm hành chính đối với 3 cơ sở giáo dục đại học

trong cả nước. Qua thanh tra đã phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm trong lĩnh vực này;

- Thanh tra việc cấp chứng chỉ ngoại ngữ chuẩn đầu ra trình độ đại học của 1 cơ sở, kiểm tra việc đào tạo, sát hạch và cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nhiều trung tâm ngoại ngữ, tin học trong cả nước, qua kiểm tra đã phát hiện sai phạm và đình chỉ hoạt động của... trung tâm ngoại ngữ tin học trong cả nước. Thời gian tới, Bộ GDĐT tiếp tục tăng cường kiểm tra công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ tại các cơ sở giáo dục, quản lý chặt chẽ việc cấp các loại chứng chỉ, đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an xử lý theo pháp luật việc làm giả văn bằng, chứng chỉ và việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả đối với các trường hợp vi phạm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bằng, chứng chỉ.

- Thanh tra việc kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục của 02 trung tâm kiểm định chất lượng trong toàn quốc, qua thanh tra đã kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục.

- Thanh tra công tác thu chi đầu năm của 8 Sở GDĐT, việc quản lý cấp phép giáo dục mầm non với 4 Sở GDĐT, qua thanh tra đã kịp thời xử lý, chấn chỉnh sai phạm trong công tác thu chi tài chính, thành lập và hoạt động giáo dục mầm non trái phép; kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về tài chính trong lĩnh vực giáo dục về giáo dục mầm non.

- Thanh tra đột xuất trong công tác tuyển sinh đại học đối với một số cơ sở giáo dục đại học có điểm xét tuyển đầu vào thấp như: Trường ĐH Nội vụ, Trường ĐH Lâm nghiệp, Trường ĐH Hùng Vương TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Bạc Liêu, qua đó chấn chỉnh một số hạn chế trong công tác tuyển sinh và điều kiện đảm bảo chất lượng đối với một số cơ sở giáo dục đại học; đã xử lý nghiêm sai phạm trong tuyển sinh, quản lý đào tạo tại Trường Đại học Trưng Vương, Trường Đại học Điện Lực, Trường Đại học Thành Đô, Trường ĐH Chu Văn An.

b) Hằng năm Bộ GDĐT đều có văn bản hướng dẫn thanh tra thi THPT quốc gia, hướng dẫn thanh tra năm học đối với giáo dục phổ thông, hướng dẫn thanh tra tuyển sinh đại học, hướng dẫn thanh tra nội bộ theo quy định pháp luật; ban hành văn bản yêu cầu Chánh Thanh tra sở GDĐT các tỉnh, thành phố triển khai công tác thanh tra dạy thêm học thêm và thu chi đầu năm học, rà soát việc tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ A-B-C; công khai đường dây nóng và cử cán bộ thường trực tiếp nhận thông tin phản ánh tiêu cực tại địa phương, tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm.

## **E. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 83/2019/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 7, QUỐC HỘI KHÓA XIV.**

### **I. Lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.**

1. Chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy, liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

Triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025; Hiệp định giữa Việt Nam - Campuchia về hợp tác loại trừ nạn nhân mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2020 - 2022. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương, nhằm nâng cao ý thức chấp hành

pháp luật, trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sỹ Công an, đặc biệt là Công an cấp xã ngay từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố của người dân, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em; hướng dẫn các kỹ năng phòng ngừa để nắm tình hình, ngăn chặn và phát hiện kịp thời vụ việc xâm hại tình dục trẻ em; hướng dẫn các kỹ năng thu thập tài liệu chứng cứ ban đầu nhằm nhanh chóng khởi tố điều tra; hướng dẫn các kỹ năng làm việc, kỹ năng điều tra thân thiện đối với trẻ em là nạn nhân, nhân chứng trong vụ án xâm hại tình dục trẻ em. Tuy nhiên, tình trạng bạo hành, xâm hại trẻ em xảy ra nhiều, nhất là tội phạm hiếp dâm trẻ em tiếp tục gia tăng (40,7%), gây bức xúc trong xã hội; xuất hiện thủ đoạn mới của tội phạm mua bán người dưới hình thức mang thai hộ, mua bán bào thai.

2. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp trong phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng phát triển khoa học, công nghệ, lao động việc làm, an sinh xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, hạn chế những nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tập trung phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và tham mưu UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hướng dẫn tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” năm 2020, các năm tiếp theo và Sơ kết thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” giai đoạn 2015 - 2020.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy lực lượng Công an nhân dân; gắn trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy công an các cấp; chấn chỉnh, xử lý nghiêm hành vi thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, tiếp tay, bao che tội phạm.

Tiếp tục điều chỉnh, bố trí lực lượng Công an hướng về cơ sở và tăng cường cho các lực lượng trực tiếp chiến đấu; xây dựng lộ trình chính quy hóa lực lượng Công an xã để nắm tình hình, giải quyết vấn đề ngay từ khi mới phát sinh. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và các kỹ năng công vụ cho lực lượng thực thi pháp luật. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi những thiếu, tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức. Lực lượng Công an đã đẩy mạnh triển khai thực hiện chủ trương chính quy Công an xã, góp phần nắm và giải quyết tình hình ngay từ địa bàn cơ sở. Tính tới thời điểm hiện tại, về cơ bản, các địa phương đã hoàn thành bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; bước đầu đem lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, tội phạm chống người thi hành công vụ, nhất là lực lượng Công an còn diễn biến phức tạp, số vụ chống lại lực lượng Công an tăng 281,82% so với cùng kỳ, làm 07 đồng chí hy sinh, 51 đồng chí bị thương, 10 đồng chí bị phơi nhiễm HIV.

4. Công tác phòng chống tội phạm về ma túy:

Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổng kết Chương trình phòng chống ma túy đến năm 2020 của Chính phủ. Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác

phòng, chống và kiểm soát ma túy. Tổ chức Hội nghị hợp tác phòng chống ma túy Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 8, Việt Nam - Thái Lan lần thứ 13. Tiếp tục chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tăng cường hiệu quả công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phòng, chống tội phạm ma túy; nhất là phối hợp với các lực lượng Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; tổ chức tốt các hoạt động trong tháng hành động và ngày toàn dân phòng, chống ma túy năm 2019. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tập trung đấu tranh, trấn áp tội phạm về ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn xuyên quốc gia, các tụ điểm ma túy phức tạp. Đã phát hiện, bắt giữ 7.153 vụ, 9.873 đối tượng phạm tội về ma túy, thu giữ gần 157kg heroin, hơn 555kg và 452.503 viên ma túy tổng hợp, hơn 64kg cần sa (nhiều hơn 13,72% số vụ, 2,96% số đối tượng; thu giữ nhiều hơn 63kg và 193.308 viên ma túy tổng hợp so với cùng kỳ 2019). Tuy nhiên, tội phạm ma túy diễn biến phức tạp trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, nhất là tuyến Tây Bắc, Bắc miền Trung, Tây Nam và các thành phố lớn. Đáng chú ý những ngày gần đây liên tiếp phát hiện những vụ mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn (vụ bắt 02 đối tượng, thu giữ 307,458 kg ma túy tổng hợp tại Quảng Bình; vụ bắt 07 đối tượng, thu giữ 446 kg ma túy tổng hợp tại Lạng Sơn và Hà Nội;...). Tình trạng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy tại quán bar, karaoke, nhà hàng, nhà nghỉ, nhà trọ tiếp tục diễn ra ở nhiều địa phương.

#### 5. Công tác xử lý tố giác, tin báo về tội phạm.

Tổng số phải giải quyết: 44.393 (số cũ 16.725; số mới 26.713; phục hồi: 955). Đã giải quyết: 30.703 (đạt 69%, vượt 6% so với cùng kỳ năm 2019); trong đó ra quyết định khởi tố vụ án hình sự 15.010 trường hợp (49%), ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự 11.329 trường hợp (37%); tạm đình chỉ giải quyết 4.364 trường hợp (14%). Đang giải quyết: 13.690, chiếm 30% tổng số phải giải quyết. Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017, quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, tuy nhiên, còn một số hạn chế, tồn tại như sau: <sup>(1)</sup> Sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, việc xây dựng kế hoạch tổ chức xác minh chưa kịp thời, đúng thời gian quy định hoặc kế hoạch xác minh nội dung còn sơ sài, chỉ mang tính hình thức; kết thúc giải quyết tin báo chưa có báo cáo kết thúc... Bên cạnh đó, việc giải quyết tin báo tố giác tội phạm ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vụ việc phức tạp hoặc phải trung cầu giám định, định giá tài sản... thường mất nhiều thời gian. Tại một số địa phương, tình trạng phân công chậm, thời gian giải quyết tin vẫn còn phải gia hạn, kéo dài; nhiều tin sau khi tiếp nhận, giải quyết không kịp thời thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp theo quy định, phải để Viện kiểm sát nhân dân có văn bản kiến nghị. Một số nơi, việc bố trí cán bộ trực ban hình sự chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hoặc cán bộ trực ban vẫn phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên hiệu quả công tác tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm chưa cao. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm nhưng không lập kế hoạch xác minh; tiến hành điều

tra, xác minh không đầy đủ theo kế hoạch đã được phê duyệt... Nhiều trường hợp Điều tra viên được phân công thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm nhưng không trực tiếp thực hiện mà giao cho cán bộ điều tra giải quyết; lạm dụng việc xác minh ban đầu, không báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra dẫn đến việc quản lý, chỉ đạo của Thủ trưởng gặp khó khăn, vi phạm thời hạn giải quyết; dùng sai biểu mẫu tố tụng về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; sau khi ra Quyết định giải quyết nhưng chậm chuyển quyết định và hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp. Vẫn còn có trường hợp chậm làm thủ tục phân công xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Những tồn tại, hạn chế trên là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố chưa cao (đạt **69%**), bên cạnh đó, tỷ lệ tạm đình chỉ việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm lên tới **4.469** trường hợp, chiếm **14%** tổng số tố giác, tin báo về tội phạm đã giải quyết.

6. Công tác phát hiện, xử lý nghiêm các hoạt động siết nợ, đòi nợ thuê, băng nhóm đòi nợ có tính chất “xã hội đen”, “bảo kê” vi phạm pháp luật.

Bộ Công an đã chỉ đạo các lực lượng tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về tội phạm, nhất là những vấn đề dư luận xã hội bức xúc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”; trọng tâm là triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên (tội phạm có tổ chức liên quan đến “tín dụng đen”). Tỷ lệ điều tra, khám phá, khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong các vụ việc liên quan đến tín dụng đen tăng lên đáng kể so với thời điểm trước (từ 01/01/2018 – 30/4/2019 đã khởi tố 214 vụ, 597 bị can trong khi 06 tháng đầu năm 2019 đã khởi tố 205 vụ, 382 bị can). Đặc biệt, Công an tỉnh Thái Bình đã triệt phá băng nhóm “xã hội đen” do vợ chồng đối tượng Nguyễn Xuân Đường (tức Đường “Nhuệ”) cầm đầu, khởi tố vụ án, khởi tố 08 bị can (trong đó có 04 đối tượng là cán bộ Trung tâm đấu giá tài sản và Trung tâm phát triển quỹ đất Thái Bình) với các tội danh Cố ý gây thương tích, Cường đoạt tài sản, Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ.

7. Công tác phòng, chống mua bán người.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ký Hiệp định song phương hoặc đa phương về tương trợ tư pháp về hình sự, về dẫn độ tội phạm với các nước, trong đó cần chú ý đến việc hợp tác đấu tranh chống tội phạm du lịch tình dục, tội phạm xâm hại trẻ em trên mạng internet. Tổ chức các đoàn khảo sát, các cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm đấu tranh phòng chống tội phạm này giữa các chuyên gia của các quốc gia trong khu vực và quốc tế; có cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia với các tổ chức chống tội phạm quốc tế và khu vực như: Interpol, Asianpol., nhằm khai thác tối đa lợi thế của các tổ chức này trong việc phối hợp để xác minh các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, truy bắt các đối tượng phạm tội. Tổ chức tiếp nhận, giải cứu 25 nạn nhân bị mua bán trở về. Việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý chung giữa các quốc gia trong đấu tranh chống loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em cần phải coi là biện pháp ưu tiên hàng đầu.

8. Triển khai các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Triển khai thực hiện quyết liệt Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt. Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là các hành vi là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông như: vi phạm quy định về nồng độ cồn, chở quá số người quy định, vi phạm tốc độ... Đã xử lý 910.954 trường hợp vi phạm TTATGT (trong đó có 48.683 trường hợp vi phạm nồng độ cồn), phạt tiền hơn 773 tỷ đồng, tạm giữ 157.497 phương tiện.

## **II. Lĩnh vực xây dựng.**

1. Rà soát, hoàn thiện quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, quản lý đô thị, kinh doanh bất động sản bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn.

*a) Hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014:*

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đã được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nội dung lớn vào phiên họp thứ 43 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ngày 23/3/2020) và sẽ được trình Quốc hội thông qua vào Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.

*b) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Nhà ở; nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở về chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có khó khăn về nhà ở:*

Đến nay, Bộ Xây dựng đã hoàn thành Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhà ở năm 2014 về chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; dự kiến nội dung sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động chính sách. Hiện nay, Ban Tổ chức Trung ương đang chủ trì xây dựng *Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị*; vì vậy việc sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở sẽ được thực hiện sau khi Bộ Chính trị thông qua *Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị*.

*c) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản; nghiên cứu, rà soát và đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung:*

Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 - 2020 của Quốc hội đã ban hành chưa có nội dung đánh giá, sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Xây dựng đang tiến hành tổng kết, đánh giá thi hành Luật để đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội vào thời điểm thích hợp.

*d) Tổng kết, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Luật Quy hoạch đô thị; nghiên cứu và đề xuất sửa đổi, bổ sung:*

Bộ Xây dựng đã xây dựng kế hoạch cụ thể rà soát, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện Luật Quy hoạch đô thị và đang nghiên cứu xây dựng đề cương chi tiết gửi các Bộ ngành, cơ quan Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc



Trung ương đề nghị rà soát tình hình thực hiện Luật Quy hoạch đô thị 2009 để tổng hợp đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung.

2. Đến năm 2021, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng cốt lõi, hệ thống định mức và đơn giá xây dựng. Trong năm 2019, ban hành 03 quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, nhà chung cư, an toàn cháy cho nhà và công trình.

a) Đề án hoàn thiện hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng:

- Đối với hệ thống Quy chuẩn: Bộ Xây dựng đã rà soát, hoàn thành việc lập *Danh mục hệ thống quy chuẩn kỹ thuật lĩnh vực xây dựng* theo hướng tinh gọn, đồng bộ, dễ thực hiện với 13 quy chuẩn (giảm 3 quy chuẩn so với trước đây). Dự kiến các quy chuẩn trên sẽ được ban hành trong khoảng từ năm 2019 đến năm 2022. Riêng năm 2019 đã ban hành được 04 quy chuẩn theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 83/2019/QH14 của Quốc hội, bao gồm: (1) QCVN 01:2019/BXD về quy hoạch xây dựng; (2) QCVN 04:2019/BXD về nhà chung cư – trong đó có quy định về chung cư hỗn hợp có bố trí kết hợp các chức năng thương mại, dịch vụ, căn hộ du lịch (condotel), căn hộ văn phòng (oficetel); (3) QCVN 16:2019/BXD về sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng; (4) QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy trong nhà và công trình.

- Đối với hệ thống Tiêu chuẩn: Hệ thống tiêu chuẩn lĩnh vực xây dựng được xây dựng theo định hướng mới với danh mục dự kiến khoảng 150 TCVN cốt lõi, bao gồm biên soạn mới và soát xét các tiêu chuẩn đã có. Theo kế hoạch, tùy thuộc mức độ quan trọng, sự cần thiết, hệ thống 150 tiêu chuẩn cốt lõi này sẽ được tổ chức soát xét, biên soạn theo thứ tự ưu tiên, ban hành lần lượt từ năm 2021 đến năm 2025.

b) Về hệ thống định mức đơn giá xây dựng:

- *Rà soát định mức xây dựng*: Bộ Xây dựng đã hoàn thành công tác rà soát 16.769/16.769 định mức xây dựng, đã loại bỏ 1.783 định mức quá lạc hậu, sửa đổi 6.675 định mức, bổ sung 1375 định mức; hoàn thành rà soát, kiểm tra, đánh giá là 596 suất vốn đầu tư, giá bộ phận kết cấu; đã hoàn thành thẩm định và ban hành Tập Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và Giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình 2018.

- *Nghiên cứu ban hành các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng mới phù hợp với kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế*: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (thay thế Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015); Bộ Xây dựng đã ban hành 10 Thông tư hướng dẫn các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng theo tinh thần đảm bảo cơ chế quản lý chi phí đầu tư xây dựng phù hợp hơn với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

- *Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị*: Bộ Xây dựng đã phê duyệt Dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức và giá xây dựng phục vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị” và đang triển khai thực hiện.

- *Xây dựng hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị thay thế định mức dự toán hiện hành*: Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và địa phương đang tích cực triển khai xây dựng hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị mới trên cơ sở Nghị định

số 68/2018/NĐ-CP và các hướng dẫn về phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng mới tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định; dự kiến sẽ được ban hành kịp thời trong thời gian tới.

3. Nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn kết giữa các cấp độ quy hoạch đô thị, giữa quy hoạch đô thị với các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng.

a) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quy hoạch:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; trong đó quy định chặt chẽ trong việc kiểm soát các khâu của quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, thắt chặt hơn các điều kiện điều chỉnh quy hoạch và trình tự thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch.

b) Đổi mới lý luận, phương pháp về quy hoạch và phát triển đô thị:

Bộ Xây dựng đã triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm “*Đổi mới phương pháp lý luận về quy hoạch và phát triển đô thị*”, dự kiến hoàn thành và tổ chức nghiệm thu cấp Bộ trong quý II/2020. Trên cơ sở đề tài này và một số nghiên cứu liên quan, Bộ Xây dựng sẽ hoàn thiện Đề án “*Đổi mới lý luận, phương pháp luận về quy hoạch và phát triển đô thị*” để trình Chính phủ trong năm 2020.

4. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch chi tiết tại các địa phương. Rà soát quy hoạch xây dựng các công trình tâm linh kết hợp với du lịch sinh thái.

Tại Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đối với lĩnh vực xây dựng; trong đó đã giao:

- Bộ Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, đô thị bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (1) Hoàn thành phê duyệt đồng bộ và phủ kín 100% các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt; (2) Lập và phê duyệt đồng bộ các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật; (3) Lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm, đảm bảo đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với phát triển nhà ở, công trình thương mại dịch vụ và các công trình đô thị khác.

Bộ Xây dựng thường xuyên đôn đốc và phối hợp chặt chẽ với các địa phương để thực hiện nhiệm vụ nêu trên. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Kế hoạch này.

5. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch, gắn với giảm áp lực dân số nội đô, phù hợp với hệ thống hạ tầng, công trình văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, cảnh quan đô thị, bảo đảm công khai, minh bạch, đồng bộ và được sự đồng thuận của người dân.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số

44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; đảm bảo các quy định mới chặt chẽ hơn về việc điều chỉnh quy hoạch được cụ thể hóa và nhanh chóng đi vào cuộc sống.

- Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2009/BXD về Quy hoạch xây dựng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2009/BXD về Quy hoạch xây dựng nông thôn và Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008 về Quy hoạch xây dựng; đang rà soát, tiến tới sửa đổi Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù để phù hợp, thống nhất với Nghị định số 72/2019/NĐ-CP (dự kiến ban hành trong năm 2020).

Bộ Xây dựng cũng đã và đang thực hiện các giải pháp cụ thể khác như: thành lập các đoàn kiểm tra tập trung vào việc thực hiện pháp luật về quy hoạch, nhà ở và bất động sản để chấn chỉnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện; chỉ đạo các đơn vị của Bộ nâng cao chất lượng lập, thẩm định các quy hoạch do Bộ đảm nhận theo quy định.

6. Kiểm soát và xử lý nghiêm tình trạng chậm hoặc không triển khai quy hoạch, sai phạm trong điều chỉnh quy hoạch cục bộ và quy hoạch chi tiết.

Tại Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 đã giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Thực hiện rà soát, phân loại, đánh giá các quy hoạch bị điều chỉnh sai quy định, đề xuất các giải pháp khắc phục và báo cáo về Bộ Xây dựng để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện phê duyệt các dự án, cấp phép xây dựng công trình cao tầng trong nội đô theo thẩm quyền, theo quy hoạch và kế hoạch xây dựng nhà cao tầng trong tổng thể khu vực nội đô được phê duyệt, bảo đảm đầu tư đầy đủ, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho dự án và khu vực xung quanh.

Các địa phương đều đã triển khai rà soát các việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn. Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương để thực hiện nhiệm vụ này, đồng thời tăng cường hoạt động thanh tra việc quy hoạch, thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành xây dựng và hoạt động xây dựng trong các khu đô thị mới, chung cư cao tầng theo chức năng được giao để kịp thời phát hiện các sai phạm và xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

7. Hoàn thành việc lập cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch trong năm 2019.

Bộ Xây dựng đã hoàn thành việc xây dựng *Cổng thông tin quy hoạch xây dựng quốc gia* tại địa chỉ website: [quyhoach.xaydung.gov.vn](http://quyhoach.xaydung.gov.vn). Theo yêu cầu của các địa phương, Bộ Xây dựng đã cấp 109 tài khoản truy cập hệ thống cho các Ban Quản lý, các Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại 38 địa phương để cập nhật, đăng tải thông tin hồ sơ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng lên

công thông tin điện tử; các địa phương đã hoàn thành đăng tải công khai 382 đồ án quy hoạch và nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

8. Thực hiện cơ cấu lại thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược nhà ở quốc gia. Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng đầu cơ, “thổi giá”, “làm giá” để lừa đảo, trục lợi”. Rà soát, xử lý các khu dân cư tự phát, các dự án không có người ở.

Sau khi Nghị quyết số 83/2019/QH14 của Quốc hội được ban hành và đề triển khai nhiệm vụ nêu trên, Bộ Xây dựng đã xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04:2019/BXD về Nhà chung cư, trong đó đã quy định cho phép xây dựng căn hộ nhỏ tối thiểu 25m<sup>2</sup> để thúc đẩy nguồn cung căn hộ thương mại nhỏ, giá thấp hiện đang có nhu cầu rất lớn ở khu vực đô thị, nhằm cơ cấu lại thị trường. Tuy nhiên, Quy chuẩn cũng quy định đối với dự án nhà ở thương mại và khu đô thị phải đảm bảo tỷ lệ căn hộ chung cư có diện tích nhỏ hơn 45m<sup>2</sup> không vượt quá 25% tổng số căn hộ chung cư của dự án để tránh tình trạng tập trung dân số và gây áp lực quá mức lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Bên cạnh đó, tại Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 đã giao Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để Kiểm soát chặt chẽ thị trường bất động sản:

- Bộ Xây dựng tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cơ cấu hàng hóa bất động sản cho hợp lý, huy động nguồn lực đa dạng hơn, thông tin thị trường bất động sản công khai, minh bạch hơn để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương khắc phục những yếu kém, tồn tại để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh trong thời gian tới.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quán triệt và tổ chức triển khai kịp thời các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản; nắm bắt tình hình diễn biến thị trường để kịp thời thực hiện các giải pháp bình ổn; lập và điều chỉnh bổ sung Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương... theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019.

Hiện nay Bộ Xây dựng đang phối hợp chặt chẽ với các địa phương để thực hiện nhiệm vụ trên.

9. Có chính sách đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở thương mại cho người có thu nhập thấp.

Quốc hội và Chính phủ đã phê duyệt vốn ngân sách, bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội 1.262 tỷ đồng giai đoạn 2018 - 2019 để cho vay hỗ trợ nhà ở với lãi suất ưu đãi. Chính phủ đã quyết định cấp thêm 1.000 tỷ đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 của Quốc hội và cấp bổ sung thêm 2.000 tỷ đồng để cấp bù lãi suất cho 04 ngân hàng thương mại để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Một số giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ngay một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP để trình Chính phủ xem xét, ban hành trong quý IV/2020 theo thủ tục rút gọn. Tiếp tục đánh giá, tổng kết đề đề xuất đổi mới phương thức, cơ chế chính sách để giải quyết căn bản nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN, thực tiễn đất nước và thông lệ quốc tế.

- Các Bộ, ngành, đặc biệt là Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/01/2017 về đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 10/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo an sinh xã hội*”.

10. Sửa đổi quy định liên quan đến quản lý, vận hành nhà chung cư, trong đó chú trọng đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý, quy trình vận hành và quy bảo trì nhà chung cư.

Ngày 31/10/2019, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư, trong đó đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BXD về quản lý, vận hành nhà chung cư, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý vận hành. Năm 2020, Chính phủ sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhà ở. Dự kiến năm 2021 - 2022, Chính phủ sẽ đề xuất sửa đổi Luật Nhà ở, trong đó sẽ đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến việc quản lý và vận hành nhà chung cư, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý, quy trình vận hành và bảo trì nhà chung cư... thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội.

11. Có cơ chế, chính sách đẩy nhanh việc cải tạo các chung cư, tập thể cũ xuống cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

Bộ Xây dựng đang tiếp tục rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chủ trương về cải tạo nhà chung cư cũ, nguy hiểm để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật liên quan đến việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền. Trước mắt, năm 2020 sẽ nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ để tạo dựng các cơ chế, chính sách đột phá hơn và tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ.

12. Xây dựng cơ sở dữ liệu về bất động sản.

Bộ Xây dựng đã tích cực đôn đốc, hướng dẫn các địa phương sớm hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; đã hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông

tin, hệ thống phần mềm dùng chung kết nối đến các địa phương phục vụ quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ website [www.bds.xaydung.gov.vn](http://www.bds.xaydung.gov.vn) và phục vụ công bố thông tin tại địa chỉ website [www.batdongsan.xaydung.gov.vn](http://www.batdongsan.xaydung.gov.vn).

Trong thời gian tới Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện các quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, đồng thời nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa: hệ thống biểu mẫu; thông tin, số liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; chế độ báo cáo nhằm nâng cao tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

13. Nghiên cứu, ban hành quy chế quản lý, vận hành đối với loại hình căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn.

Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, dự thảo Quy chế quản lý vận hành loại hình căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn - officetel; hiện đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các Hiệp hội, tổ chức và chuyên gia để tiếp thu, chỉnh lý dự thảo sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn cụ thể về chế độ sử dụng đất đối với loại hình căn hộ này. Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư, trong đó đã bổ sung các quy định về nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp dùng để ở và sử dụng vào các mục đích khác (bao gồm: căn hộ dùng để ở, căn hộ du lịch, công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng, văn phòng lưu trú và các công trình khác) để điều tiết việc quản lý, vận hành các loại hình căn hộ mới nêu trên; ban hành Quy chuẩn QCVN 04:2019/BXD về nhà chung cư, trong đó có quy định về chung cư hỗn hợp có bố trí kết hợp các chức năng thương mại, dịch vụ, căn hộ du lịch (condotel), căn hộ văn phòng (officetel).

14. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng công trình.

Trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng năm 2014, Chính phủ đã chỉ đạo tập trung sửa đổi một số điều khoản để đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Dự thảo Luật đã được thảo luận lần đầu tại Kỳ họp thứ 8 của Quốc hội, đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nội dung lớn vào phiên họp thứ 43 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ngày 23/3/2020) và sẽ được trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.

Sau khi dự Luật được Ban hành, Bộ Xây dựng sẽ tiến hành rà soát, sửa đổi các văn bản dưới luật để cụ thể hóa yêu cầu đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng, đẩy mạnh phân cấp trong quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng công trình đã được quy định trong dự Luật.

15. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý trật tự đô thị, hoạt động xây dựng, quản lý thị trường bất động sản, quản lý vận hành nhà chung cư.

a) Hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý trật tự đô thị, hoạt động xây dựng, quản lý thị trường bất động sản, quản lý vận hành nhà chung cư:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở. Nghị định có các quy định mới nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, ngăn ngừa tiêu cực, đảm bảo đồng bộ với quy định của Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Bộ Xây dựng đã chỉ đạo một số giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ Thanh tra Bộ Xây dựng trong sạch, vững mạnh như:

- Rà soát, đánh giá toàn diện về tổ chức bộ máy cán bộ của Thanh tra Bộ để có phương án kiện toàn, củng cố, tinh gọn tổ chức, bộ máy theo quy định và bảo đảm chất lượng, trong sạch, vững mạnh của cán bộ thanh tra.

- Rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình hoạt động của Thanh tra Bộ, các đoàn thanh tra; Quy chế giám sát hoạt động của các đoàn thanh tra bảo đảm tính cụ thể, chặt chẽ, hiệu lực thực hiện, có tính phòng ngừa cao và tuân thủ quy định của pháp luật; tăng cường sự phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Bộ, địa phương...

Hiện nay, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo một số giải pháp để xử lý vụ việc Đoàn Thanh tra Bộ Xây dựng tại Vĩnh Phúc vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện Kế hoạch thanh tra tại địa phương và sẽ chỉ đạo xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm theo kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

c) Tăng cường hướng dẫn các địa phương, Thanh tra Sở Xây dựng về công tác thanh tra xây dựng.

16. Tổng kết, hoàn thiện mô hình thanh tra xây dựng đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

Bộ Xây dựng sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ và các địa phương để đánh giá tổng kết mô hình thanh tra xây dựng hiện nay, tổng kết mô hình thí điểm của Hà Nội và đề xuất mô hình thanh tra xây dựng đô thị cũng như sửa đổi các văn bản quy định pháp luật liên quan.

### **III. Lĩnh vực giao thông vận tải.**

1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải:

Năm 2019, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 07 văn bản quy phạm pháp luật; Bộ GTVT đã ban hành theo thẩm quyền 51 thông tư và phê duyệt 01 đề án. Trong Quý I/2020, Bộ GTVT đã trình Chính phủ 02 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đã ban hành theo thẩm quyền 07 Thông tư.

2. Sửa đổi quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa taxi truyền thống, taxi công nghệ và xe vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử:

Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014, trong đó đã sửa đổi quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa taxi truyền thống, taxi công nghệ và xe vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử.

3. Nghiên cứu hoàn thiện quy định về xử phạt đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về giao thông qua trích xuất hình ảnh từ thiết bị ghi hình:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; trong đó, đã quy định về xử phạt đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về giao thông qua trích xuất hình ảnh từ thiết bị ghi hình.

4. Điều chỉnh và thực hiện các quy hoạch ngành giao thông vận tải theo Luật Quy hoạch.

- Về điều chỉnh quy hoạch: Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ, các quy hoạch trong lĩnh vực giao thông vận tải sẽ được tiếp tục điều chỉnh để phục vụ nhu cầu đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, đất nước.

- Về thực hiện các quy hoạch ngành giao thông vận tải theo Luật Quy hoạch: Bộ GTVT đang tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không và đường thủy nội địa, dự kiến hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ cuối năm 2020.

5. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển hạ tầng giao thông.

Nội dung này đã báo cáo tại mục I phần Đ (kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của lĩnh vực giao thông vận tải).

6. Thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, kiểm tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư các dự án giao thông trọng điểm. Xử lý các vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án giao thông, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng; có phương án giải quyết dứt điểm các dự án đang thực hiện dở dang chưa được bố trí vốn. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; thực hiện tốt công tác đấu thầu, ưu tiên các nhà đầu tư, nhà thầu trong nước đủ điều kiện, năng lực; thực hiện nghiêm thu, kiểm toán, quyết toán dứt điểm các công trình sau khi hoàn thành.

Nội dung này đã báo cáo tại mục I phần Đ (kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của lĩnh vực giao thông vận tải).

9. Đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực vận tải, tăng cường kết nối các phương thức vận tải.

Bộ GTVT tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách; nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics; khai thác có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình có tính trọng yếu để tạo sự đột phá trong phát triển vận tải và thực hiện tái cơ cấu vận tải; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, khai thác vận tải; nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh.



Sau một thời gian tích cực triển khai thực hiện đến nay đã cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách quản lý nhà nước về dịch vụ vận tải; cơ cấu thị phần vận tải có bước chuyển dịch theo hướng tích cực; từng bước phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại; dịch vụ vận tải, logistics, số lượng, chủng loại phương tiện vận tải, chất lượng đào tạo, trình độ nguồn nhân lực từng bước được nâng cao, tiệm cận với khu vực và thế giới.

10. Nâng cấp, hiện đại hóa công tác đăng kiểm và áp dụng công nghệ mới trong kiểm định phương tiện.

Trong thời gian qua, các đơn vị chức năng của Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp tục thực hiện phối hợp với lực lượng công an, thanh tra giao thông và tòa án các cấp đưa vào cảnh báo các phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, phương tiện liên quan đến các vụ án; tiếp tục thực hiện công khai thông tin phương tiện vi phạm hành chính luật giao thông đường bộ qua đường dây nóng và trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam; tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác đăng kiểm phương tiện, kết quả trong 11 tháng đầu năm 2019 có 24 Trung tâm đăng kiểm mới đi vào hoạt động theo hình thức xã hội hóa, nâng tổng số Trung tâm đăng kiểm theo hình thức xã hội hóa trên toàn quốc là 101 Trung tâm. Áp dụng công nghệ hiện đại trong công tác đăng kiểm, kết hợp lắp đặt các camera giám sát tại các dây chuyền kiểm định để hạn chế các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

11. Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe:

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ GTVT đã xây dựng bộ 600 câu hỏi thay bộ 450 câu hỏi dùng cho sát hạch cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; đang nghiên cứu triển khai bổ sung nội dung sát hạch “*Xử lý các tình huống giao thông trên phần mềm mô phỏng*”; đang triển khai “*Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý Giấy phép lái xe đảm bảo an toàn giao thông*”; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác đào tạo lái xe, đến nay theo số liệu thống kê trên toàn quốc có 191 Trung tâm đào tạo lái xe được đầu tư, khai thác theo hình thức xã hội hóa.

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, khắc phục những nhược điểm, tiêu cực trong công tác đào tạo, Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 8/10/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, trong đó: yêu cầu các cơ sở đào tạo lái xe ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và đảm bảo theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô; yêu cầu các cơ sở đào tạo lái xe trang bị và duy trì ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường, bổ sung nội dung học lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 để thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, trong đó bổ sung quy định đầy đủ chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, sát hạch lái xe để xử lý cho phù hợp với thực tiễn.

12. Kiểm soát chặt chẽ xe quá khổ, quá tải, xe hết niên hạn sử dụng.

Bộ GTVT tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát tải trọng phương tiện; theo đó, đã chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ tăng cường kiểm soát xe quá tải tại các đầu mối nguồn hàng và kiểm soát đột xuất, xử lý tại các điểm nóng có dấu hiệu vi phạm quy định về tải trọng phương tiện.

Đối với các phương tiện hết niên hạn sử dụng, quá hạn kiểm định: Để đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, Bộ GTVT đã và sẽ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và chỉ đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện một số giải pháp như sau: yêu cầu chỉ đạo các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của địa phương để tổ chức kiểm tra, xử lý việc các phương tiện đã hết niên hạn sử dụng, hết hạn kiểm định mà vẫn tham gia giao thông và kiên quyết xử lý nghiêm, xem xét trách nhiệm của cơ quan đăng kiểm nếu trường hợp xe không đảm bảo an toàn mà vẫn được kiểm định; yêu cầu thường xuyên gửi thông báo danh sách chi tiết các phương tiện hết niên hạn sử dụng cho Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phối hợp xử lý vi phạm; thường xuyên cập nhật danh sách tra cứu phương tiện trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam để các cơ quan có thể tải, tra cứu thông tin liên quan tới các phương tiện hết hạn và quá hạn kiểm định 24/24h ([www.vr.org.vn/ptpublicweb/quahankd.aspx](http://www.vr.org.vn/ptpublicweb/quahankd.aspx)); phối hợp với các tổ công tác liên ngành tại địa phương bao gồm lực lượng Cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông và lực lượng đăng kiểm để kiểm tra, xử lý ô tô vi phạm, đặc biệt là các loại xe tải, xe đầu kéo, sơ mi rơ móc, xe khách vi phạm các quy định về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường như sắp hết niên hạn sử dụng, hết niên hạn sử dụng và quá hạn kiểm định để ngăn ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

13. Về Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông vận tải, tập trung đối với lĩnh vực đường bộ.

Nội dung này đã báo cáo tại mục I phần Đ (kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của lĩnh vực giao thông vận tải)

14. Về tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT). Đến hết năm 2019, tất cả các trạm thu phí thực hiện thu phí tự động không dừng. Rà soát, xử lý các vướng mắc tại một số trạm thu phí BOT giao thông đường bộ, trong đó tập trung xử lý nghiêm các vi phạm trong việc thu phí. Giám sát chặt chẽ và công khai việc thu phí hoàn vốn của các dự án BOT giao thông:

Nội dung này đã báo cáo tại mục I phần Đ (kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của lĩnh vực giao thông vận tải)

15. Thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; rà soát, khắc phục các “điểm đen” trên các tuyến quốc lộ:

Nội dung này đã báo cáo tại mục I phần Đ (kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của lĩnh vực giao thông vận tải).

16. Thực hiện kết nối dữ liệu giám sát hành trình của tất cả phương tiện kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hóa với cơ quan có thẩm quyền quản lý:

Bộ GTVT đã chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện việc chia sẻ, cung cấp tài khoản truy cập vào Hệ thống giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam cho Cục Cảnh sát giao thông (Bộ Công an) để phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

17. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử nghiêm các doanh nghiệp vận tải sử dụng nhiều lái xe, lái tàu có hành vi vi phạm pháp luật:

- *Đối với vận tải đường bộ:*

Năm 2019, Bộ GTVT đã chỉ đạo Thanh tra Bộ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc Bộ tiến hành thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe ô tô khách tại 06 địa phương (Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Thuận).

Theo Kế hoạch thanh tra năm 2020, trong Quý II/2020 Thanh tra Bộ sẽ chủ trì tiến hành thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe ô tô khách tại 07 địa phương (Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Tây Ninh).

- *Đối với vận tải đường sắt:*

Năm 2019, Bộ GTVT đã chỉ đạo Cục Đường sắt Việt Nam tiến hành 01 cuộc thanh tra đối với 15 Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn thuộc TCT Đường sắt Việt Nam, là doanh nghiệp quản lý sửa chữa và khai thác đầu máy, thiết bị đầu tàu khu đoạn từ Sài Gòn - Diêu Trì - Đà Nẵng và ngược lại.

Về công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp sử dụng lái tàu: Cục Đường sắt Việt Nam đã thành lập các Đoàn kiểm tra đột xuất tại các đơn vị của doanh nghiệp đường sắt thuộc TCT Đường sắt Việt Nam.

#### **IV. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.**

1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; chú trọng công tác hướng dẫn thi hành pháp luật, phối hợp giải quyết những nội dung có tính chất liên ngành, liên vùng.

Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp về văn hóa, thể thao và du lịch gồm 12 Luật (riêng Luật Thư viện có hiệu lực từ ngày 01/7/2020), 51 Nghị định, 55 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hơn 200 Thông tư, Thông tư liên tịch. Nhìn chung, hệ thống pháp luật ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã và đang từng bước được hoàn thiện trên cơ sở thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; bảo đảm quyền con người và quyền tự do, dân chủ của công dân, phù hợp với Hiến pháp 2013, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, gia đình đã tạo điều kiện cho nhân dân - những chủ thể của văn hóa tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sáng tạo, người sử dụng và công chúng hưởng thụ văn hóa. Hệ thống pháp luật về thể dục

thể thao đã tạo ra bước chuyển biến căn bản trong nhận thức xã hội về vị trí, vai trò, tác dụng của thể dục thể thao trong việc bảo vệ, nâng cao sức khoẻ, thể lực, tầm vóc và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hoá lành mạnh. Hệ thống pháp luật về du lịch đã cơ bản đảm bảo tính minh bạch và khả thi, đáp ứng yêu cầu, hiệu quả thi hành Hiến pháp năm 2013; đồng bộ với các bộ luật, luật mới được ban hành; thiết lập cơ chế pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động du lịch, nâng cao nhận thức, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, tạo cơ sở pháp lý nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

2. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích cấp quốc gia, tác phẩm nghệ thuật có giá trị, các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn, Chính phủ sẽ nghiên cứu, trình Quốc hội cho phép sửa đổi Luật di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan, những quy định mang tính chuyên ngành thuộc lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; phân cấp cụ thể hơn nữa việc quản lý di tích, cơ chế phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động hướng dẫn khách tham quan tại di tích; khuyến khích xã hội hóa hoạt động trông nom, bảo vệ di tích; cơ chế hợp tác công tư trong khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa; điều chỉnh chính sách đãi ngộ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú nhằm tạo điều kiện nhiều hơn nữa để nghệ nhân trao truyền kỹ năng, bí quyết; bổ sung tiêu chí và quy định quản lý đối với di sản tư liệu...; nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi chính sách, tạo cơ chế thông thoáng hơn để khuyến khích sáng tác, công bố, phổ biến các tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

3. Đẩy mạnh đầu tư, có chính sách thu hút xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, khuyến khích nhà văn, nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tạo, hỗ trợ hoạt động biểu diễn nghệ thuật ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa được thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP. Nhận thức về xã hội hoá của các ngành, các cấp và cộng đồng được nâng lên một bước, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của công tác xã hội hoá trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn lực xã hội bước đầu được khai thác, phát huy có hiệu quả, nguồn lực xã hội hoá đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, các địa phương đang căn cứ quy định tại các Nghị định này để triển khai thực hiện thu hút xã hội hóa trong phát triển lĩnh vực văn hóa. Theo đó, đã tích cực mở rộng các đối tượng trong xã hội được tham gia vào hoạt động sáng tác, biểu diễn, điện ảnh; huy động nhiều nguồn lực của xã hội gắn với trách nhiệm của người sáng tác, tác phẩm, biểu diễn nghệ thuật, thể thao và nâng cao hiệu quả hoạt động này; từng bước thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực bảo tàng,

thư viện, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, thiết chế văn hóa cơ sở, văn hoá văn nghệ quần chúng, tổ chức lễ hội.

4. Phát huy vai trò chủ động của các địa phương trong công tác quản lý, khai thác và bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, bảo đảm quyền tham gia của người dân.

Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, ban hành Chỉ thị về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững trong thời gian tới. Năm 2019, Bộ VH-TT-DL đã có văn bản đề nghị địa phương phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về di sản văn hóa, mở cuộc vận động tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để quán triệt pháp luật về di sản văn hóa đến các tổ chức đoàn thể xã hội, các hội và mọi người dân; quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc bảo vệ di tích; thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý di tích, quản lý dự án tu bổ di tích cho cán bộ cấp huyện, xã và người trực tiếp trông coi di tích; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra; chủ động kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích; ưu tiên đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống cứu hỏa tự động đủ tiêu chuẩn tại di tích; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng để kịp thời phát hiện, điều chỉnh sai sót có thể xảy ra trong quá trình triển khai các dự án tu bổ di tích.

5. Có chính sách đầu tư thông qua đặt hàng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim, ảnh về truyền thống lịch sử, dân tộc, phim thiếu nhi có tính giáo dục cao cho trẻ em.

Chính sách đầu tư thông qua đặt hàng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim, ảnh về truyền thống lịch sử, dân tộc, phim thiếu nhi có tính giáo dục cao cho trẻ em được quy định tại Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh. Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ VH-TT-DL quyết định và chịu trách nhiệm về việc đặt hàng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, khẩn trương rà soát kế hoạch sản xuất phim đến năm 2021.

6. Hoàn thiện quy trình, nâng cao chất lượng kiểm duyệt phim nhựa, phim truyền hình.

Toàn bộ phim điện ảnh chiếu rạp trước khi phát hành và phổ biến đều được Hội đồng Trung ương thẩm định và phân loại phim truyện để được cấp phép phổ biến. Trước ngày 01/01/2017, các bộ phim được Hội đồng thẩm định và phân loại phim truyện theo 3 mức: Cho phép phổ biến rộng rãi; Hạn chế khán giả dưới 16 tuổi; và Cấm phổ biến nếu vi phạm những điều cấm quy định tại Luật Điện ảnh. Từ ngày 01/01/2017, các bộ phim được phân loại theo 5 mức độ: Cho phép phổ biến rộng rãi (P); Hạn chế trẻ em dưới 13 tuổi (C13); Hạn chế trẻ em dưới 16 tuổi (C16); Hạn chế khán giả dưới 18 tuổi (C18); và cấm phổ biến. Như vậy, sau khi xem xét, thẩm định, tùy theo nội dung, cách thể hiện của từng bộ phim, Hội đồng sẽ phân loại mức độ cho phép phổ biến.

Trường hợp phim có vấn đề nhạy cảm, Bộ VH-TT-DL đã yêu cầu Hội đồng thẩm định và phân loại phim truyện, bên cạnh việc thực hiện đúng các quy định hiện hành, cần cân nhắc cẩn trọng hơn.

7. Tăng cường công tác quản lý, xử lý nghiêm các sai phạm trong việc tổ chức phát hành, phổ biến phim, các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Bộ VH TTDL chỉ đạo cơ quan Thanh tra từ Trung ương đến địa phương phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm theo thẩm quyền trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, cuộc thi người đẹp, người mẫu. Những hành vi có dấu hiệu vi phạm thời gian vừa qua tại một số địa phương cơ bản được kiểm soát và xử lý kịp thời, các địa phương đều chủ động giao cơ quan Thanh tra kiểm tra, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực phổ biến phim, Bộ VH TTDL luôn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan, xin ý kiến tham vấn các đơn vị chuyên ngành và cơ quan quản lý, nhằm kịp thời xử lý và tư vấn xử lý về mặt chuyên môn đối với các sai phạm phát hành và phổ biến phim.

Thanh tra các Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu trên địa bàn; xử lý kịp thời các vi phạm. Kết quả kiểm tra cho thấy, một số hiện tượng tiêu cực như tổ chức biểu diễn không có giấy phép, không đúng nội dung giấy phép; quảng cáo sai sự thật; ca sỹ hát nhép; sử dụng trang phục biểu diễn phản cảm... đã được hạn chế.

8. Tổ chức thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, Bộ VH TTDL đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVH TTDL-BNV ngày 30/5/2014 hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo.

Bộ VH TTDL thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động tổ chức lễ hội; đẩy mạnh tuyên truyền việc thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội... Công tác quản lý, tổ chức lễ hội đã có nhiều chuyển biến tích cực: phần lớn các lễ hội đều được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm; đa dạng hoạt động văn hóa, thể thao và các trò chơi dân gian mang bản sắc văn hóa dân tộc; tôn vinh công lao của các bậc tiền nhân, nhân vật lịch sử, những người có nhiều đóng góp trong quá trình dựng, giữ nước; công tác an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; việc quản lý thu, chi tiền công đức công khai, minh bạch; bố trí, sắp xếp hệ thống hòm công đức, nơi đặt lễ, tiền dầu nhang theo quy định.

9. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ các di sản văn hóa.

Tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, nguồn thu có thể có 03 loại là: (1) Phí tham quan, thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, UBND tỉnh ban hành và tiền phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước; (2) Tiền thu từ các hoạt động dịch vụ phụ trợ, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và phải nộp thuế theo quy định hiện hành (tiền đi cáp treo, xe điện, chụp ảnh, ăn uống...); (3) Tiền công đức, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật Tôn giáo, tín ngưỡng, Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVH TTDL-BNV ngày 30/5/2014.

Thực tế hiện nay, việc quản lý tiền công đức là vấn đề phức tạp, nhạy cảm (đây không phải chỉ là vấn đề riêng của Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế

giới). Nhằm tăng cường quản lý nhà nước, Bộ VH TTDL đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh/thành: Đẩy mạnh kiện toàn bộ máy quản lý di tích để đảm bảo di tích thuộc bất kỳ hình thức sở hữu nào đều có đại diện chính quyền, người am hiểu di tích tham gia quản lý, để di tích được tu bổ, trông nom bằng nguồn được thu từ công đức; phối hợp với giáo hội các cấp tạo sự thống nhất, đoàn kết trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn công đức hiệu quả, đúng mục đích, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu minh bạch theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 04/TTLT/BVHTTDL-BNV.

10. Công khai, minh bạch thông tin về các dự án đầu tư khu du lịch tâm linh theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định của Luật Du lịch, Bộ VH TTDL đã phối hợp với các địa phương (nơi có các khu du lịch quốc gia tiềm năng với các sản phẩm du lịch chủ yếu là du lịch văn hóa kết hợp tín ngưỡng, sinh thái...) để lập, thẩm định và trình phê duyệt các Quy hoạch khu du lịch quốc gia. Sau khi các Quy hoạch này được phê duyệt, các địa phương tổ chức công bố công khai để thu hút đầu tư.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hiểu biết cho người dân, đấu tranh phòng, chống mê tín dị đoan; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng hành nghề mê tín dị đoan nhằm thu lợi bất chính.

Việc bài trừ mê tín dị đoan khó có thể giải quyết trong thời gian ngắn, cần phải thực hiện liên tục, lâu dài, với sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương, sự đồng tình, ủng hộ của người dân. Nhằm tăng cường các giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, đấu tranh phòng, ngừa mê tín dị đoan, Bộ VH TTDL đã:

- Triển khai Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa mê tín dị đoan, loại bỏ hủ tục lạc hậu, văn hóa phẩm đồi trụy trái với thuần phong mỹ tục giai đoạn 2020-2022; Kế hoạch tuyên truyền trên báo in, báo điện tử và trên truyền hình về việc khuyến nghị người dân không đốt đồ mã, vàng mã tại di tích, cơ sở thờ tự và lễ hội; Kế hoạch triển khai các giải pháp tăng cường thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội giai đoạn 2019-2021.

- Chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra và có văn bản chỉ đạo các địa phương xử lý triệt để những vụ việc vi phạm. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động tổ chức lễ hội; các hành vi vi phạm được xử lý kịp thời; kiến nghị các cấp chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh những hành vi phản cảm, không phù hợp với nếp sống văn hóa, truyền thống lịch sử của dân tộc tại các điểm di tích, nơi tổ chức lễ hội.

12. Rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực động lực phát triển du lịch với mục tiêu đưa du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Ngày 22/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định số 147/QĐ-TTg). Bộ VH TTDL đã và đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, trong đó tập trung huy động nguồn lực phát triển 07 khu vực động lực phát triển

du lịch với mục tiêu đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn như Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra.

Thực hiện Luật Quy hoạch, Bộ đang triển khai xây dựng Quy hoạch hệ thống du lịch đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tại Quy hoạch này sẽ xác định rõ các trọng tâm, khu vực động lực phát triển du lịch và các định hướng, giải pháp triển khai thực hiện quy hoạch về hệ thống du lịch trong thời gian tới.

13. Quy hoạch đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng nhằm phát huy thế mạnh và tiềm năng phát triển du lịch biển.

Để phát huy thế mạnh và tiềm năng phát triển du lịch biển, Bộ VHTTDL đã và đang tích cực thực hiện các giải pháp:

- Chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch biển, đặc biệt phát triển hệ thống cảng biển du lịch; hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương và cộng đồng, đặc biệt là cán bộ văn hóa xã, già làng, trưởng bản, người uy tín và nhân dân các vùng biển, đảo về phát triển du lịch theo hướng bền vững.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch biển phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Phát triển du lịch cộng đồng ven biển, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với biển. Hỗ trợ để người dân ven biển chuyển đổi nghề, cải thiện sinh kế bền vững.

- Phát triển, nâng cao đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và du lịch sinh thái biển; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển, đảo.

- Triển khai kế hoạch hành động để ứng phó với biến đổi khí hậu, dịch bệnh ....

15. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch.

Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh du lịch toàn cầu 2019 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh du lịch Việt Nam xếp hạng 63/140 nền kinh tế, tăng so với hạng 67/136 theo Báo cáo năm 2017. Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 5, sau Singapore (xếp hạng 17), Thái Lan (31), Malaysia (29), Indonesia (40); xếp trên Brunei (72), Philippines (75), Lào (97) và Campuchia (98).

Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới (hạng 1-35) đối với các nhóm chỉ số (1) Sức cạnh tranh về giá xếp (hạng 22), (2) Tài nguyên văn hóa và du lịch công vụ (hạng 29) và (3) Tài nguyên tự nhiên xếp (hạng 35). Các nhóm chỉ số thuộc nhóm thấp của thế giới (hạng 71-140) của Việt Nam bao gồm: (1) Sự bền vững về môi trường (hạng 121), (2) Hạ tầng dịch vụ du lịch (hạng 106), (3) Mức độ ưu tiên cho ngành du lịch (hạng 100), (4) Y tế và vệ sinh (hạng 91), (5) Hạ tầng mặt đất và cảng (hạng 84) và (6) Mức độ sẵn sàng công nghệ thông tin và truyền thông (hạng 83). Các nhóm chỉ số ở nhóm trung bình của thế giới (hạng 36-70) bao gồm: (1) Nhân lực và thị trường lao động (hạng 47), (2) Hạ tầng hàng không (hạng 50), (3) An toàn và an ninh xếp (hạng 58), (4) Mức độ mở cửa quốc tế (hạng 58) và (5) Môi trường kinh doanh (hạng 67).



Để nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch Việt Nam, trên cơ sở thực tế nêu trên, các giải pháp cần tập trung cải thiện các điểm yếu; phát huy các điểm mạnh nổi trội; tiếp tục cải thiện các nhóm chỉ số quan trọng trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến phát triển du lịch.

16. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại thị trường quốc tế.

Trong thời gian qua, mặc dù nguồn kinh phí ngân sách hạn chế, ngành du lịch đã nỗ lực thực hiện đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm. Mô hình hợp tác công tư thông qua cơ chế Hội đồng Tư vấn Du lịch (TAB) đã phát huy hiệu quả rõ rệt với các hoạt động cụ thể như nâng cao quy mô và chất lượng tham dự các hội chợ quốc tế lớn về du lịch như ITB Berlin (Đức), WTM (Anh); phát triển trang web vietnamtourism.vn và các hoạt động tư vấn chính sách du lịch. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá được triển khai dưới nhiều hình thức phong phú, bước đầu đem lại hiệu quả, góp phần tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Để đạt được kết quả trên, ngành du lịch đã huy động nhiều nguồn lực và đẩy mạnh xã hội hóa cho hoạt động này.

17. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch với chất lượng cao, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới.

Các sản phẩm du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái được định hình ngày càng rõ nét. Thế mạnh sản phẩm biển đảo gắn với sản phẩm điểm đến thương hiệu tham quan thắng cảnh Vịnh Hạ Long, nghỉ dưỡng biển đảo Đà Nẵng, Nha Trang, Bình Thuận được định vị. Sản phẩm nghỉ dưỡng biển cho các tỉnh Phú Yên, Bình Định, Ninh Thuận và đảo Phú Quốc bước đầu được hình thành. Các sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của khách du lịch như du lịch MICE, du lịch mua sắm, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao... được phát triển tại nhiều địa phương. Việc định hướng phát triển sản phẩm du lịch gắn với thu hút đầu tư tập trung, đồng bộ đã góp phần hình thành các vùng động lực phát triển như Hà Nội-Quảng Ninh-Hải Phòng-Ninh Bình, Thừa Thiên Huế-Đà Nẵng-Quảng Nam, Khánh Hòa-Lâm Đồng, Bình Thuận-Bà Rịa Vũng Tàu-TP. Hồ Chí Minh...

Ngành Du lịch đã triển khai Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, các sản phẩm du lịch văn hóa từng bước được định hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Triển khai các Chương trình hành động quốc gia về du lịch và Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia, hàng năm, Bộ VHTTDL phối hợp với các địa phương tổ chức các chương trình khảo sát tuyến điểm, xây dựng sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam dành cho các doanh nghiệp lữ hành. Đã và đang thí điểm xây dựng các tour du lịch kết nối bảo tàng, nhà hát và các show nghệ thuật phục vụ du lịch. Sắp tới, triển khai Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sẽ được thực hiện theo quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển sản phẩm du lịch đã được đề cập trong Chiến lược.

18. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch tại các địa phương.

Để tăng cường kiểm soát, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, bảo đảm môi trường du lịch an toàn, văn minh, Bộ VH TTDL đã ban hành Kế hoạch số 1036/KH-BVH TTDL và Kế hoạch số 1037/KH-BVH TTDL ngày 15/3/2017 về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động lữ hành, hướng dẫn viên và quản lý điểm đến, ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch. Hàng năm đã tổ chức 5-6 đợt kiểm tra hoạt động kinh doanh lữ hành trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Kiên Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành Du lịch đã phát động 08 chiến dịch nâng cao chất lượng hoạt động trên các lĩnh vực: lữ hành, hướng dẫn du lịch, ứng xử văn minh du lịch, dịch vụ vận chuyển khách du lịch, dịch vụ ẩm thực, dịch vụ du lịch, dịch vụ mua sắm, ứng xử văn minh của cộng đồng dân cư. Đã tổ chức các đợt kiểm tra công tác cấp thẻ hướng dẫn viên, đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và giám sát 05 kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn tại một số cơ sở đào tạo đủ điều kiện tại các địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, các tỉnh Nam Trung Bộ. Bên cạnh đó, Ngành Du lịch tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ của các cơ sở lưu trú du lịch từ 4-5 sao.

#### 19. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường du lịch.

Về cơ chế chính sách liên quan tới công tác quản lý môi trường du lịch tương đối đầy đủ, gồm: Luật Du lịch 2017; các Luật và văn bản quy phạm pháp luật của các ngành liên quan khác; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch; Bộ Tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch; Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trong hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch; Kế hoạch số 1075/KH-TCDL ngày 10/8/2018 Phát động phong trào xã hội hóa nhà vệ sinh cho khách du lịch tại các địa bàn du lịch trọng điểm.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ vẫn tồn tại nhiều khó khăn vướng mắc như: một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong triển khai các giải pháp cải thiện môi trường du lịch; cơ chế phối hợp có nơi còn lỏng lẻo, mang tính hình thức; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc chưa thường xuyên; lực lượng trực tiếp tham gia giải quyết sự vụ, hiện tượng chèn ép, lợi dụng, xâm hại quyền và nghĩa vụ của khách du lịch tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và các địa phương còn rất mỏng, trong khi khối lượng công việc lại rất lớn. Các tồn tại hạn chế nêu trên cần được tập trung khắc phục trong thời gian tới.

20. Kiểm soát, quản lý tốt các điểm đến du lịch, đảm bảo chất lượng dịch vụ, an ninh, an toàn cho du khách.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 về việc tăng cường

hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch. Bộ VHTTDL đã thực hiện những nội dung sau:

- Tích cực triển khai chỉ đạo các địa phương, phối hợp với các ban, ngành liên quan đẩy mạnh công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; tăng cường công tác quản lý giá cả tại những cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong hoạt động du lịch, trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm đến du lịch, khu, điểm du lịch.

- Nghiên cứu và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch.

- Xây dựng, trình ban hành và triển khai thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trong hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch.

21. Chấn chỉnh hoạt động lữ hành, hướng dẫn du lịch.

*a) Về hoạt động lữ hành:*

Đến 24/3/2020 cả nước có 2.700 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và hơn 10.000 doanh nghiệp lữ hành nội địa được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành”. Khách du lịch quốc tế và nội địa tăng nhanh trong những năm gần đây cũng gây áp lực không nhỏ đối với công tác quản lý lữ hành nói riêng và du lịch nói chung của các cơ quan quản lý từ Trung ương đến địa phương.

Công tác thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh lữ hành nói chung và lữ hành outbound được tăng cường: Bộ VHTTDL đã ban hành 3 Kế hoạch nhằm tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động lữ hành, hướng dẫn du lịch và quản lý điểm đến du lịch (Kế hoạch số 789/KH-BVHTTDL ngày 02/3/2017 về việc triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch; Kế hoạch số 1036/KH-BVHTTDL ngày 15/3/2017 về việc tăng cường công tác quản lý điểm đến du lịch; Kế hoạch số 1037/KH-BVHTTDL ngày 15/3/2017 về công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động lữ hành và hướng dẫn du lịch); đã phát động chiến dịch chấn chỉnh và nâng cao chất lượng dịch vụ lữ hành, hướng dẫn du lịch và điểm đến du lịch trên toàn quốc.

*b) Về hoạt động hướng dẫn du lịch:*

Tính đến 24/3/2020, cả nước 27.431 hướng dẫn viên được cấp thẻ, trong đó có 17.519 hướng dẫn viên quốc tế, 9.087 hướng dẫn viên nội địa, 825 thẻ HDV tại điểm. Trong đó có 9,68% tốt nghiệp trung cấp, 17,44% tốt nghiệp cao đẳng, 70,68% tốt nghiệp đại học, 1,33% tốt nghiệp trên đại học. Trong đó, có 39,55% HDV được đào tạo đúng chuyên ngành hướng dẫn du lịch, 60,45% HDV được đào tạo từ các ngành, nghề khác, sau đó tự đào tạo hoặc tham gia khóa đào tạo ngắn hạn của các trường và tham dự kỳ thi để được cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và xin cấp thẻ.

22. Kiểm soát chặt chẽ việc liên doanh, liên kết tổ chức du lịch giá rẻ, không đảm bảo chất lượng du lịch.

Chính phủ đã chỉ đạo các ngành tăng cường công tác quản lý chất lượng dịch vụ, đặc biệt là chất lượng dịch vụ mua sắm phục vụ khách du lịch. Bộ VHTTDL đã chỉ đạo các địa phương có những biện pháp quyết liệt, cụ thể xử lý nghiêm sai phạm tại Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa và một số địa phương. Kết quả: đóng cửa 06 cửa hàng mua sắm; buộc xuất cảnh 20 đối tượng người

nước ngoài; xử phạt 12 doanh nghiệp; thu hồi 05 giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

23. Tăng cường quản lý hoạt động tổ chức đưa người Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

Để quản lý khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài cũng như đảm bảo quyền lợi của người Việt Nam khi đi du lịch, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh lữ hành nói chung và hoạt động kinh doanh lữ hành outbound nói riêng đã được tăng cường (đã được quy định cụ thể trong Luật Du lịch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật). Công tác thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh lữ hành nói chung và lữ hành outbound được chú trọng: Bộ VHTTDL đã ban hành 3 Kế hoạch nhằm tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động lữ hành, hướng dẫn du lịch và quản lý điểm đến du lịch; phát động chiến dịch chấn chỉnh và nâng cao chất lượng dịch vụ lữ hành, hướng dẫn du lịch và điểm đến du lịch trên toàn quốc.

## **G. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 100/2019/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 8, QUỐC HỘI KHÓA XIV.**

### **I. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.**

1. Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

a) Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản của Chương trình (cập nhật đến tháng 3/2020):

- Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới của cả nước:

*Xã đạt chuẩn nông thôn mới:* Cả nước có 5.000 xã (56,26%) số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 194 xã (2,18%) so với cuối năm 2019, vượt 5,62% so với mục tiêu 5 năm 2016-2020), trong đó, có 09 tỉnh, thành phố có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân cả nước đạt 15,7 tiêu chí/xã; cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí.

*Huyện đạt chuẩn nông thôn mới:* Cả nước có 119/664 đơn vị cấp huyện thuộc 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 07 đơn vị so với cuối năm 2019) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm khoảng 17,9% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước).

*Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:* Có 02 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình:

Giai đoạn 2016-2019: Trong 04 năm, tổng nguồn lực huy động cả nước để thực hiện Chương trình khoảng 1.649.894,5 tỷ đồng, gấp gần 2 lần tổng nguồn vốn huy động của 5 năm 2011-2015.

Dự kiến huy động năm 2020: Theo số liệu báo cáo của các địa phương, dự kiến năm 2020, cả nước có khả năng huy động được khoảng 459.975,5 tỷ đồng từ các nguồn lực để đầu tư thực hiện Chương trình (bằng hơn ½ tổng nguồn lực huy động thực hiện 05 năm giai đoạn 2011-2015).

- *Đánh giá chung:*

+ Kết quả đạt được: (1) Bộ NNPTNT đã phối hợp tổ chức thành công nhiệm vụ Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn

mới giai đoạn 2010-2020; (2) Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tiếp tục phát huy hiệu quả và tác động tích cực đến nhận thức của cán bộ các cấp và người dân; tạo sự lan tỏa mạnh mẽ của Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; (3) Chương trình đã cơ bản hoàn thành sớm hơn 18 tháng các mục tiêu 5 năm (2016-2020) được Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao; (4) Chương trình OCOP mới được triển khai trong thời gian ngắn (từ tháng 5/2018) song đã đạt được nhiều kết quả tích cực; (5) Nợ đọng xây dựng cơ bản đã được các địa phương tập trung chỉ đạo quyết liệt, có các giải pháp hiệu quả để xử lý dứt điểm và hoàn thành tiến độ theo Nghị quyết của Quốc hội.

+ Một số hạn chế, vướng mắc: (1) Kết quả xây dựng NTM của một số vùng còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước và vẫn còn khoảng cách chênh lệch khá lớn về kết quả thực hiện giữa các vùng, miền; (2) Chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả sau đạt chuẩn còn hạn chế; chất lượng các công trình cơ sở hạ tầng sau khi đạt chuẩn của một số địa phương đã có dấu hiệu xuống cấp do chưa được quan tâm, duy tu bảo dưỡng thường xuyên; (3) Một số huyện, xã sau khi được công nhận đạt chuẩn chưa quan tâm đến tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí mà tập trung nhiều vào xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; (4) Chương trình OCOP khi triển khai trên diện rộng, nảy sinh nhiều vấn đề mới, trong đó một số địa phương có biểu hiện chạy theo phong trào, chưa chú ý đến hiệu quả của chương trình.

b) Công tác chuẩn bị xây dựng khung khổ pháp lý và cơ chế chính sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025:

Hiện nay, Bộ NNPTNT đang hoàn thiện các thủ tục về xây dựng khung khổ pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình 2021-2025: Dự thảo báo cáo quan điểm, mục tiêu và cơ chế đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025; dự thảo Báo cáo chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương và đề xuất của các địa phương báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ theo quy định (dự kiến trong tháng 4/2020); dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (xã, huyện, tỉnh) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025, gửi các Bộ, ngành và địa phương lấy ý kiến góp ý.

c) Về xây dựng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay, đã có 54 tỉnh, thành phố ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; 38 tỉnh, thành phố đã ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 63 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 08 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Đồng thời, Bộ NNPTNT tiếp tục chỉ đạo thí điểm 04 Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu: Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

## 2. Về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Thời gian qua, thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; ngành nông nghiệp được cơ cấu lại trên cơ sở 3 trục sản

phẩm (Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương), sản xuất hàng hóa chuyển dịch theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và bền vững. Kết quả thực hiện như sau:

- Trên cơ sở các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, cả nước đã hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo 3 trục sản phẩm, phát triển trên cơ sở phát huy các lợi thế từng vùng, miền; như: lúa gạo (Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long); chè (Trung du miền núi phía Bắc, tỉnh Lâm Đông); cà phê, cao su (Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ...); hồ tiêu (Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ...); điều (Đông Nam Bộ); rau quả, cá tra, tôm (Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Miền Trung...), rừng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ (miền Trung, Tây Nguyên...).

Xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết tiêu biểu như: Chuỗi liên kết cá tra ba cấp tại Quyết định số 987/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/3/2018 phê duyệt Đề án liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao vùng ĐBSCL; Chuỗi liên kết ngành hàng lâm sản chủ lực theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018; Chuỗi liên kết ngành hàng lúa gạo (chủ yếu ở ĐBSCL) đã góp phần củng cố các HTX nông nghiệp tham gia liên kết, ổn định và mở rộng diện tích liên kết.

- Nông nghiệp đã duy trì tăng trưởng và đang chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao. Chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đã tăng từ 57% năm 2010 lên gần 80% năm 2018. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong nội bộ từng ngành, sản phẩm có lợi thế và thị trường thuận lợi đã tăng nhanh cả về diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng và tỷ trọng đóng góp cho tăng trưởng.

- Công nghiệp chế biến NLTS được đầu tư theo hướng phát triển chế biến sâu, chế biến tinh. Đến nay, cả nước có trên 7.500 cơ sở chế biến NLTS quy mô công nghiệp; có 86,2% số xã có cơ sở chuyên chế biến nông sản, 73,7% số xã có cơ sở chuyên chế biến lâm sản, 7,4% số xã có cơ sở chuyên chế biến thủy sản; 60,8% xã có chợ đang hoạt động. Cả nước có trên 43.000 doanh nghiệp chế biến kinh doanh nông lâm thủy sản; một số doanh nghiệp đầu tư vốn lớn, công nghệ cao để tiếp cận và nâng cao năng lực cạnh tranh so với khu vực và quốc tế. Tỷ trọng cơ giới hóa canh tác tăng nhanh, nhất là trong sản xuất lúa, mía, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất cây nông nghiệp đạt 96%, lúa đạt 97%; tổn thất sau thu hoạch lúa đã giảm từ 13% xuống còn dưới 10%. Nhiều địa phương vùng ĐBSCL và ĐBSH có mức độ cơ giới hóa cao, giảm chi phí sản xuất 15 - 20%. Cùng với sự tác động của nhiều chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, công nghiệp phụ trợ đã từng bước được nâng cao năng lực, một số tập đoàn kinh tế lớn đã chú trọng đầu tư vào chế biến sản phẩm nông nghiệp (từ năm 2018 đến nay, tổng số vốn đầu tư trên 33.000 tỷ đồng với 30 dự án đã hoạt động và đang triển khai trên cả nước).

- Xuất khẩu NLTS tăng nhanh, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa, tạo nguồn thu ngoại tệ quan trọng,

góp phần giảm nhập siêu cho cả nước. Kim ngạch xuất khẩu NLTS 4 năm (2016 - 2019) đạt 150,03 tỷ USD, tăng bình quân 8,67%/năm, năm 2019 đạt mức kỷ lục 41,3 tỷ USD thặng dư thương mại đạt 10,4 tỷ USD.

- Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn từng bước hoàn thiện, phù hợp hơn với kinh tế thị trường hội nhập quốc tế: Đẩy mạnh việc chuyên đổi hợp tác xã nông nghiệp theo Luật HTX; thực hiện Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ về làm việc tại hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp... Số lượng HTX, trang trại nông nghiệp tiếp tục tăng; hoạt động theo luật và dần thích nghi với kinh tế thị trường hội nhập quốc tế. Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Nhiều mô hình liên kết chuỗi từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo nguyên tắc tự nguyện, đồng thuận, chia sẻ lợi ích có hiệu quả đang được nhân rộng. Tổ chức sản xuất theo chuỗi là giải pháp trọng tâm đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp.

- Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” có tốc độ phát triển mạnh mẽ, phát triển các sản phẩm chủ lực cấp địa phương, thúc đẩy ngành nghề tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt Đề án/Kế hoạch OCOP cấp tỉnh. Đến nay, cả nước đã có 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quyết định phê duyệt Đề án, Kế hoạch OCOP cấp tỉnh; có 30 tỉnh, thành phố đánh giá, phân hạng và công nhận 1.622 sản phẩm OCOP (đạt 67,6% so với kế hoạch là 2.400 sản phẩm đến hết năm 2020) của 937 chủ thể tham gia.

- Về bảo hiểm nông nghiệp: Giai đoạn 2013 - 2016, các địa phương, doanh nghiệp tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 với giá trị bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, thủy sản là 7.747,9 tỷ đồng; đã có 304.017 hộ nông dân/tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia, trong đó có 233.361 hộ nghèo (chiếm 76,8% tổng số hộ tham gia), 45.944 hộ cận nghèo (chiếm 15,1%), 24.711 hộ thường (chiếm 8,1%).

Từ năm 2018, bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, theo đó đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ bao gồm cây lúa, trâu, bò, tôm (tôm sú và tôm thẻ chân trắng); địa bàn hỗ trợ phí bảo hiểm là 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ NNPTNT đang hoàn thiện để ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.

3. Về phát triển thị trường trong nước, duy trì và phát triển thị trường truyền thống, chủ động tìm kiếm thị trường mới, tiềm năng; tích cực triển khai thực hiện các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

Năm 2019, toàn ngành đã tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ các rào cản, liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường xuất khẩu và khuyến khích tiêu dùng nội địa; tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Đối với thị trường trong nước, đã chủ động phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong công tác giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản đặc sản địa phương. Tổ chức trao đổi thông tin, thảo luận về các giải pháp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu đối với các lĩnh vực thông qua việc tổ chức các hội nghị, diễn đàn.

Đề đẩy mạnh xuất khẩu, Bộ NNPTNT đã xây dựng Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông sản; tập trung chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với Đại sứ quán, thương vụ Việt Nam tháo gỡ rào cản ATTP, thủ tục xuất khẩu để thúc đẩy thông quan, mở cửa các thị trường mới; kết nối doanh nghiệp, giao lưu và quảng bá các sản phẩm trái cây, rau, gạo, chè, gỗ và sản phẩm từ gỗ...; quản lý công tác xuất nhập khẩu, truy xuất nguồn gốc theo hướng chuyên mạnh sang chính ngạch với những quy định mới khắt khe hơn, gắn với truy xuất nguồn gốc nông sản và chứng nhận mã số vùng trồng; triển khai thực hiện các cam kết mới ký kết; tăng cường cung cấp thông tin chính thống về nông sản sạch, an toàn và quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn tiên tiến đến các thị trường nhập khẩu để người tiêu dùng nước ngoài hiểu rõ và tin cậy nông sản Việt Nam.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các cam kết trong các FTAs, các quy định mới của các nước đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đến người dân, doanh nghiệp; tìm hiểu, đánh giá tiềm năng khai thác cơ hội của các hiệp định thương mại song phương và đa phương đem lại đối với các thị trường Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Indonesia, Mỹ, Pháp, châu Âu, ASEAN, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Úc, Hà Lan....

Triển khai các biện pháp phòng vệ thương mại, các rào cản kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế, đàm phán và ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong kiểm dịch, bảo vệ thực vật, vệ sinh ATTP. Nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp về pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, giảm thiểu rủi ro. Đến nay, nhiều rào cản về thị trường nông sản xuất khẩu được tháo gỡ kịp thời.

Nhờ chủ động, tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ, thị trường xuất khẩu được mở rộng, xuất khẩu nông sản duy trì tốc độ tăng trưởng. Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2019 ước đạt 41,3 tỷ USD, tăng 3,2% so với năm 2018; nhiều mặt hàng đạt mức tăng trưởng khá và cao về giá trị xuất khẩu so với năm 2018 (cao su tăng 9,3%, chè tăng 16,0%, rau tăng 9,0%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng trên 19,2%, quế tăng 31,0%; mây tre, cói tăng 44,4%; các sản phẩm chăn nuôi tăng 6,5%). Thặng dư thương mại đạt mức cao 10,4 tỷ USD, tăng 19,3% so với năm 2018.

#### 4. Về các nội dung liên quan đến ngành chăn nuôi.

##### a) Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Chăn nuôi:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và đang chỉ đạo xây dựng Nghị định xử phạt hành chính lĩnh vực chăn nuôi.

##### b) Về Chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam đến năm 2030:

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện (giai đoạn 2008 - 2018) Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 ban hành tại Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008, ngành chăn nuôi phát triển với tốc độ cao và từng bước



ổn định, tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ) có xu hướng tăng, góp phần quan trọng trong duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp và của cả nước. Bên cạnh những thành tựu to lớn đó, ngành chăn nuôi thời gian qua còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Hành lang pháp lý chưa thực sự đầy đủ và thống nhất để đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, hiện đại và bền vững. Chưa có nhiều đột phá trong nghiên cứu khoa học chăn nuôi, việc chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất còn gặp nhiều khó khăn. Tổ chức sản xuất chăn nuôi thiếu tính liên kết, quản trị kém do chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm đa số, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi vẫn phải nhập khẩu với số lượng lớn dẫn đến chi phí sản xuất sản phẩm chăn nuôi cao, chưa chú trọng đến chế biến, chế biến sâu nên sản phẩm chăn nuôi thiếu tính cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Công tác kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và môi trường còn nhiều bất cập nhất là trong khu vực chăn nuôi nông hộ và giết mổ nhỏ lẻ. Tổ chức quản lý ngành chăn nuôi, thú y còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được với đòi hỏi của yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Bộ NNPTNT đã tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 và định hướng phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020- 2030, tầm nhìn 2040. Mục tiêu là đến năm 2025 phần lớn các sản phẩm chăn nuôi hàng hóa đều được sản xuất theo mô hình trang trại và trong các hộ chăn nuôi chuyên nghiệp với chất lượng tốt, độ an toàn cao và giá thành thấp nhất so với các nước trong khu vực. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đến năm 2030 đạt trên 40%, dịch bệnh, an toàn thực phẩm, môi trường chăn nuôi, môi trường cho vật nuôi, con người được kiểm soát tốt. Đến năm 2040, chăn nuôi Việt Nam là ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó: Trình độ và năng lực sản xuất ngành chăn nuôi Việt Nam thuộc nhóm đầu của các nước khu vực Asean; khống chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm thịt, trứng, sữa được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện với môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; 100% sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 70% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến công nghiệp, trong đó có 30% được chế biến sâu. Theo kế hoạch, Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2040 sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành trong Quý II/2020.

c) Đẩy mạnh công tác tái đàn sau dịch bệnh; xây dựng, hình thành các vùng, cơ sở, chuỗi sản xuất, chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

Bộ NNPTNT đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cũng như làm việc với các doanh nghiệp tổ chức tái đàn, tăng đàn lợn, giảm giá bán thịt lợn; tổng kết, hướng dẫn, phổ biến mô hình chăn nuôi an toàn sinh học ở các cấp độ khác nhau, không bị nhiễm bệnh DTLCP; chỉ đạo bảo đảm nguồn lợn giống, lượng thức ăn chăn nuôi đáp ứng cho nhu tái đàn, tăng đàn lợn. Từ tháng 01/2020, các địa phương đã có sản phẩm của lợn nuôi tái đàn, với tổng đàn lợn vào đầu

tháng 3/2020 đạt gần 24 triệu con (tăng hơn 2 triệu con so với tháng 12/2019); tốc độ tăng đàn bình quân 3 tháng đầu năm 2020 tăng 6,2%.

Giải pháp trong thời gian tới, Bộ NNPTNT tiếp tục phối hợp với địa phương tập trung tổ chức phòng, chống dịch bệnh; kịp thời công bố hết dịch khi đủ điều kiện để tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh tái đàn, tăng đàn lợn theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Nhân nhanh mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học đã được tổng kết trong thời gian qua. Thực hành chăn nuôi tốt, sản xuất theo chuỗi sản phẩm (tăng cường liên kết ngang: tổ hợp tác, HTX), truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan chức năng để chỉ đạo các tổ chức tín dụng, ngân hàng có chính sách ưu tiên tín dụng, ưu tiên người chăn nuôi bị thiệt hại vì bệnh DTLCP được vay vốn để khôi phục sản xuất, tái đàn, tăng đàn và mở rộng mô hình chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh. Kiểm soát chặt chẽ việc xuất nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi ổn định nguồn cung, hạn chế đầu cơ tăng giá lợn thịt, lợn giống; kêu gọi các doanh nghiệp đồng hành cùng với Chính phủ để giảm giá bán thịt lợn. Xem xét đề xuất đưa mặt hàng thịt lợn vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.

#### 5. Về các nội dung liên quan đến ngành thú y.

a) Về kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp theo quy định của Luật Thú y, nhất là tại cơ sở:

Hiện nay, Bộ NNPTNT đang thực hiện: (1) Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc hướng dẫn thực hiện việc kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp; (2) Tổ chức xây dựng “Đề án tăng cường năng lực ngành thú y các cấp giai đoạn 2020 - 2030”; (3) Tiếp tục phối hợp với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và MT của Quốc hội để xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thú y”; (4) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức Hội thảo phân tích, đánh giá tác động của việc thay đổi, sáp nhập hệ thống thú y các cấp; trên cơ sở đó sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện “kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp theo quy định của Luật thú y.

b) Về thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch tả lợn Châu Phi:

- Công tác phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP): Bộ NNPTNT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và người chăn nuôi để tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh DTLCP. Kết quả đạt được như sau: Đến nay, cả nước có 99% số xã có bệnh DTLCP đã qua 30 ngày; trong đó có 42 tỉnh, thành phố đã hết bệnh DTLCP; cả nước còn 130 xã (chiếm 1% tổng số xã có dịch) của 21 tỉnh, thành phố chưa qua 30 ngày. Từ đầu năm 2020 đến nay, cả nước chỉ phát sinh thêm 24 ổ dịch bệnh DTLCP (tháng 1 có 22 ổ dịch; tháng 2 có 02 ổ dịch) làm 20.177 con lợn bị tiêu hủy; tháng 3/2020 (tính đến ngày 26/3/2020), không phát sinh ổ dịch mới, có 2.114 con tại các ổ dịch cũ buộc tiêu hủy; trong tháng 3/2020 tiêu hủy khoảng 3.000 con lợn.

Đây là điều kiện thuận lợi để công bố hết dịch, để tổ chức tái đàn, tăng đàn lợn. Từ đầu năm 2020 đến nay, bệnh DTLCP chỉ xảy ra tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không áp dụng hoặc có áp dụng nhưng chưa bảo đảm yêu cầu vệ sinh phòng dịch, an toàn sinh học.

- Về công tác phòng, chống bệnh Cúm gia cầm (CGC), Lở mồm long móng (LMLM): Bộ NNPTNT đã và đang chỉ đạo quyết liệt các biện pháp để phòng chống dịch bệnh, đảm bảo không để dịch lan ra diện rộng. Cụ thể: Đối với dịch CGC: Chỉ đạo các địa phương xử lý tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm bị bệnh, dương tính với vi rút CGC; tổ chức sát trùng bằng vôi bột, phun hóa chất; khoanh vùng và lập các chốt kiểm dịch tạm thời để chống dịch; tiêm phòng bao LMLM vây ổ dịch và tiêm phòng các đàn gia cầm có nguy cơ cao. Đối với dịch LMLM: Chỉ đạo các địa phương tổ chức xử lý ổ dịch, khoanh vùng, tiêm phòng bao vây ổ dịch theo quy định; căn cứ tình hình dịch bệnh và đề nghị của các địa phương, Bộ đã xuất cấp 730.000 liều vắc xin LMLM hỗ trợ 12 tỉnh, thành phố phòng chống dịch bệnh.

c) Về đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ chống dịch bệnh, xử lý nghiêm các hành vi trục lợi từ chính sách:

- Về hỗ trợ công tác chống dịch DTLCP: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về cơ chế, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi, hộ nông dân, chủ trang trại, gia trại, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi và trong thời gian tới sẽ cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng chống bệnh DTLCP để áp dụng kể từ ngày 01/02/2020.

- Về xử lý hành vi trục lợi chính sách hỗ trợ phòng chống bệnh DTLCP: Trước phản ánh của một số cơ quan truyền thông về hiện tượng trục lợi chính sách hỗ trợ của nhà nước tại một số địa phương như: Hải Dương, Nam Định, Bộ NNPTNT, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống DTLCP, Bộ Công an đã có các chỉ đạo, kiểm tra kịp thời nhằm ngăn chặn và chấm dứt tình trạng gian lận, trục lợi trong tiêu hủy lợn mắc bệnh DTLCP tại các địa phương, cụ thể: Chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, giết mổ, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn không đảm bảo an toàn làm lây lan dịch bệnh; Bộ Công an đã chỉ đạo các lực lượng liên quan tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý các trường hợp trục lợi chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với dịch bệnh DTLCP. Ngoài ra lãnh đạo Bộ NNPTNT đã đến các tỉnh có bệnh DTLCP để kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống dịch; chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát, tránh để tình trạng trục lợi chính sách như đã xảy ra tại một số địa phương được truyền thông phản ánh.

## 6. Về phát triển ngành thủy sản.

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành thủy sản bền vững.

Để tiếp tục phát triển thủy sản bền vững theo Luật Thủy sản năm 2017, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Quyết định; Bộ NNPTNT đã ban hành 12 Thông tư và 09 Quyết định về quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy

sản, khai thác thủy sản. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản.

b) Ban hành Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hiện nay, Bộ NNPTNT đang tổ chức đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010), làm cơ sở xây dựng định hướng, mục tiêu phát triển ngành thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để thực hiện các chủ trương lớn và giải pháp chủ yếu về phát triển thủy sản tại Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam (Nghị quyết số 36-NQ/TW) và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2020.

c) Đẩy mạnh khai thác xa bờ, cơ cấu lại hoạt động khai thác, phương tiện đánh bắt phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; hiện đại hóa đội tàu cá, tàu hậu cần nghề cá xa bờ và công nghệ khai thác, bảo quản, chế biến sản phẩm:

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013, đội tàu cá khai thác hải sản tiếp tục được hiện đại hóa, trang bị hiện đại; 5 năm gần đây số lượng tàu khai thác gần bờ giảm (13,2%), số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng (20,1%). Số tàu cá nghề lưới kéo chiếm khoảng 20%; nghề lưới vây 6,3%; nghề lưới rê 33%; nghề câu 13,8%; chụp mực và cá 3%; tàu dịch vụ hậu cần 3,3%; các nghề khác 16%.

Đến hết năm 2019, toàn quốc có 96.609 tàu cá có chiều dài từ 6m trở lên, trong đó 47.448 tàu có chiều dài từ 6-12m, 18.687 tàu cá có chiều dài từ 12-15m, 27.856 tàu cá có chiều dài từ 15-24m, 2.618 tàu cá có chiều dài >24m. Trong đó, đội tàu hậu cần dịch vụ phục vụ các tàu khai thác ở vùng khơi đã đạt 3.175 chiếc. Đã có 5.634 tàu cá có công suất trên 400CV, nhiều tàu có công suất trên 1.000CV, có thể hoạt động dài ngày trên biển. Hầu hết số tàu nói trên được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại như như máy dò ngang, ra đa, máy đo dòng chảy, điện thoại vệ tinh... Ngành thủy sản đã nghiên cứu cải tiến, cải hoán tàu lưới vây mạn sang lưới vây đuôi, công nghệ bảo quản thủy sản bằng hệ thống lạnh kết hợp lắp đặt trên trên tàu lưới chụp mực khai thác hải sản xa bờ; ngâm hạ nhiệt, bảo quản lạnh thấm và cải tạo hầm bảo quản thủy sản trên tàu lưới chụp mực khai thác hải sản xa bờ.

d) Tập trung quy hoạch vùng nuôi, trồng thủy sản, chú trọng phát triển nghề nuôi biển.

Đến nay, Bộ NNPTNT đã lập 07 quy hoạch về nuôi trồng, khai thác và bảo tồn nguồn lợi thủy sản đến năm 2020, làm cơ sở để các địa phương lập quy hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ sẽ phê duyệt Đề án phát triển nuôi biển đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng ngành thủy sản, đặc biệt là cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và hạ tầng phục vụ nuôi biển:

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017). Trong giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình được bố trí 7.738 tỷ đồng bao gồm: (i) Vốn ngân sách Trung ương: 5.613 tỷ đồng; (ii) Vốn Chương trình Biển Đông - Hải đảo: 540 tỷ đồng; (iii) Vốn ODA: 1.585 tỷ đồng.

e) Sớm tháo gỡ khó khăn cho ngư dân trong hỗ trợ đóng tàu; tăng cường ngăn chặn việc khai thác hải sản bất hợp pháp:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tháo gỡ khó khăn cho ngư dân trong hỗ trợ đóng tàu.

Để EC sớm rút thẻ vàng đối với sản phẩm thủy sản khai thác bất hợp pháp, Bộ NNPTNT đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định; Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 16/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025; các giải pháp để thực hiện các khuyến nghị của EC. Các kết quả thực hiện được 2 Đoàn thanh tra của EC ghi nhận và đánh giá cao thiện chí, tinh thần hợp tác, sự minh bạch và trung thực của Việt Nam; ghi nhận sự vào cuộc tích cực của các cơ quan Trung ương, đặc biệt là đã xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý bao gồm Luật Thủy sản 2017 đáp ứng được yêu cầu quốc tế, 2 Nghị định và các Thông tư đã tạo nên cơ sở pháp lý toàn diện chống khai thác IUU phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế.

## **II. Lĩnh vực công thương**

1. Triển khai hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030:

Bộ Công Thương tiếp tục cùng các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội ngành hàng triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030. Cho đến nay, nhiều mục tiêu về xuất nhập khẩu được đề ra tại Chiến lược đã được thực hiện đạt hoặc vượt chỉ tiêu, cụ thể:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng từ 72,24 tỷ USD năm 2010 lên đạt 264,2 tỷ USD trong năm 2019, trong đó kim ngạch xuất khẩu năm 2019 bằng 3,7 lần năm 2010 (vượt mục tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá đến năm 2020 tăng gấp trên 3 lần năm 2010).

- Tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2011 - 2019 đạt trung bình 13,4%/năm (cao hơn mục tiêu 11-12%/năm được đề ra tại Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030).

- Cán cân thương mại đã được kiểm soát và dần chuyển sang xuất siêu từ năm 2016 đến nay, đạt chỉ tiêu tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020 đề ra trong Chiến lược.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp.

2. Nhiệm vụ xây dựng, ban hành Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2020 - 2030:

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 38/QĐ - BCT về việc phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị triển khai nghiên cứu, xây dựng Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2020 - 2030 và đang chỉ đạo tổ chức triển khai.

3. Đơn giản hóa, công khai, minh bạch thủ tục hành chính trong hoạt động xuất, nhập khẩu:

- Bộ Công Thương đã phê duyệt Phương án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; tiếp tục duy trì Đường dây nóng về xuất nhập khẩu hàng hóa với nhiệm vụ tiếp nhận và trả lời các ý kiến phản ánh về khó khăn, vướng mắc trong thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Tính đến hết năm 2019, Bộ Công Thương đã triển khai 56 dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực xuất nhập khẩu ở cấp độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến Bộ Công Thương tại địa chỉ <http://online.moit.gov.vn>. Số lượng hồ sơ xuất nhập khẩu được xử lý trực tuyến năm 2019 là 1.532.817 bộ. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại của Bộ Công Thương giai đoạn 2018 - 2020.

- Ngày 07 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 3624/QĐ - BCT ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) Mẫu D điện tử. Thực hiện Quyết định này, từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, việc cấp C/O cho hàng hóa xuất khẩu sang 6 nước ASEAN (Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Brunei và Campuchia) sẽ triển khai ở cấp độ 4, hoàn toàn qua mạng. Đây là bước đột phá đáng kể trong cải cách hành chính, khi doanh nghiệp không phải đến các tổ chức cấp C/O để nộp hồ sơ, không phải chờ gửi và nhận C/O bản giấy.

4. Về việc ban hành quy định về cách xác định hàng hóa của Việt Nam hoặc sản xuất tại Việt Nam.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan để xây dựng văn bản quy định về cách xác định sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, hoặc sản xuất tại Việt Nam ở cấp Nghị định.

5. Giám sát việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, xử lý nghiêm việc lợi dụng, giả mạo xuất xứ Việt Nam.

Bộ Công Thương đã họp với các Hiệp hội ngành hàng về vấn đề nguy cơ gian lận xuất xứ, gian lận thương mại, lẩn tránh thuế Phòng vệ thương mại, tìm các giải pháp nhằm ứng phó với các tác động bất lợi của xung đột thương mại Mỹ - Trung. Thường xuyên trao đổi, cảnh báo các tổ chức cấp C/O về việc tăng cường kiểm tra, giám sát việc cấp C/O, đặc biệt lưu ý tới một số mặt hàng có nguy cơ cao về gian lận xuất xứ hàng hóa; tổ chức các đoàn kiểm tra, xác minh

xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất của doanh nghiệp khi có nghi vấn về gian lận xuất xứ.

6. Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3263/QĐ - BCT về việc phê duyệt Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Công Thương đến năm 2025. Triển khai thực hiện Quyết định này, Bộ Công Thương đang đưa hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng sản phẩm hàng hóa từng bước đi vào nề nếp.

7. Về công tác phòng vệ thương mại (PVTM):

Trong giai đoạn 2016 đến nay, Bộ Công Thương đã điều tra và áp dụng 08 biện pháp PVTM để bảo vệ hoạt động sản xuất của các ngành sản xuất trong nước, cụ thể là đối với các sản phẩm gồm phân bón DAP/MAP, bột ngọt, các sản phẩm sắt thép như phôi thép, thép dài, thép mạ, thép hình và tôn màu, nhôm thanh định hình, màng BOPP. Hiện nay, Bộ Công Thương đang theo dõi chặt chẽ để kịp thời triển khai các biện pháp PVTM để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước một cách phù hợp.

Các biện pháp PVTM này đã bảo vệ công ăn việc làm của gần 120.000 người lao động trong các lĩnh vực nói trên, khuyến khích sản xuất trong nước phát triển và hỗ trợ cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Theo tính toán, những ngành sản xuất này ước tính đang đóng góp khoảng 6,23% GDP của cả nước. Với việc tăng thuế nhập khẩu, các biện pháp PVTM được áp dụng cũng đã góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước với mức thuế thu được ước tính lên tới hàng nghìn tỉ đồng. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng theo dõi sát diễn biến giá và rà soát định kỳ để điều chỉnh biện pháp PVTM cho phù hợp thực tiễn, tránh hiện tượng hàng hóa tăng giá do biện pháp PVTM hay giảm động lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

8. Hỗ trợ xử lý kịp thời các tranh chấp thương mại, cảnh báo, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp xuất khẩu, bảo vệ các ngành sản xuất trong nước phù hợp với các quy định và thông lệ quốc tế.

Trong thời gian qua, xu thế gia tăng điều tra, áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại không có dấu hiệu giảm. Trong năm 2019, số lượng vụ việc PVTM mà nước ngoài khởi xướng với hàng xuất khẩu của Việt Nam là 16 vụ, giảm nhẹ so với số lượng vụ việc năm 2018 (22 vụ). Bên cạnh đó, Bộ Công Thương tiếp tục xử lý các vụ việc rà soát biện pháp của các nước áp dụng với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Trong quý I/năm 2020, số lượng các vụ việc khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại có xu hướng tăng so với cùng kỳ 2019. Tính từ đầu năm tới nay, Việt Nam đã ghi nhận 02 vụ việc khởi xướng điều tra mới, 02 vụ nhận đơn nhưng chưa khởi xướng điều tra (trong khi cùng kỳ năm 2019 mới có 01 vụ việc điều tra).

Trong bối cảnh thương mại quốc tế có những diễn biến phức tạp, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “*Tăng cường quản lý nhà nước về chống gian lận xuất xứ và ngăn chặn biện pháp phòng vệ thương mại*” tại Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2019. Quyết định này là cơ sở để Bộ Công

Thương, các Bộ, ngành liên quan triển khai các hoạt động nhằm đấu tranh chống các hành vi gian lận xuất xứ, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 119/NQ-CP về một số biện pháp cấp bách để tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp. Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành chương trình hành động để triển khai thực hiện.

9. Về ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Cạnh tranh:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019; Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2020; đang chỉ đạo xây dựng Nghị định quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

10. Về tổng kết, đánh giá, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Ngày 12 tháng 10 năm 2019, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3793/QĐ - BCT phê duyệt Kế hoạch xây dựng và triển khai Đề án Tổng kết thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn.

11. Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp:

Bộ Công Thương thường xuyên, chủ động nắm bắt tình hình và các vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, chuẩn bị kịp thời các báo cáo Chính phủ và Quốc hội liên quan đến nội dung về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; chỉ đạo, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc của các địa phương trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Trong năm 2019, công tác cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bán hàng đa cấp được Bộ Công Thương tiếp tục chú trọng; đồng thời đã phối hợp với Bộ Y tế hoàn thành thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về bán hàng đa cấp đối với 04 doanh nghiệp. Căn cứ kết quả thanh tra, Bộ Công Thương đã xử phạt 04 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt là 1,81 tỷ đồng và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 01 doanh nghiệp.

12. Về công tác xúc tiến thương mại (XTTM), đa dạng thị trường xuất khẩu:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý thực hiện Chương trình XTTM quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ - TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 theo hướng phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 28/2018/NĐ - CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương. Để cụ thể hóa quy định về XTTM, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp Quốc gia về xúc tiến thương mại.

Năm 2019, hàng hóa của Việt Nam đã có mặt tại trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như: Hoa



Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... Hiện nay, nguồn kinh phí dành cho hoạt động XTTM còn hạn chế nên để sử dụng tốt nhất các nguồn lực, Bộ Công Thương đã tổ chức thực hiện các hoạt động XTTM theo hướng tập trung mở rộng, phát triển các thị trường xuất khẩu mục tiêu, có trọng điểm như sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp duy trì và phát triển theo chiều sâu đối với các thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp quay lại thị trường Liên bang Nga và các nước Đông Âu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường hoạt động tại thị trường ASEAN.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thị trường mới tại khu vực Tây Nam Á, châu Phi và Mỹ La-tinh.

Với sự đóng góp các hoạt động XTTM, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đã được mở rộng ra nhiều thị trường. Ngoài những thị trường truyền thống, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường đã ký FTA với Việt Nam ngày càng tăng, góp phần hạn chế tình trạng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bị phụ thuộc vào một số thị trường nhất định.

13. Về xây dựng thương hiệu hàng hóa Việt Nam và hỗ trợ các doanh nghiệp bảo vệ thương hiệu trên thị trường quốc tế:

Trong khuôn khổ Chương trình Thương hiệu quốc gia (THQG), định kỳ 2 năm/lần, Bộ Công Thương tổ chức Lễ Công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục chia sẻ và theo đuổi các giá trị của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam là Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong để không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển doanh nghiệp. Qua 6 kỳ tổ chức, đã có 375 lượt doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG (năm 2008 có 30 doanh nghiệp; năm 2010 có 43 doanh nghiệp; năm 2012 có 54 doanh nghiệp; năm 2014 có 63 doanh nghiệp; năm 2016 có 88 doanh nghiệp; năm 2018 có 97 doanh nghiệp). Các doanh nghiệp tham gia Chương trình đều duy trì tốc độ tăng trưởng cao về lợi nhuận, doanh thu, thị phần trong và ngoài nước.

Chương trình THQG đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu; tôn vinh các thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp tiêu biểu đại diện cho thương hiệu quốc gia Việt Nam và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển thương hiệu.

14. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về thương mại điện tử; xây dựng hệ sinh thái cho thương mại điện tử và kinh tế số; khả năng cạnh tranh của thị trường thương mại điện tử Việt Nam; ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 về Thương mại điện tử. Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 quy định về quản lý Website thương mại và điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động. Để giải quyết những vấn đề mới phát sinh, Bộ Công Thương đang nghiên cứu xây dựng Nghị

định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/ NĐ - CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (dự kiến thời gian trình Chính phủ vào quý 4 năm 2020).

Từ năm 2014 đến nay, Bộ Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các địa phương để triển khai các đề án thuộc Chương trình phát triển TMĐT và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT. Trong đó, có nhiều giải pháp tiên tiến của TMĐT ứng dụng vào trọng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương giai đoạn 2014 - 2020, điển hình như hệ thống thanh toán TMĐT quốc gia KeyPay; hệ thống Trục điện tử kết nối doanh nghiệp ERP Store ([www.erpstore.vn](http://www.erpstore.vn)); Chương trình Một thẻ quốc gia (theViet). Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến TMĐT thông qua đăng báo đến người dân nhiều trường hợp và hành vi lừa đảo trong TMĐT, xây dựng tài liệu mua sắm trực tuyến an toàn, phối hợp tổ chức các buổi hội thảo, lớp tập huấn cho đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân các nội dung liên quan đến pháp luật và triển khai kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang nghiên cứu xây dựng Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

15. Về lập quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 và tầm nhìn 2045 (Quy hoạch điện VIII):

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1264/QĐ - TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch điện VIII. Hiện nay, Bộ Công Thương đang khẩn trương thực hiện lập Quy hoạch điện VIII, phấn đấu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Quy hoạch điện VIII vào cuối năm 2020.

16. Xử lý những bất cập trong quy hoạch, đầu tư và vận hành các dự án điện, đặc biệt là các dự án điện mặt trời; cơ chế, giải pháp đưa vào vận hành các dự án điện trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020.

Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch các dự án điện gió với công suất khoảng 7.000 MW. Đồng thời, để giải tỏa công suất các dự án điện năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương đã thực hiện các giải pháp như sau:

- Trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung 15 công trình lưới điện truyền tải vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

- Phê duyệt danh mục các công trình lưới 110 kV cần thực hiện để giải tỏa công suất các nguồn năng lượng tái tạo trong Quy hoạch phát triển điện lực.

- Thường xuyên đôn đốc EVN và các đơn vị thành viên khẩn trương đẩy nhanh tiến độ các công trình lưới điện nhằm giải tỏa công suất các Nhà máy điện mặt trời khu vực Ninh Thuận và lân cận.

- Các trung tâm điều độ hệ thống điện cũng nghiên cứu các phương thức vận hành nguồn, lưới điện để có thể có phương thức tối ưu hấp thụ tối đa công suất phát của các nhà máy.

- Công tác lập Quy hoạch điện VIII đang được nghiên cứu thực hiện khẩn trương, trong đó quy mô và tiến độ của nguồn và lưới điện sẽ được thực hiện đồng bộ.

17. Về huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng hệ thống truyền tải điện đồng bộ với phát triển nguồn điện:

Vấn đề này sẽ nghiên cứu, đề xuất trong quá trình xây dựng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để trình Quốc hội xem xét ban hành.

18. Huy động nguồn lực triển khai chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo:

Chương trình Điện nông thôn được triển khai 48 dự án thành phần trên địa bàn 48 tỉnh, trong đó: Ủy ban nhân dân các tỉnh làm chủ đầu tư (29 tỉnh); EVN làm chủ đầu tư (19 tỉnh). Để triển khai chương trình, tính đến thời điểm hiện nay cần tiếp tục vận động nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ từ Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng Thế giới (WB) để vay khoảng 20.813 tỷ đồng. Hiện nay, Bộ Công Thương tiếp tục triển khai lập đề xuất chủ trương đầu tư sử dụng vốn vay ưu đãi của Ngân hàng phát triển châu Á và Ngân hàng Thế giới. Căn cứ quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cho phép sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài để cấp phát cho các dự án thuộc Chương trình, Bộ Công Thương sẽ hướng dẫn các chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo các hiệp định vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

19. Thị trường bán buôn điện cạnh tranh, thí điểm để chủ đầu tư các nhà máy điện gió và điện mặt trời bán điện trực tiếp cho khách hàng.

Thị trường bán buôn điện cạnh tranh chính thức được đi vào vận hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Cùng với việc giám sát công tác vận hành, Bộ Công Thương đang tiếp tục nghiên cứu để khắc phục các vấn đề còn vướng mắc, điều chỉnh bổ sung các vấn đề về mặt pháp lý, đôn đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong dài hạn.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đang xem xét phê duyệt Chương trình thí điểm cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện theo đề nghị của Bộ Công Thương.

20. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành cơ khí chế tạo, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp:

Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 57/2018/NĐ - CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ - TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 176/QĐ - BCT ngày 29 tháng 01 năm 2019 ban hành Danh mục sản phẩm cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư.

Tính đến hết nay, có khoảng hơn 25.000 doanh nghiệp cơ khí đang hoạt động và có kết quả kinh doanh, chiếm gần 30% tổng số doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo, tạo việc làm cho gần 16% tổng số lao động trong ngành

chế biến chế tạo. Đã hình thành hệ thống các nhà máy cơ khí với đầy đủ các quy mô. Tại một số địa phương, vùng kinh tế đã hình thành mô hình cụm ngành (cluster) về ngành chế tạo (như khu phức hợp cơ khí Chu Lai - Quảng Nam).

Ngành cơ khí đã hình thành một số doanh nghiệp lớn có tiềm năng phát triển ngang tầm khu vực, cũng như một số doanh nghiệp có nhiều triển vọng trong các lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí nông nghiệp. Một số phân ngành cơ khí đã chế tạo được các sản phẩm chất lượng, đạt tiêu chuẩn khu vực, thậm chí có thể đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới. Hiện nay, ngành cơ khí Việt Nam có thể mạnh tập trung ở ba phân ngành gồm xe máy và phụ tùng linh kiện xe máy, cơ khí gia dụng và dụng cụ, và ô tô và phụ tùng ô tô, chiếm gần 70% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cơ khí cả nước).

21. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ:

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2025. Bộ Công Thương đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đang triển khai thành lập 03 Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại 03 vùng kinh tế trọng điểm khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Các trung tâm này sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất thử nghiệm, nâng cao năng suất chất lượng, tạo giá trị gia tăng cũng như tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nước ta phát triển về cả số lượng và chất lượng, cải thiện năng lực sản xuất và tham gia ngày càng sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành CNHT chiếm gần 4,5% tổng số doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo việc làm cho hơn 600.000 lao động, chiếm 8% lao động toàn ngành chế biến, chế tạo, doanh thu thuần sản xuất, kinh doanh đạt hơn 900.000 tỷ đồng, đóng góp khoảng 11% tổng doanh thu toàn ngành chế biến, chế tạo... (năm 2018).

### **III. Lĩnh vực nội vụ**

1. Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Trong thời gian qua, chính sách đặc thù đối với người dân tộc thiểu số được Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm, ban hành các văn bản nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, những chính sách ưu tiên trong tuyển dụng nhưng tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số hiện cần được tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu đặt ra. Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Đồng thời, giao Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu đề quy định chính sách ưu tiên trong tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số trong nội dung dự thảo Nghị

định, từng bước nâng cao tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan của Nhà nước.

## 2. Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

### a) Về triển khai chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã:

Để cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 tại Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 và Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2115/BNV-CQĐP ngày 16/5/2019 hướng dẫn mẫu hồ sơ đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã chủ động thực hiện việc rà soát số liệu để xác định số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 50% theo quy định, thuộc diện phải thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã xem xét, sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích. Theo đó, có 45 tỉnh, thành phố xây dựng phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và ban hành các nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (riêng thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sau đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 mới tiến hành sắp xếp; còn tỉnh Kiên Giang có 01 ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp là xã Hòn Thơm (huyện Phú Quốc) dự kiến sáp nhập với thị trấn An Thới sẽ trình cùng với Đề án thành lập thành phố Phú Quốc khi được sự đồng ý về chủ trương của cơ quan có thẩm quyền). Như vậy, đến nay đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

### b) Về số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021:

Tổng hợp số liệu của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành các nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, thì số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021 như sau:

#### - Số lượng các ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến hành sắp xếp đối với 18 ĐVHC cấp huyện (trong đó: có 09 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 01 đơn vị thuộc diện khuyến khích sắp xếp và 08 đơn vị liên hệ có liên quan đến sắp xếp). Còn 10 ĐVHC cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp nhưng các địa phương đề nghị chưa tiến hành sắp xếp trong đợt này. Trong đó, số phương án 02 ĐVHC cấp huyện nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp huyện mới: có 06 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC nhưng không làm giảm ĐVHC cấp huyện: có 03 trường hợp.

Kết quả số lượng ĐVHC cấp huyện giảm là 06 đơn vị. Trong đó: tỉnh Cao Bằng giảm 03 huyện (03/13 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 20,08%); tỉnh Quảng Ngãi giảm 01 huyện (01/14 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 7,14%); tỉnh Quảng Ninh giảm 01 huyện (01/14 cấp huyện, tỷ lệ giảm 7,14%); tỉnh Hòa Bình giảm 01 huyện (01/15 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 6,67%); các tỉnh Yên Bái, Điện

Biên có điều chỉnh địa giới để sắp xếp các ĐVHC cấp huyện nhưng không làm giảm số lượng ĐVHC cấp huyện.

- Số lượng các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến hành sắp xếp đối với 1.025 ĐVHC cấp xã (trong đó: có 532 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 111 đơn vị thuộc diện khuyến khích sắp xếp và 382 đơn vị liên kết có liên quan đến sắp xếp). Còn 99 ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp nhưng các địa phương đề nghị chưa tiến hành sắp xếp trong đợt này. Trong đó, số phương án 04 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 04 trường hợp; số phương án 03 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 84 trường hợp; số phương án 02 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 328 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC có làm giảm ĐVHC cấp xã: có 48 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC nhưng không làm giảm ĐVHC cấp xã: có 06 trường hợp.

Kết quả số lượng ĐVHC cấp xã giảm là 545 đơn vị. Trong đó có những tỉnh giảm nhiều như: Hòa Bình giảm 59/210 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 28,09%); Cao Bằng giảm 38/199 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 19,10%); Phú Thọ giảm 52/277 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 18,77%); Hà Tĩnh giảm 46/262 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 17,56%); Thanh Hóa giảm 76/635 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,97%); Quảng Trị giảm 16/141 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,35%); Lạng Sơn giảm 26/226 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,50%); Hải Dương giảm 29/264 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 10,98%)...

c) Về sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức sau khi sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã:

- Số lượng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí, sắp xếp đúng quy định và số dôi dư phải giải quyết các chính sách:

+ Đối với việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện: dự kiến tại các ĐVHC cấp huyện mới hình thành sẽ bố trí số cán bộ, công chức đúng quy định là 1.062 người; số dôi dư là 428 người;

+ Đối với sắp xếp các ĐVHC cấp xã: dự kiến tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành sẽ bố trí số cán bộ, công chức cấp xã đúng quy định là 10.043 người; số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 9.534 người; bố trí số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đúng quy định là 8.816 người; số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 6.913 người.

- Phương án, lộ trình giải quyết chính sách đối với số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư:

Trong giai đoạn 2019 - 2021, các địa phương có phương án giải quyết dứt điểm được số cán bộ, công chức cấp huyện dôi dư là 146 người; giải quyết được số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 7.006 người và giải quyết được số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 6.705 người.

Đối với số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư còn lại, Chính phủ sẽ chỉ đạo giải quyết dứt điểm trước năm 2022.

d) Về dự kiến giảm chi ngân sách Nhà nước do thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã:

Theo tính toán của các địa phương, khi tiến hành sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong đợt này thì dự kiến sẽ giảm chi ngân sách nhà nước do giảm chi tiền lương, phụ cấp và chi hoạt động trong 05 năm tới (giai đoạn 2020 - 2024) là khoảng 1.431 tỷ đồng (gồm: giảm chi tiền lương và phụ cấp khoảng 511 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 920 tỷ đồng).

#### **IV. Lĩnh vực thông tin và truyền thông**

1. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Báo chí 2016; tiếp tục khẩn trương triển khai Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Khẩn trương ban hành quy định của pháp luật để quản lý hoạt động của tạp chí điện tử; phân định rõ tính chất chuyên ngành, định kỳ của tạp chí:

Sau 03 năm triển khai thi hành, một số quy định của Luật Báo chí 2016 đã dần bộc lộ hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng kịp thời sự phát triển của báo chí dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Ngày 04/12/2019, Bộ TTTT đã tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thi hành Luật Báo chí 2016 và đang tích cực tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Báo chí 2016.

Đến nay, Bộ TTTT đã triển khai xong việc chuyển đổi mô hình, sắp xếp các cơ quan báo chí đối với 19/24 tổ chức hội, trong đó cấp phép cho 18 tạp chí của 18 tổ chức hội. Theo lộ trình quy hoạch, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh sắp xếp đến hết năm 2020 còn 03 cơ quan báo và đến năm 2025 có 01 cơ quan báo. Đến nay, đã hoàn thành việc sắp xếp bước 1, hiện chỉ còn 03 cơ quan báo. Đối với báo chí các bộ, cơ quan ngang bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chậm nhất trước ngày 30/6/2020, cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí thuộc diện sắp xếp có hồ sơ bảo đảm đúng quy định gửi Bộ TTTT để tiến hành các thủ tục cấp phép, thu hồi giấy phép, chuyển cơ quan chủ quản theo quy định. Quá thời hạn trên, cơ quan báo chí thuộc diện sắp xếp không có hồ sơ bảo đảm đúng quy định sẽ cho dừng hoạt động báo chí để thực hiện quy hoạch.

Để tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ, góp phần chấn chỉnh nội dung thông tin, khắc phục tình trạng “báo hóa” tạp chí điện tử, Bộ TTTT dự kiến sửa đổi Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT; quy định đầy đủ, cụ thể về tính định kỳ của tạp chí điện tử, phân định báo in với tạp chí in, báo điện tử với tạp chí điện tử tại tên gọi giấy phép. Đồng thời, khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp phép tạp chí điện tử, sẽ thẩm định kỹ các chuyên mục, tên gọi tạp chí, tên miền, tôn chỉ mục đích... để đảm bảo đúng tính chất tạp chí.

2. Rà soát, chấn chỉnh hoạt động liên kết giữa các tổ chức, doanh nghiệp với cơ quan báo chí; trong năm 2020, ban hành hướng dẫn về liên kết trong hoạt động báo chí:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục III phần D (kết quả thực hiện Nghị quyết số 55/2017/QH14 của lĩnh vực thông tin và truyền thông).

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản, tổng biên tập trong việc quản lý văn phòng đại diện, cơ quan thường trú, phóng viên và nội dung thông tin; chú trọng công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp người làm báo; tăng cường thanh tra, kiểm tra, rà soát chặt chẽ các điều kiện về

cấp phép trong lĩnh vực báo chí, việc thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, quy định của pháp luật về báo chí; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm của cơ quan chủ quản, tổng biên tập trong việc để xảy ra vi phạm; thiết lập và phát triển đường dây nóng phản ánh sai phạm trong hoạt động báo chí tại địa phương; có biện pháp bảo vệ và phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật.

Thời gian qua, nhìn chung, hoạt động của các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí tại các địa phương đã tuân thủ đúng quy định của Luật Báo chí; chủ động, tích cực bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin kịp thời, đưa tin đầy đủ và toàn diện những sự kiện thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương; thực hiện tốt quyền được thông tin của nhân dân, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Các hoạt động xã hội của văn phòng đại diện, phóng viên thường trú khá phong phú, có tác động tích cực, góp phần phục vụ dân sinh, giáo dục và bảo tồn các giá trị truyền thống tốt đẹp của địa phương. Tuy vậy, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều trường hợp, do buông lỏng vai trò, trách nhiệm chỉ đạo, quản lý của một số cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí; sự thiếu quan tâm giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tác phong đối với phóng viên thường trú, cộng tác viên; không có quy chế quản lý, giám sát chặt chẽ đã dẫn đến tình trạng một số văn phòng đại diện không đủ điều kiện hoạt động; hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích.

Ngày 10/7/2017, Bộ TTTT đã có bản số 2411/BTTTT-CBC về việc chấn chỉnh hoạt động của các văn phòng đại diện và phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí; trong đó yêu cầu các cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí chỉ đạo rà soát, chấn chỉnh hoạt động của các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú thuộc quyền, bảo đảm hoạt động đúng quy định của pháp luật về báo chí và quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo. Bộ cũng đề nghị Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức kiểm tra, hướng dẫn văn phòng đại diện, phóng viên thường trú trên địa bàn thực hiện đúng các thủ tục đăng ký hoạt động theo quy định; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của văn phòng đại diện, phóng viên thường trú; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, hoặc báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động của các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú để Bộ TTTT xem xét, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2017 và 2018, Bộ TTTT cũng đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của một số văn phòng đại diện, phóng viên thường trú độc lập của các cơ quan báo chí tại 06 tỉnh, gồm Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Cà Mau và 04 thành phố lớn là Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, Cần Thơ. Năm 2018, Bộ TTTT đã giao Cục Báo chí thiết lập Đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về những hoạt động sai phạm và những thiếu sót của nhà báo, phóng viên các cơ quan báo chí.

Mặt khác, để bảo đảm phối hợp thống nhất, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về báo chí, ngày 08/01/2020, Bộ TTTT đã có văn bản số 49/BTTTT-CBC đề nghị các Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thiết lập và công bố công khai đường dây nóng báo chí để tiếp nhận và xử lý thông tin



liên quan hoạt động sai phạm, những nhiễu của nhà báo, phóng viên các cơ quan báo chí tại địa phương mình. Đến nay đã có trên 40 Sở TTTT hoàn thành việc thiết lập đường dây nóng báo chí. Thực tế trong thời gian qua, đường dây nóng báo chí bước đầu hoạt động có hiệu quả, là kênh tương tác, phản ánh, hướng dẫn tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động báo chí, tác nghiệp của phóng viên. Năm 2019, riêng Cục Báo chí của Bộ đã ban hành 25 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 602,1 triệu đồng. Trong Quý I năm 2020, Cục Báo chí đã ban hành 03 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 30,7 triệu đồng.

4. Về tăng cường hiệu quả công tác quản lý thông tin điện tử, đặc biệt là các trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội; xử lý nghiêm tình trạng trang thông tin điện tử tổng hợp hoạt động như cơ quan báo chí.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020 ngày 3/2/2020 thay thế Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP, tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội để xử lý tình trạng báo hóa trang tin, mạng xã hội.

Bộ TTTT chỉ đạo và phối hợp với Sở TTTT các tỉnh, trực thuộc thành phố chấn chỉnh hoạt động của các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, đặc biệt nhấn mạnh các giải pháp xử lý tình trạng báo hóa trang thông tin điện tử tổng hợp. Đã rà soát, kiểm tra và yêu cầu nhiều trang thông tin điện tử tổng hợp không sử dụng (đổi tên) tên trang, tên miền gây nhầm lẫn cơ quan báo chí. Các trang thông tin điện tử tổng hợp đã thể hiện đường dẫn để truy cập tin, bài gốc (link) ngay dưới tin, bài tổng hợp; có thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan báo chí khi lấy nguồn. Số lượng các trang tin tổng hợp được cấp phép cả nước trong Quý I/2020 giảm 75% so với cùng kỳ năm 2019 (Quý IV/2019 cấp 102 trang, quý I/2020 cấp 24 trang). Bộ đã và đang chỉ đạo tiếp tục rà soát, xử lý nghiêm đối với các trường hợp cơ quan báo chí thực hiện không đúng quy định giấy phép.

5. Về rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về an ninh mạng:

Nội dung này đã được báo cáo tại mục 14 phần B (kết quả thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13 của lĩnh vực viễn thông).

6. Về chủ động phối hợp, yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong việc xác định danh tính người sử dụng dịch vụ, xử lý các thông tin sai sự thật, thông tin xấu, độc, thông tin mạo danh, tin giả.

Bộ TTTT đã phối hợp với các bộ, ngành triển khai nhiều giải pháp đấu tranh về pháp lý, truyền thông, thanh toán, thuế, kỹ thuật nhằm buộc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (Facebook, Google, Apple) tuân thủ pháp luật Việt Nam, kiểm soát, hạn chế, ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời thông tin giả, xấu, độc hại, phản cảm trên mạng xã hội; thông tin xuyên tạc chủ trương, đường lối và phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin lừa đảo, đánh bạc, quảng cáo không đúng sự thật, thông tin gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân; thông tin độc hại đối với trẻ em. Xử lý nghiêm các đối tượng trong nước phát tán thông tin giả mạo; nội dung thông tin xuyên tạc, không đúng

sự thật gây hoang mang trong xã hội. Triển khai xây dựng Đề án hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nội dung số Việt Nam phát triển với một số dịch vụ trọng tâm để dần thay thế được các nền tảng của nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam. Tăng cường công tác tuyên truyền để mỗi người dân sử dụng Internet trong nước đề cao ý thức, biết sàng lọc, cảnh giác với các nội dung thông tin xấu độc, phản cảm, thông tin vi phạm pháp luật. Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP nhằm hoàn thiện các quy định về quản lý hoạt động thông tin trên mạng, đặc biệt là các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới, bảo đảm môi trường pháp lý bình đẳng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội.

- *Đối với Facebook:* Tỷ lệ chặn gỡ các tài khoản giả mạo, bài viết xuyên tạc, đưa thông tin sai lệch, quảng cáo game cờ bạc, đồi trụy... đạt 70%. Hiện nay Facebook cam kết và đã triển khai trên thực tế việc ngăn chặn, gỡ bỏ 100% tin giả, thông tin vi phạm pháp luật liên quan đến Covid-19; nâng tỷ lệ thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin xấu độc, tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước lên mức cao nhất từ trước đến nay.

- *Đối với Google:* Tỷ lệ chặn gỡ nội dung vi phạm đạt 85%. Từ năm 2017-2019: Trên YouTube đã ngăn chặn và gỡ bỏ: 9501 video vi phạm. Từ tháng 01/2020 đến nay: Tổng số video gỡ đến nay là 543 video clips.

- *Đối với AppStore:* Đã phối hợp để yêu cầu các nhà phát hành các ứng dụng trên AppStore phải xin phép theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. AppStore đã gỡ 13/44 game không phép, game có nội dung vi phạm theo yêu cầu của Bộ TTTT.

7. Về chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên môi trường mạng, báo chí; có giải pháp ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm việc lợi dụng mạng xã hội để xuyên tạc chủ trương, đường lối và phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, lừa đảo, đánh bạc, quảng cáo không đúng sự thật, thông tin gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Bộ TTTT đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành (Bộ Y tế, Bộ Công thương, Tổng cục Thuế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an) triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017. Tăng cường đấu tranh, yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới như Google, Facebook phải ngăn chặn, gỡ bỏ các vi phạm về quảng cáo như quảng cáo thực phẩm chức năng, thuốc vi phạm quy định, quảng cáo, bán hàng nhái, hàng giả, hàng không được phép kinh doanh, quảng cáo game cờ bạc... và đồng thời tiến hành xử lý vi phạm hành chính với các trường hợp thu thập đủ bằng chứng, xác định được nhân thân; yêu cầu các nền tảng phải đóng thuế theo quy định đối với các dịch vụ quảng cáo phát sinh thu nhập tại Việt Nam; phối hợp Ngân hàng Nhà nước để kiểm soát việc thanh toán cho hoạt động quảng cáo vi phạm pháp luật VN. Phối hợp với Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch để sửa đổi Nghị định số 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Yêu cầu các trang tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, báo điện tử phải tăng cường rà soát, kiểm tra thường xuyên các hoạt động hợp tác quảng cáo trên trang web, báo điện tử, tránh tình trạng không kiểm soát được nội dung quảng cáo được đặt trên trang của mình.

Kết quả đạt được: Từ năm 2018 đến nay, Google đã ngăn chặn hơn 7000 video clips vi phạm, Facebook đã gỡ bỏ 2444 link rao bán, quảng cáo các sản phẩm, dịch vụ bất hợp pháp. Google cam kết không chia sẻ doanh thu quảng cáo cho các nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam khi được Bộ TTTT thông báo. Thực hiện thu thuế các tổ chức, cá nhân sáng tạo nội dung trên Youtube được chia sẻ lợi nhuận từ quảng cáo.

8. Về sớm ban hành văn bản quy định về xử lý vấn đề tin giả, về bảo vệ thông tin cá nhân; kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các loại tội phạm trên không gian mạng:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 (thay thế Nghị định số 174/2013/NĐ-CP) về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Trong đó, quy định rõ mức xử lý các vi phạm đối với các hành vi vi phạm liên quan tới việc phát tán thư điện tử, tin nhắn rác và quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn. Đây là một trong những giải pháp mạnh giúp tăng cường răn đe để phòng chống nạn thông tin giả, quảng cáo, tin nhắn rác và lừa đảo.

Mặt khác, trong lĩnh vực thông tin điện tử, các quy định về quản lý, xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có hành vi lừa đảo trên không gian mạng đã có quy định chi tiết tại các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật An ninh mạng; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP. Để tăng cường công tác quản lý, đẩy lùi/giảm thiểu những tin sai sự thật, kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm vấn đề tin giả, tin sai sự thật, Bộ TTTT đang nghiên cứu, xây dựng bổ sung các quy định, quy trình tiếp nhận và xử lý tin giả, tin sai sự thật trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP nói trên. Nội dung này đã được đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2020.

9. Về tiếp tục triển khai các giải pháp hiệu quả để xử lý tình trạng “sim rác”, “tin nhắn rác”, “cuộc gọi rác”.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 thay thế Nghị định số 174/2013/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 49/2017/NĐ-CP trong đó quy định rõ trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông trong việc xử lý SIM rác, tăng hình thức và các mức xử phạt có tính răn đe như đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng số lượng sim lớn nhưng không làm rõ được mục đích sử dụng; đang chỉ đạo xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác và Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.

- Về công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ TTTT:

+ Ban hành văn bản chấn chỉnh các doanh nghiệp viễn thông di động nếu để tồn tại SIM rác (người đứng đầu doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân và doanh nghiệp sẽ không được xem xét cấp phép triển khai các dịch vụ mới).

+ Hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các tiêu chí ngăn chặn các kênh phân phối sử dụng thông tin không chính danh để đăng ký thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn SIM thuê bao; áp dụng các tiêu chí sàng lọc, phát hiện các SIM có dấu hiệu nghi vấn là kích hoạt sẵn trên kênh phân phối, tiến hành các biện pháp xử lý, thu hồi.

+ Triển khai công tác kiểm tra, xử phạt các hành vi vi phạm của các doanh nghiệp viễn thông di động. Năm 2019, Bộ đã ra quyết định xử phạt 3 doanh nghiệp viễn thông di động (Viettel, VNPT Vinaphone và MobiFone) do vi phạm trong công tác quản lý thuê bao di động trả trước với tổng mức xử phạt là 309 triệu đồng.

Tổ chức thanh tra diện rộng công tác quản lý thông tin thuê bao di động trên phạm vi toàn quốc. Đến thời điểm hiện nay, các Sở TTTT đã tiến hành thanh tra tại 140 chi nhánh trực thuộc 5 doanh nghiệp viễn thông di động và các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; đã xử phạt 12 chi nhánh doanh nghiệp với tổng số tiền 190,3 triệu đồng và 9 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông bị xử phạt với tổng số tiền là 86,7 triệu đồng.

+ Sử dụng giải pháp công nghệ để giải quyết, nâng cao hiệu quả xử lý: Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông di động triển khai, nâng cấp các hệ thống chặn lọc tin nhắn rác nhằm chủ động phát hiện và ngăn chặn tối đa nguồn phát tán các tin nhắn rác; xây dựng và đưa vào khai thác Hệ thống chia sẻ mẫu tin nhắn rác (hiện nay đã có 305.170 mẫu tin nhắn rác và tiếp tục được cập nhật) giúp các hệ thống chặn lọc của các doanh nghiệp viễn thông di động lọc đồng bộ, hiệu quả tin nhắn rác phát tán ...

- Kết quả đạt được:

+ Đối với công tác xử lý SIM rác đã xử lý quyết liệt, triệt để; tính đến thời điểm này ước tính còn khoảng 6 triệu SIM có dấu hiệu kích hoạt sẵn đang tồn tại trên kênh phân phối, chiếm 5% tổng số thuê bao di động đang hoạt động. Các SIM này có thể đã đưa vào lưu thông (đến tay các cá nhân đầu cơ hoặc tới tay người sử dụng) nhưng được dùng làm SIM phụ ít liên lạc...

+ Đối với công tác ngăn chặn tin nhắn rác đã giảm đáng kể; điều này cho thấy các chính sách, biện pháp áp dụng (tuyên truyền, biện pháp kỹ thuật) phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác trong năm đã phát huy hiệu quả nhưng để đảm bảo xử lý triệt để cần tiếp chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện nghiêm túc việc rà quét, ngăn chặn tin nhắn rác.

9. Về ban hành bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích hiện trạng hoạt động cung cấp, sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam hiện nay, đánh giá về những mặt được và chưa được, tham khảo kinh nghiệm quốc tế nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực của mạng xã hội, nâng cao ý thức, các giá trị, chuẩn mực đạo đức của người dùng mạng xã hội tại Việt Nam và nhằm tạo ra môi trường Internet lành mạnh, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển, hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước đối với mạng xã hội. Đây là nhiệm vụ có tầm ảnh hưởng rộng, không chỉ trong các vấn đề xã hội, mà còn cả về chính trị, đối ngoại và kinh tế. Bộ Quy tắc cũng được sự quan tâm của đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hội, cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Vì thế, để tạo được sự đồng thuận và

bảo đảm chất lượng nội dung, Bộ TTTT đã chủ động cung cấp thông tin cho báo chí để truyền thông tới các tầng lớp nhân dân về sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu và các nội dung cốt lõi của Bộ Quy tắc; đã tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo để xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực luật học, văn hóa, báo chí - truyền thông, xã hội học... Sau khi hoàn thiện dự thảo Bộ Quy tắc, Bộ TTTT đã gửi các cơ quan Trung ương, các bộ, ngành, địa phương để lấy ý kiến góp ý. Đa số các ý kiến góp ý đều đồng thuận với sự cần thiết và các nội dung cơ bản của Bộ Quy tắc và Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, ban hành trong thời gian tới.

10. Về thúc đẩy hình thành và phát triển nền tảng truyền thông xã hội trong nước; có chính sách phát triển các doanh nghiệp số Việt Nam; thực hiện chuyên đổi số quốc gia, kinh tế số, bảo đảm công bằng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Bộ TTTT đã xây dựng và công bố cổng thông tin giới thiệu sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam tại địa chỉ [makeinvietnam.mic.gov.vn](http://makeinvietnam.mic.gov.vn); đang chỉ đạo thúc đẩy mạng xã hội Việt Nam đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người Việt; thực hiện quản lý hiệu quả các nền tảng mạng xã hội nước ngoài có hoạt động xuyên biên giới; đề xuất phương án xử lý các nền tảng vi phạm pháp luật Việt Nam; đẩy mạnh triển khai ứng dụng các sản phẩm số Việt Nam (trình duyệt, phần mềm phòng chống mã độc, mạng xã hội) có chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong cơ quan nhà nước, tiến tới giảm dần sự phụ thuộc vào các sản phẩm ngoại.

Để phát triển hệ sinh thái số Việt Nam đáp ứng nhu cầu sử dụng Internet của người Việt, hướng tới giảm dần phụ thuộc đối với các nền tảng nước ngoài, Bộ TTTT đã tích cực nghiên cứu, trao đổi với các doanh nghiệp và triển khai nhiệm vụ theo các hướng chính: tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài; thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển thông qua đặt hàng doanh nghiệp, kêu gọi đầu tư, kết nối các nguồn lực hay cùng doanh nghiệp tháo gỡ các khó khăn cụ thể; phát triển thị trường cho các sản phẩm Việt Nam; tạo điều kiện cho các sản phẩm số Việt Nam đáp ứng yêu cầu được triển khai trong các cơ quan nhà nước...

Bộ TTTT xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Đồng thời đã phát động Cuộc vận động ứng dụng công nghệ Việt cho cuộc sống số, chỉ đạo toàn ngành TTTT cùng vào cuộc phòng, chống dịch bệnh Covid-19, giúp cuộc sống tiếp diễn bình thường và thúc đẩy phát triển CNTT, chuyển đổi số, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

10. Về sớm sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, trong đó đã sửa đổi, bãi bỏ nhiều điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính không còn phù hợp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động cũng như chuẩn bị hồ sơ cấp phép trong các lĩnh vực thông tin điện tử, viễn thông... Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý đối với sự vận động và phát triển nhanh của công nghệ và xử lý thông tin trên mạng, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ năm 2020.

11. Về hình thành bộ mã bưu chính đến địa chỉ, hỗ trợ cho thương mại điện tử và kinh tế số.

Với mục tiêu phát triển bộ Mã bưu chính đến địa chỉ theo hướng là nền tảng hạ tầng số, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong bưu chính; tạo nền tảng phát triển dịch vụ mang tính hỗ trợ/logistics cho thương mại điện tử và kinh tế số, Bộ TTTT đã chỉ đạo Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) khẩn trương triển khai nhiều giải pháp để bảo đảm tiến độ. Đến nay, bằng sự tập trung cao về nguồn lực CNTT và ứng dụng nhiều giải pháp công nghệ, VNPost đã gán mã cho hơn 23,4 triệu địa chỉ đã thu thập được. Theo kế hoạch, Bộ TTTT sẽ tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đối tượng sử dụng hệ thống mã địa chỉ (các doanh nghiệp bưu chính, doanh nghiệp TMĐT, Hiệp hội và tổ chức có liên quan) dưới nhiều hình thức (hội thảo, hội nghị, văn bản...); xây dựng văn bản quy định về mã địa chỉ bưu chính, trong đó dự kiến quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống mã này.

Trong thời gian tới, Bộ TTTT tiếp tục chỉ đạo VNPost xây dựng nền tảng và các công cụ tương tác (web/app) cung cấp các tiện ích, các công cụ phân phối API về địa chỉ, mã địa chỉ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nhằm chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan đến Chính phủ điện tử, thương mại điện tử. Dự kiến hệ thống Mã địa chỉ bưu chính sẽ được công bố vào tháng 6/2020.

12. Về xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 và Chiến lược quốc gia về dữ liệu đáp ứng yêu cầu xã hội; tiếp tục phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; đầu năm 2020, ban hành quy định về kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung; tiếp tục nghiên cứu, ban hành hướng dẫn triển khai mô hình thành phố thông minh.

Bộ TTTT đã chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng CPĐT của các quốc gia trên thế giới, tổ chức hội thảo với các đơn vị có liên quan để xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Dự kiến sẽ xin ý kiến rộng rãi vào tháng 5/2020. Đồng thời, đang xây dựng dự thảo Chiến lược quốc gia về dữ liệu và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ vào Quý IV/2020.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số; trong đó có một số nội dung mới như: xác

định vị trí và tầm quan trọng của dữ liệu số trong quá trình xây dựng chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; xác định dữ liệu là yếu tố trọng tâm để phát triển Chính phủ điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp; đưa vào cách thức tiếp cận về quản lý, kết nối và chia sẻ phù hợp với định hướng hiện đại, theo xu hướng công nghệ mới hiện nay; đơn giản hóa quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu số, tạo hành lang pháp lý minh bạch và thuận lợi cho dữ liệu lưu chuyển từ nơi có đến nơi cần; thiết lập nền tảng cho Chính phủ mở.

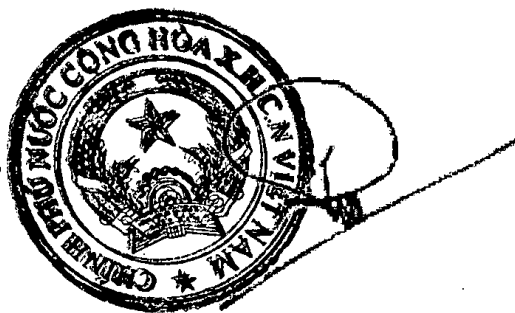
Bộ TTTT đã ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0) tại Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019; công bố Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (phiên bản 1.0) tại văn bản số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019; hướng dẫn các địa phương triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh (đến nay đã có 19 địa phương tham gia).

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội về việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và hoạt động chất vấn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc của Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: HC (5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: CN, ĐMDN, KTTH, KGVX, NC, NN, PL, TCCV, TH, TKBT, V.I, KSTT, Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).<sup>18</sup>

**TM.CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**



**Mai Tiến Dũng**